VẤN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 52 Tháng II-1971

phạm văn thuyết	1	sự phát triển kinh tế trong khuôn khổ hợp tác vùng, một khía cạnh của sự xây dựng khối liên lập đông nam á
tùy anh	9	váy ngắn, tóc dài và phản kháng
vũ đình lưu	18	làm triết lý cụ thể
đặng phùng quân	33	từ aristote đến j. monod
ngụy ngữ	42	với trăng hạ tuần lên
du tử lê	64	xã hội, một kẻ nào
mang viên long	73	tiếp tục đi tìm kẻ mất tích
vĩnh lộc	88	tàn cơn gió loạn

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP : **VŨ CÔNG TRỰC**

QUẢN LÝ : **Bà BÙI THỊ HÒA-KHANH**

BÀI VỞ GỬI CHO : **MAI THẢO**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

Giấy phép số 6068 TBTTCH-BCI 2-12-66

PHẠM VĂN THUYẾT

sự phát triển kinh tế trong khuôn khổ hợp tác vùng, một khía cạnh của sự xây dựng khối liên lập đông nam á.

Hội Thảo Báo Chí Á Châu kỳ thứ hai quy tụ 100 chủ nhiệm, chủ bút và ký giả Á Châu, tổ chức tại Sài-gòn tháng 7 năm 1971, đặt chủ đề là « Việt Nam, khi Hòa Bình trở lại ». Giáo sư Phạm văn Thuyết thuộc Trường Luật Sài-gòn đã được mời thuyết trình về đề tài trên trước Hội Nghị. Bài đăng dưới đây trích trong phần cuối cùng của bản thuyết trình mà tựa đề nguyên văn là « The Economic Situation in Việt Nam, a Ten Year Projection ». Giáo sư Phạm văn Thuyết với tư cách một kinh tế gia đã trình bày những ý kiến riêng của ông về chiều hướng của nền kinh tế nước nhà trong trường kỳ. Trong viễn tượng ấy, giáo sư đã đặc biệt nhấn mạnh đến sự cần thiết quyết tâm của các nhà lãnh đạo chính trị đối với công cuộc phát triển kinh tế lâu dài như một yếu tố thiết yếu duy nhất, cùng sự hợp tác vùng Đông Nam Á (nội dung của đoạn văn trích dịch dưới đây) như một giải pháp giúp đưa nước nhà thoát khỏi sự lệ thuộc vào « ngoại viện theo lối cho không ».

Chúng tôi trích đăng đoạn dịch này trong ý hướng tìm hiểu và xây dựng « Khối Liên Lập Đông Nam Á » mà khía cạnh kinh tế là một khía cạnh đặc biệt quan trọng.

Để độc giả tiện cảm thông với ý nghĩ của tác giả, chúng tôi trong lúc dịch đã gắng giữ nguyên lối hành văn nói chuyện của nguyên bản.

V. Đ.

Với 17 triệu dân, Miền Nam Việt Nam là 1 quốc gia tương đối nhỏ. Để đạt được sự gia tăng mau chóng mức lợi tức tính theo đầu người, Miền Nam V.N. không nên tập trung nỗ lực vào sự phát triển kỹ nghệ và nông nghiệp để phục vụ riêng thị trường trong nước, mà nên lưu ý đến việc bành trướng xuất cảng.

Tuy nhiên, dầu chính sách thay thế nhập cảng có hấp dẫn đối với nhiều quốc gia đang mở mang thì thị trường quốc nội cũng cần phải được phát triển để yểm trợ các cơ xưởng có khuôn khổ tối hảo có thể sản xuất được hàng hóa với giá cạnh tranh so với giá nhập cảng. Nếu không, nền kinh tế có thể sẽ kết thúc bằng những đơn vị nhỏ sản xuất hàng hóa tương đối xấu với giá cao. Và như thế thuế suất và các sắc thuế nhập cảng khác lại phải nâng cao để có thể bảo vệ sản phẩm nội hóa khỏi bị hàng nhập cảng cạnh tranh, và rút cuộc thì những người bị thiệt thòi thật sự vẫn là giới tiêu thụ trong nước, và như vậy chắc chắn nỗ lực phát triển của quốc gia sẽ bị giảm sút.

Bình thường, gần 90% lợi tức xuất cảng của V.N. do 2 nông phẩm chính là gạo và cao su.

Nếu trong tương lai, V.N. vẫn tiếp tục trông vào 2 sản phẩm này thì viễn ảnh kinh tế sẽ rất tối tăm mặc dù việc chuyên môn hóa vào 1 vài sản phẩm xuất cảng không nhất thiết phải là 1 sự nguy hiểm như các sách giáo khoa đã từng diễn tả.

Nhưng nếu VN có thể đa hóa xuất cảng để tránh các bất trắc vì lệ thuộc vào một vài sản phẩm nông sản, thì chúng ta sẽ đỡ được rất nhiều rủi ro trước những thăng trầm của giá cả trên thị trường quốc tế.

Và do vậy trong khuôn khổ hợp tác vùng, VN có thể thu về được một phần khả quan hơn trên trị trường vùng, về một số sản phẩm hơn là chỉ thu hẹp vào hai loại là gạo và cao su.

Lợi điểm hai mặt này của hợp tác vùng tôi tin là đúng cho tất cả các quốc gia đang mở mang tại Đông Nam Á.

Đến đây, tôi muốn được đề cập tới một khía cạnh lý thuyết của vấn đề. Tác giả các sách giáo khoa thường nhấn mạnh vào lý thuyết «Lợi Ích Tương Đối» có từ nhiều thế kỷ nay, theo đó thì các quốc gia sẽ có lợi khi tự chuyên môn hóa vào các hàng hóa mà sản phí thấp nhất. Nhưng giờ đây chúng ta biết rằng, như trường hợp Nhật bản đã chứng minh, phí tổn sản xuất lệ thuộc vào kích thước thị trường nhiều hơn là vào các yếu tố tài nguyên. Nếu người ta chỉ xét đến yếu tố tài nguyên thì Mã-lai-Á chỉ nên chuyên môn hóa vào cao su, Tích-lan vào trà, Việt-Nam vào gạo và một vài quốc gia khác — cho đến hết thế kỷ vừa qua — vào việc sản xuất dân số mà thôi ! Và như thế không một quốc gia nào trong các quốc gia vừa kể nên đi vào con đường kỹ nghệ.

Do đó tôi tin rằng lý thuyết « Lợi Ích Tương Đối » cổ điển phải được hiểu theo 1 nghĩa thật sống động để nó lúc nào cũng thích ứng. Do đó, lý thuyết này không thể áp dụng vào thế giới hiện tại với cơ cấu kinh tế nguyên trạng : nếu các quốc gia nông nghiệp cố gắng chuyên môn hóa hơn nữa về nông nghiệp và nếu các quốc gia tiền tiến giả dụ ngừng lại ở mức phát triển kỹ nghệ hiện tại thôi, thì hố cách biệt về lợi tức giữa hai loại quốc gia đó mỗi ngày một thêm sâu. Các quốc gia Á-Phi sẽ mỗi ngày một nghèo hơn nữa.

Với nhận định cần san bằng các khác biệt về khuôn khổ các quốc gia, ngay cả tại Á Châu, các nguyên tắc hợp tác trong khuôn khổ vùng theo lối tiểu-tập-hợp (subgrouping) giữa các quốc gia về chuyên chở và kỹ nghệ đã được đề nghị trong cuộc hội thảo về vấn đề hợp tác thương mãi và tiền tệ giữa các quốc gia miền Đông Nam Á, tổ chức tại Kabul (A-Phú-Hãn).

Người ta lại thấy có hai trường hợp mà lý thuyết « Lợi Ích Tương Đối » tỏ ra đúng trong thời đại mới đối với các quốc gia nhỏ bé và đang mở mang. Thứ nhất : trong khuôn khổ hợp tác vùng, mỗi quốc gia, bằng cách này hay cách khác, được « chỉ định » sản xuất một số hàng hóa đặc biệt với một thị trường vùng nhất định, có thể chuyên môn hóa trong mấy loại hàng này, và như thế ý niệm « Lợi Ích Tương Đối » trở nên có ý nghĩa. Hiển

nhiên là một chiếc xe hơi được chế tạo và ráp hoàn toàn tại Việt Nam hay Đài Loan, có thể sẽ được chế tạo đẹp hơn và rẻ hơn nếu có một thị trường tiêu thụ lớn hơn.

Do đó giá sản xuất rẻ hơn. Trường hợp thứ hai : khi thực hiện kế hoạch hợp tác vùng, ta có thể kiểm soát giá cả hàng xuất cảng của ta kỹ hơn đối với phần thế giới còn lại — nhất là giá hàng —, do đó làm cho lý thuyết « Lợi Ích Tương Đối » ứng dụng tốt hơn để thu hẹp hố phân chia lợi tức.

Nếu nhìn xa trông rộng hơn, công cuộc hợp tác vùng mạnh mẽ, vững chắc của các quốc gia Á Châu đang mở mang không những có lợi cho chính các quốc gia này mà còn cho cả các quốc gia đã mở mang bằng sự giảm thiểu gánh nặng viện trợ các quốc gia mở mang cho các quốc gia đang mở mang và sẽ xây dựng cho các quốc gia này trở nên những người bạn đường thương mãi mạnh hơn về tài chánh, là điều thiết yếu cho sự thịnh vượng trường kỳ và ổn cố của các quốc gia kỹ nghệ tiền tiến.

Trường hợp Việt Nam, sự gia nhập vào tất cả các loại hợp tác vùng về kinh tế ở Á Châu là điều thiết yếu chứ không phải chỉ là một điều lợi mà thôi. Để đạt được nhịp phát triển gia tăng mãi, kinh tế Việt Nam không thể khép kín. Chúng ta có thể đang nhập cảng quá nhiều với mức hiện tại 750 triệu mỹ kim hay 1/3 tổng sản lượng quốc gia, nhưng để thực hiện một mức phát triển hàng năm từ 5 đến 6%, chúng ta vẫn cần phải giữ nhập cảng ở một mức đáng kể.

Các giới am hiểu về vấn đề này đã đề nghị một mức nhập cảng đi từ 450 triệu (1) đến 700 triệu (2) Mỹ kim. Dù chọn mức nhập cảng thấp nhất, chúng ta cũng khó tìm được một giải quyết cho vấn đề tài trợ nhập cảng bằng số thu xuất cảng (cao nhất là 85 triệu Mỹ kim) trừ phi là cơ cấu xuất cảng được cải thiện do các kế hoạch hợp tác và phát triển vùng giữa các quốc gia Á châu.

---

(1) Số thấp do Nhóm Kế Hoạch Hậu Chiến ước lượng trong Kế Hoạch Hậu Chiến.

(2) Số cao do ông John P. Mossler, Giám đốc USAID trong bài thuyết trình « Viện trợ Mỹ cho VN » ngày 13-5-1971.

Một bản nghiên cứu tỉ mỉ do một quý đồng nghiệp cũ (3) của chúng tôi cho thấy rằng vào khoảng 1980, sau khi cơ cấu xuất cảng nông phẩm được tổ chức lại để gồm thêm nhiều sản phẩm, thì xuất cảng nông sản Việt Nam có thể đạt tới mức 230 triệu Mỹ kim, tức là gần gấp ba của năm tuyệt đỉnh 1960, và gấp nhiều lần mức độ hiện tại (15 triệu). Nhưng hiển nhiên, ngay cả con số đó cũng không thể sánh được với nhu cầu nhập cảng ước lượng thấp nhất ở mức 450 triệu.

Trên thế giới, trong những năm mới đây, sự hợp tác kinh tế vùng, như một phương tiện cải thiện phát triển và khả năng xuất cảng của các nhóm quốc gia, đã tạo những tiến bộ đáng kể. Sự hợp tác vùng có thể làm gia tăng mức phát triển của quốc gia và tạo nên một căn bản rộng hơn và vững vàng hơn cho phát triển : nó mở rộng thị trường bán hàng hóa, nới rộng các cơ hội đầu tư có lợi vì hiệu quả của thị trường, và quan trọng nhất là nó giúp sự chuyên môn hóa được rộng rãi hơn trong các hoạt động kinh tế, gia tăng khả năng kinh tế của từng nhóm quốc gia trong việc giao dịch với thị trường quốc tế.

Thị trường chung Âu Châu và Hiệp hội thương mại tự do Mỹ Châu là một vài thí dụ về sự thành công của hợp tác vùng.

Sự bành trướng thương mãi giữa các quốc gia ở ĐNÁ là một điều nhất định có thể làm được, dù có đôi lúc người ta nói rằng mức độ giao thương giữa các quốc gia có nền kinh tế giống nhau có thể thấp và chỉ đóng góp được ít vào sự hợp tác tương lai, vì mỗi quốc gia đều đưa tới thị trường những sản phẩm giống nhau.

Điều tranh luận trên đây có vẻ gần như thuận lý, nhưng xét kỹ, tập hợp các sản phẩm tương tự trong các quốc gia khác nhau thực ra thường gồm các sản phẩm đặc biệt khác nhau, rồi hoặc sự chuyên môn hóa hiện hữu hoặc các phương thức chế tạo khác nhau để tạo cơ hội cho sự giao thương. Cũng thế,

---

(3) G. W. Peters trong « kế hoạch phát triển nông nghiệp tại miền Nam VN » tháng 4-1969. Giáo sư Peters có làm việc chung với Nhóm Kế Hoạch Hậu Chiến.

sự khác biệt về nguyên liệu hoặc tài nguyên tạo nên các khả năng giao thương.

Nền kinh tế của các quốc gia ĐNÁ hiển nhiên đủ khác nhau để yểm trợ cho một khối lượng thương mãi gia tăng giữa các quốc gia này với nhau. Hơn nữa, sự hợp tác trong các dự án kỹ nghệ giữa các quốc gia này, thí dụ như đối với việc khai thác các tài nguyên lâm nghiệp hỗn hợp để sản xuất bột giấy và sản phẩm về lâm sản, đã nới rộng phạm vi thỏa hiệp về hợp tác.

Các quốc gia ĐNÁ. còn có thể thiết lập các cơ sở vận tải hỗn hợp như các hãng hàng không, hàng hải.. công ty S.A của các quốc gia Bắc Âu là một thí dụ rõ ràng về sự hợp tác vùng thành công về vận tải

Sự hoàn tất đường xa lộ xuyên-Á sẽ đưa ta về hình ảnh « Con Đường Tơ Lụa » thuở xưa và thị trường sẽ nới rộng cho các sản phẩm Á châu ngày nay trong phạm vi của chính Á Châu.

Sau cùng, sự phát triển vùng châu thổ sông Cửu Long, một kế hoạch đa quốc đầy triển vọng chỉ thành công được nếu các quốc gia ở hai bên bờ sông này cùng chung vai sát cánh. Không một quốc gia riêng rẽ nào ở trong vùng có thể rút được nguồn lợi chỉ do sự phát triển một phần của vùng châu thổ trong phạm vi của mình mà nhiều bằng nguồn lợi khi do nỗ lực chung tạo nên. Thủy điện lực dùng cho kỹ nghệ và cho tư gia tiêu thụ, khả năng trị thủy và dẫn thủy cho hàng triệu mẫu đất canh tác là những phần thưởng hấp dẫn cần phải đạt được với điều kiện các quốc gia trong vùng này thỏa hiệp được với nhau và tìm được sự trợ giúp tài chánh cho kế hoạch.

Vì sự hợp tác thương mãi và tiền tệ có thể tạo được ảnh hưởng sâu rộng đối với phát triển kinh tế của mỗi quốc gia thuộc vùng, nên các cuộc hội thảo mới đây giữa đại diện các quốc gia trong Á-châu Viễn-đông kinh-ủy Hội đã nhấn mạnh vào nhu cầu khuếch trương thương mãi và cộng tác về tiền tệ giữa các quốc gia thuộc miền.

Để làm thuận thiện và giữ vững mức bành trướng thương mãi giữa các quốc gia này, nhiều quốc gia đã tán thành việc thành lập Liên Hiệp Chi Phó và Giao Hoán Á-châu và Ngân hàng Dự trữ Á-châu có đơn vị tiền tệ chung là « Dollar Á-châu ». « Dollar Á-

châu sẽ tương đương với một SDR do Quỹ Tiền tệ Quốc tế phát hành tức là tương đương với 1 dollar Hoa Kỳ về trị giá hiện hữu.

Các thỏa hiệp giữa các quốc gia về ưu đãi quan thuế cũng rất cần thiết cho việc phát triển thương mại.

Các định chế đã có hoặc được đề nghị mà chúng tôi nhắc lại ở trên chỉ là những giải pháp cục bộ, từng phần cho vấn đề phát triển kinh tế lớn lao của toàn thể Á-châu, nhưng là những biện pháp tượng trưng các bước tiến theo chiều hướng đúng. Nói khác đi, chúng ta có thể phác họa và thực hiện được các cơ cấu tương tự như Thị Trường Chung Âu Châu, « Mỹ Kim Âu Châu » (Euro — dollar).

Tất cả các cố gắng kể trên, đứng về 1 vài phương diện, đối với các quốc gia Á-châu hiện còn tùy thuộc vào Hoa Kỳ dưới hình thức « trợ cấp cho không » — đặc biệt là Việt Nam — có nghĩa là chúng ta thay thế tình trạng lệ thuộc của các quốc gia hậu tiến đối với các quốc gia tiền tiến bằng một sự lệ thuộc tương hỗ giữa các nền kinh tế Á-châu với nhau. Đây chính là nguyên tắc tự lực giữa các nền kinh tế Á-châu. Về khía cạnh này, một số người mới đây đã đề cập ý niệm một « kế hoạch Marshall Á-châu » theo đó các quốc gia tiền tiến sẽ giúp đỡ các quốc gia hậu tiến về kinh tế hoặc bị chiến tranh làm cho tan nát.

Với ý niệm « Á-châu do người Á-châu » cùng với ý niệm được mệnh danh là « chủ thuyết Nixon » liên quan tới vấn đề phòng thủ Á-châu, sự bảo trợ chương trình Marshall này nếu được trao vào « tay khéo léo » của Nhật Bản, một quốc gia đang tận hưởng loại « phép lạ Đức quốc » (German miracle) hậu chiến và đang có một cán cân thương mãi vô cùng thuận lợi với các quốc gia tại Đ.N.Á. Đây cũng là một cơ hội tốt cho toàn thể nước Nhật để hành động, và tỏ thiện chí giúp xây dựng vùng đất Á Châu, và thay đổi một hình ảnh tương đối xấu ngay cả trong lòng người Á Châu, đó là hình ảnh một tay lái buôn quỷ quyệt và « chất cho đầy túi tham » chỉ chú ý đến việc bán hàng của mình. Trường hợp VN, riêng từ năm 1967 đến giữa năm 1970 tức trong hơn 3 năm, chúng ta đã mua của Nhật 533.5 triệu Mỹ kim và bán cho Nhật có 7.6 triệu Mỹ kim. Tôi tin rằng Nhật Bản chắc chắn sẽ có lợi trong vấn đề giúp các quốc gia Á châu vì khi các quốc gia này càng

trở nên hùng mạnh họ càng trở thành những khách hàng tốt hơn cho Nhật.

Nghĩ tới tương lai Việt-nam về khía cạnh kinh tế, mà khó nhấn mạnh tới sự hợp tác kinh tế chặt chẽ hơn giữa các quốc gia Á châu — đặc biệt là Đông-Nam-Á — thì cũng chỉ giống như phác họa tương lai bằng cách làm cho hiện tại tái diễn trong tương lai mà thôi. Một tương lai mới cho Việt nam phải là một tương lai mà người Việt tin tưởng vào chính mình với sự trợ giúp của các bạn Á châu, cũng như một tương lai mới tốt đẹp hơn cho Á-châu chỉ có thể thực hiện được với sự hợp tác của các quốc gia Á châu.

phạm văn thuyết

23 - 6 - 1971

TÙY ANH

váy ngắn, tóc dài và phản kháng

Chỉ mới lặn lội mấy tháng ở U Minh nhưng tôi không khỏi ngớ ngẩn như mán lạc về thành khi trở lại Saigon.

Saigon an lành, no đủ và xa hoa như một lâu đài thành lũy của các lãnh chúa thời xưa. Saigon điều động chiến tranh nhưng lại không trực tiếp biết đến chiến tranh một cách thường trực như những miền khác của quê hương,

Saigon đang sống khép kín như một « cô Mai nửa chừng xuân », như một phú hào ích kỷ và phè phỡn. Saigon được nuôi dưỡng như con cầu tự. Như Lê Chiêu Thống trong triều đình nhà Thanh.

Saigon là đầu não điều động tất cả mạch sống của người Việt. Saigon cũng là con tẩy của ván bài định mệnh đã và đang diễn ra từ mấy chục năm nay. Saigon là cái nôi của chế độ, là đất đứng của một hệ thống quyền uy tạp nhạp lẫn lộn những âm mưu ngoại lai và tham vọng cá nhân.

Saigon là biểu tượng lý tưởng của một quốc gia « tự do », cái lý tưởng đang trở thành luận chứng biện minh cho hành động của chế độ, biện minh cho « chính nghĩa quốc gia ».

Nhưng cái lý tưởng « tự do » phồn thịnh mà Saigon là biểu tượng này lại cũng chợt hiện — nếu không phải là hàm ẩn

thường xuyên ! — những nét vàng son tàn hại chẳng có lợi gì cả cho lý tưởng « tự do » lẫn những người đang chống lại lý tưởng đó bằng bạo hành sắt máu.

Quả vậy, Sài-gòn là nơi được nuôi sống đầy đủ nhất, được trau chuốt và o bế tận tình nhất, được bảo vệ kỹ lưỡng nhất Và cũng là nơi giàu có nhất, dĩ nhiên. Sài-gòn sẵn trường học sẵn những tiện nghi văn hóa, giải trí. Cũng là nơi tập trung những cơ sở tinh thần đạo đức hùng hậu. Saigon là nơi có nhà tù lớn nhất, trụ sở của những lực lượng an ninh, trật tự mạnh nhất. Nhưng Saigon cũng là nơi loạn nhất. Và hiếu động nhất trong « phong trào » loạn này là Thanh Niên, tầng lớp đang thụ hưởng những ưu đãi, tiện nghi gấp mười gấp trăm lần hơn những đồng bào, đồng lứa với họ ở các vùng khác trên quê hương.

Và nói chung bây giờ những cứ điểm an toàn khác có những điều kiện tương tự Saigon như Cần Thơ, Nha Trang, Qui Nhơn, Đà Lạt, Đà nẵng... đều thoáng hiện những nét « vàng son tàn hại » mà thành phần chủ động là Thanh niên.

Con trai tóc dài áo *pince* quần *cigare*. Con gái *Mini*, *Maxi*. Phong trào thích nhạc phản chiến, quay về với thi ca tiền chiến. Những « băng » bụi đời giải khuây bằng chiến lợi phẩm cướp dật, bằng hưởng lạc tập thể, bằng ma túy, bằng càphê đậm, thuốc lá đen. Và cao trên tất cả là những biến động phản kháng của thanh niên đòi hòa bình, đòi quyền sống và đòi hủy bỏ những định chế về nghĩa vụ quân sự.

Hiểu thế nào những hình thái « phản động » văn hóa, đạo đức và chính trị ấy ?

Bảo rằng thanh niên loạn, thanh niên sa ngã vì chạy theo những quái tượng văn hóa ngoại lai, mất gốc. Nhưng hiện tại gốc nào cho thanh niên bám vào? Bảo thanh niên hư hỏng vì ăn no bò cỡi, bắt đi lính hết là xong ?! Nhưng tại sao họ được không đi lính, tại sao họ không vào lính ? Và nói vậy thì hóa ra trại lính là nhà tù ? Khoan dung hơn, người ta lại nói thanh niên hiếu động, hãy chờ chúng lớn lên, có công ăn việc làm, có vợ con thì đâu sẽ vào đấy cả. Nhưng thế nào là « đâu lại vào đấy »? Hướng dẫn, lãnh đạo và cai trị chỉ là chờ đợi và duy trì tình trạng « đâu lại vào đấy » vậy thôi sao ?

Và đâu lại vào đấy theo tiêu chuẩn nào, trong khuôn khổ nào ? Một xã hội bất công thối nát, phồn thịnh giả tạo trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp, trong tư thế một tiểu bang của Hoa kỳ ? Một xã hội khắc khổ, câm nín, căng thẳng trong thân phận một vùng đất bé nhỏ của Đông Phương Hồng ?

Dù bắt nguồn từ một ý thức rõ rệt hay chỉ là hiện tượng đàn cừu của Panurge thì mọi loạn động của thanh niên đều có chung một đặc điểm : *Không đồng ý với cái đang có, hay xa hơn, muốn phủ nhận cái đang có.* Họ không bằng lòng với con đường đang đi, không thích lối sống đang phải chấp nhận, không thỏa mãn với những chiều hướng suy tư mà những người lớn đang muốn họ theo.

Thanh niên chống chiến tranh dù họ phải đi lính, dù bạn bè họ đang đi lính và có đứa « vừa xanh nấm mồ » ! Họ phản đối đàn áp, bắt bớ, tù đày, nhân danh tự do nhưng thanh niên lại là thành phần ít chịu chấp nhận « mỗi là phiếu là một viên gạch xây nền dân chủ » nhất. Họ tham gia lật đổ Ngô đình Diệm và họ chống cả những người đã làm thịt Ngô đình Diệm.

Thanh niên đã nhìn và diễn tả tương giao xã hội, đạo đức, chính trị như Kandinsky vẽ tranh, như A. Breton làm thơ, như Ionesco viết lịch. Họ vặn méo và chà đạp cái thực tại đang đè nặng, hoặc hơn nữa, muốn đưa ra một thực tại như họ ước mong và đang còn là vô định hình. Họ vẫy vùng muốn thoát khỏi những huyễn mị đạo đức, những nô lệ kinh tế, những gian dối chính trị, những cộng nghiệp lịch sử.

Hành động của thanh niên, những loạn động của thanh niên dù muốn dù không đã mang màu sắc « chính trị » trong một xã hội mà mọi sự đang bị chính trị xâm nhập, thao túng, lũng đoạn ngay cả những phạm vi riêng tư nhất của cá nhân.

Thanh niên chạy theo ma túy, thuốc lá, cà-phê vì muốn được « phi » cho quên đời, quên bất mãn. Họ hưởng lạc tập thể như để thách thức với tam cương ngũ thường, với những lễ

nghi đạo đức giả của những cha linh hồn, của kẻ sống nhưng lại là con cưng của Satan. Họ quay về với thi ca tiền chiến và chán ngấy tập đoàn văn công, tập đoàn văn hóa hưởng thụ. Họ phản chiến vì không tìm thấy ý nghĩa của chiến tranh, hoạt động của chế độ, tác dụng của chủ nghĩa, của ý thức hệ.

Ý nghĩa đầu tiên có thể tìm thấy trong sự phản kháng toàn diện của thanh niên là sự hủy hoại chính xác thân họ, hay biến thái chính những cái nhìn, những dụng tâm và kỳ vọng nhắm vào con người thanh niên. Hủy hoại bằng ma túy, bằng tốc độ, bằng khói lựu đạn cay, bằng ma-trắc và những tháng ngày tù tội. Biến thái bằng thời trang, bằng ngôn ngữ kỳ dị, hỗn loạn gây kinh ngạc, sững sờ.

Xã hội muốn một tâm hồn lành mạnh trong một thể xác tráng kiện để có thể liên tục làm tôi mọi cho «quốc sách», chủ nghĩa, liên tục làm than củi cho chiến tranh cách mạng... Xã hội muốn huyễn mị họ bằng hình ảnh trai anh hùng, gái đoan trang... Thanh niên không để cho xã hội tiếp tục muốn, tiếp tục bó buộc họ phải thực hiện ước muốn đó.

Chiếc áo pince và đầu tóc ái nam ái nữ có thể là biểu tượng của một thách thức, một lời điễu cợt và một lòng mê say không tưởng, một hy vọng tiêu cực. Xã hội muốn cho thanh niên mạnh thì thanh niên lại tự làm thành yếu đuối, ẻo lả. Xã hội muốn họ giấu thì họ khoe, muốn họ ngoan thì họ bất phục. *Dù bất cứ với hình thức nào thì hiện tượng loạn động của thanh niên đều mang ý nghĩa một phản kháng chánh trị.*

Chế độ nào cũng cần người, kế hoạch chiến tranh nào cũng cần nhân lực, chính sách kinh tế nào cũng cần thành phần sản xuất và nhất là thành phần tiêu thụ. Nhưng khi chế độ đã chỉ còn là những bộ máy áp bức, chiến tranh đã trở thành phương tiện duy trì chế độ, duy trì huyền thoại, kinh tế đã biến thành kỷ thuật bóc lột thì phản ứng đầu tiên để phản đối chiến tranh, phản đối những định chế chính trị kinh tế là những nhân lực hữu dụng hay tài nguyên đó phải tự phủ nhận vai trò nhân lực tài nguyên của mình. Cùng tột của sự phủ nhận đó là tự hủy hoại.

Phản kháng trở thành một thái độ tự hủy và tự biến thái của những nhân lực đang và sẽ giữ vai trò rường cột

của một chế độ, một ý thức hệ, của những tài nguyên nhân sự cần thiết cho chiến trường, của thành phần « cán bộ sản xuất » và đồng thời cũng là thành phần thụ hưởng nô lệ.

Có người bảo một trong những tiêu chuẩn phân định người và vật là *hổ thẹn*. Không hổ thẹn là trơ trẽn, khả ố. Như cánh hoa phơi bày bộ phận sinh dục cho thiên hạ ngắm. Như con vật đuôi không đủ lớn, lông không đủ dày để che những nơi cần che.

Những nền đạo đức làm cương thường cho xã hội, và do đó, cho các chế độ càng trở nên sa sút, vô hiệu, giả dối thì những tiêu chuẩn và lề luật đạo đức lại càng có vẻ bớt khắt khe, thì chiến tuyến đạo đức lại càng lùi, càng thu hẹp. Chiến tuyến cuối cùng đó là *tránh hổ thẹn, bảo sự sự hổ thẹn*. Hay nói thế khác, *biến hổ thẹn thành một điều cấm kỵ tập thể để ngăn chặn và trấn áp những tấn công, thách thức, hoài nghi nhằm vào cả những nền đạo đức kín lẫn những nền đạo đức hở, hoặc kín mà đang tự hở để tự vệ và tồn tại.*

Người ta khuyên thanh niên phải biết hổ thẹn; trách cứ thanh niên vô đạo, trâng tráo, lố lăng. Nhưng người ta lại không nói đến sự hổ thẹn, không tố cáo sự-không-biết-hổ-thẹn của những kẻ đấu thầu xương máu của những người đã hy sinh « vì chính nghĩa », những kẻ đã bóc lột công lao của những người thợ trong nhà máy, những nông dân ngoài đồng ruộng, những kẻ đã buôn bán chợ đen linh hồn và hạnh phúc đời sau của đồng loại, những kẻ hoạt đầu chính trị, những con buôn văn hóa giáo dục. Một thanh niên để tóc dài thì có thể bị đè đầu cạo trọc, quần ống thụng thì bị xé toạc; một người hành khất ngủ ngoài lộ thì bị bắt nhốt... Trong khi những khả ố văn hóa, chính trị, quân sự, đạo đức lại được tuyên xưng, được sơn son thiếp vàng cho thiên hạ hoan hô, ca tụng!

Làm thế nào những người trẻ tuổi hiểu được, chấp nhận được những điều trái cựa và lật lọng ấy. Thế cho nên họ phản kháng và phủ nhận. Dù là đơn sơ, rời rạc và đôi khi lại còn vụng dại về phương diện chính trị. Nhưng đàng nào thì thanh niên cũng đã phản kháng. Họ cố gắng tìm ra — và chạy theo nữa —

một lối ăn mặc mới, trang sức mới, xử thế mới, một cách xử dụng đời họ nghịch thường, một ngôn ngữ khác thường. Bởi lý họ không còn chịu nổi những khuôn thước cũ, những định thức sẵn có, những mục đích sống mà bậc đàn anh và giai tầng lãnh đạo xã hội mọi mặt đang muốn gán cho họ.

Hình như không còn một thực trạng lịch sử, văn hóa, chính trị, quân sự nào khả dĩ thuyết phục được thanh niên hiện nay chấp nhận một chiều hướng hay một trật tự hiện hành nào. Họ đang chới với trong một thứ hư vô rợn ngợp. Họ cố vùng vẫy, cố sống, cố tận dụng đời họ một cách vô hiệu năng, hay cố giữ cho đừng có một hiệu năng xã hội, đạo đức, chính trị nào như hiện trạng đang đòi hỏi.

Hơn mười năm qua, từ Sài-gòn đến Hán-thành, từ Đông-kinh đến Djakarta, từ Athènes đến Ankara, từ Hoa-thạnh-đốn, Ba-lê đến đến Bá-linh, Luân-đôn, từ Prague, Poznan đến Mạc-tư-khoa... hoặc ít hoặc nhiều các chính quyền đã phải chới với lung lay vì những phong trào phản kháng của thanh niên. Biểu ngữ, *Coctail Molotov* lẫn lộn với râu tóc bờm xờm, áo quần xốc xếch kỳ khôi ; những tuyên ngôn chững chạc sắc bén lẫn lộn với những tiếng gào thét phẫn nộ phụ họa bằng *Rock'n roll* ; gậy gộc chai lọ, gạch đá lẫn lộn với những cành hoa tươi của người xuống đường cắm trên đầu súng tua tủa lưỡi lê của lực lượng đàn áp...

Cả thế giới Tư Bản lẫn thế giới Cộng Sản đều như đang xao xuyến vì cái dịch phẫn nộ, bất mãn của thanh niên thể hiện qua trăm ngàn hình thái. Dù đặc biệt nhưng thanh niên VN cũng chỉ là một trường hợp. Một trường hợp cụ thể và ray rứt nhất.

Thanh niên chán ghét chiến tranh dưới bất cứ chiêu bài và tiêu ngữ nào. Họ không còn nhìn nhận bảo vệ chính nghĩa bằng chiến tranh, chết vì chính nghĩa bằng chiến tranh là những nguyên tắc túc lý nữa. Họ không chịu Cộng Sản mà cũng chẳng ưa gì Tư Bản với hóa thân èo ọp của nó là chủ nghĩa « quốc gia » thể hiện qua những chế độ dân chủ khập khễnh. Nếu các quốc gia đang « giải phóng » hoặc các nước « dân chủ Cộng hòa » lắm khi chỉ là những con cờ của cuộc tranh chấp giữa các đế quốc thì các nước

dân chủ trong khối « tự do » nhiều lúc cũng đã không thoát khỏi thân phận của những kẻ thù nhỏ của mình. Và người ta sẽ lầm lẫn tai hại nếu tin những trò chơi dân chủ ở các nước « quốc gia » này là một cách thực hiện quyền dân, tôn trọng ý dân và bảo vệ nhân cách đúng như quan niệm dân chủ cổ điển.

•

Cộng Sản đeo đẳng thực hiện những mệnh lệnh của Marx, người đã chỉ nhìn thấy cảnh khổ của giai tầng bị trị qua thân phận những người thợ nước Anh, nước Đức cách đây đã hơn trăm năm. Hoặc mệnh lệnh của Lénine kẻ đã chỉ nhìn thấy hỏa ngục trần gian qua bộ mặt tàn bạo của triều đình Nga đang hồi sa đọa. Cộng Sản cố giải phóng con người khốn khổ trong các xã hội tư bản vô luân nói là để phục hồi giá trị đích thực của con người nhưng lại chỉ nhìn thấy con người đích thực như một con vật kinh tế, homo economicus. Nga-sô xem Mỹ như biểu tượng của đế quốc tư bản độc hại nhưng thâm tâm những nhà lãnh đạo Cộng Sản lại ôm mộng thực hiện một xã hội Nga theo chuẩn đích sống của Mỹ. Trung hoa nặng nề lên án Mỹ là một đế quốc hiếu chiến, phá hoại hòa bình nhân loại nhưng lại vẫn ngấm ngầm ước ao bắt kịp Mỹ trong lãnh vực bom hạch tâm và hỏa tiễn liên lục địa...

Tư bản chủ nghĩa thừa nhận cho con người đủ mọi giá trị, mọi tự do... trừ tự do tham gia điều hành tư bản, điều hành những chiều hướng sản xuất đang nằm trong tay giới chủ nhân. Thân phận con người trong « thế giới tự do » theo tư bản chủ nghĩa chỉ là thân phận của những kẻ tiêu thụ nghĩa là những người được tự do thụ hưởng tất cả mọi thứ, trừ tự do chối từ thân phận của những kẻ đã dùng mồ hôi, nước mắt, và có thể cả máu, để duy trì thị trường sinh lợi cho giới chủ nhân đang đè đầu cỡi cổ mình một cách tế nhị, có phương pháp.

Giai tầng thợ thuyền đang dần dần đánh mất tiềm năng cách mạng, trở nên thụ động và bất lực trong bàn tay sắt bọc nhung của tư bản và những phương tiện cai trị của tư bản là các định chế chính trị, xã hội và, có thể, cả đạo đức. Giai tầng nông dân cũng bất lực trước những kỹ thuật đàn áp, triệt hạ, « bình định » ở [illegible] và tinh vi tân tiến.

Càng vẫy vùng gọng kềm tư bản càng siết. Gọng kềm tư bản càng siết Cộng Sản càng bị dồn vào thế phải lo tự vệ bằng gia tăng sản xuất, nghĩa là gián tiếp bóc lột sản xuất ! Càng ý thức nhu cầu tự vệ thì Cộng Sản, một đàng phải duy trì và củng cố hệ thống đảng trị, nghĩa là độc tài thư lại mới, càng xa dần mục tiêu phục hồi giá trị nhân bản của con người vong thân mà Marx đã xem như lý tưởng. Và đàng khác càng phải xách động, yểm trợ những phong trào chống tư bản, « giải phóng », nghĩa là dùng... « phách không chưởng » để chống lại con hổ giấy có răng nguyên tử !

Thế là cá mè một lứa. Và những người đang điều động vận mệnh Việt Nam, bên này hay bên kia, dù thế nào đi nữa thì rút cuộc vẫn là những cá mè con với những vảy màu xung đối. Theo phe « quốc gia » tự do tức là theo phe tuyên xưng và tranh đấu cho những người có của. Theo phe xã hội chủ nghĩa tức là theo phe tuyên xưng và tranh đấu cho những người có công. Nhưng phe nào đi nữa thì thành phần được lợi nhiều nhất lại không phải là Saigon mà là Hoa Thịnh Đốn, Đông Kinh, Luân Đôn... không phải là Hà Nội mà là Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa...

Nhìn theo những khía cạnh vừa kể thì cuồng lưu bất mãn, phẫn nộ của thanh niên, và riêng thanh niên Việt Nam không phải là một hành động vô thường, một xung đột hư vô hóa, cuồng lưu đó có một ý nghĩa « chính trị ». Đó là một phản kháng chính trị, có thể làm than củi cho một cuộc cách mạng mới không phải nhân danh những chủ thuyết kinh tế, chính trị, thần học nhưng là nhân danh tình cảm, nhân danh sự sống.

Xưa nay chỉ có chính trị, kinh tế, quân sự mới làm lịch sử. Lịch sử chỉ là lịch sử của lý trí cuồng vọng và bản năng sa đọa. Tình cảm đã không có một địa vị nào tròng khi tình cảm mới là phần căn bản. Cũng bởi vì vậy nên cuối cùng Lịch Sử đã nghiền nát con người, như thân cây nghiền nát người tiều phu lơ đễnh hay vụng về chậm chân.

Lịch sử tương lai có thể là lịch sử của tình cảm ? Tình cảm có thể làm lịch sử ? Những người thanh niên hôm nay đang thử trả lời câu hỏi đó, và hình như chỉ mới đang trả lời... một cách vô thức.

tùy anh
Cà Mau 06.1971

VŨ ĐÌNH LƯU

làm triết lý cụ thể

Thật là một khuyết điểm lớn khi chúng tôi nói đến nền móng siêu hình của lý thuyết Mác xít lại căn cứ vào những đoạn văn trích dẫn của Marcuse trình bày trong « *Philosophie et Révolution* » vì không thể kiếm được những bản văn kinh tế. Triết lý của Các Mác viết năm 1844. Chúng tôi chỉ có thể cố gắng đem đối chiếu những ý kiến ấy với tư tưởng của Các Mác trình bày trong các tác phẩm của ông mà chúng tôi có dưới tầm tay để thấy sự phù hợp (và cũng để thấy chính Các Mác lại mâu thuẫn Các Mác). Chúng tôi không đi vào chi tiết mà chỉ nói đến những khái niệm nền tảng mọi người đều biết để không đi xa sự thực. Sự phê bình kinh tế và xã hội của Các Mác có ý nghĩa một tổng luận đặt cơ sở trên nền móng bản thể luận của ông. Sự cố gắng của ông trên đường xây dựng xã hội chủ nghĩa không phải là chỉ lập thuyết về kinh tế để thay thế tư hữu cá nhân bằng sở hữu tập thể. Hiểu như vậy chỉ là một quan niệm Cộng sản hời hợt nông cạn, bó tròn trong ý thức phủ nhận chế độ tư bản. Ông muốn đi xa hơn, ông muốn đặt nền tảng bản thể học cho học thuyết kinh tế « nhân bản » của ông. Lý luận bản thể học của ông nhắm vào sự xác định yếu tính (essence) của con người và môi trường trong đó con người sinh sống tức là xã hội. Hai sự kiện đều ở trong thế hỗ tương biện chứng, vậy thì hai sự kiện phải được nghiên cứu cùng

một lúc, hai vấn đề người và hoàn cảnh sống chung quy chỉ là một. Theo sự hiểu biết của chúng tôi thì trong phạm vi bản thể học, chữ essence được dịch là *thể tính* hay *tính thể* cho nhất trí với chữ thể (être) ; nhưng Nho học dùng chữ *Tính* để nói về *thể* (xin coi bài Phong Thái suy tưởng Nho Giáo, Vấn Đề số 50), vậy xin dùng chữ *yếu tính* cho nhất trí để có thể so sánh với bản thể học Nho Giáo.

Theo Các Mác thì người là « vạn vật chi linh ». Cái « linh tính » mà chúng ta nói đây là cái tinh túy riêng của con người, cái « thiên lý chiếu minh linh giác », theo cách nói của Nho học, nhờ thế mà con người có thể biết được nguồn gốc của sự vật, có thể tác động đến sự vật và tùy tiện biến cải sự vật theo ý muốn của mình. Nói « tác động đến sự vật » chưa đủ. Muông thú cũng tác động đến sự vật, xây tổ, tìm thức ăn, nuôi con, nghĩa là tác động trong một vài giới hạn bất di bất dịch. Con người không bị ràng buộc vào những giới hạn ấy, họ còn tác động vì nhu cầu trí thức và lý tưởng chân thiện mỹ. Sự tác động của họ có tính cách phổ quát và toàn diện. Tác phẩm của họ tạo ra cũng phổ quát và toàn diện. Họ tạo ra một thế giới phản ảnh toàn diện thiên nhiên trong đó họ sinh sống ; họ soi bóng mình trong thế giới họ tạo ra và họ tự thực hiện trong thế giới đó. Họ là chủ thể, thế giới sự vật họ tạo ra là khách thể, nhưng sự tương hệ chặt chẽ, thậm chí họ chỉ có thể thấy chủ thể của mình qua khách thể. Khách thể và chủ thể là bóng với hình.

Điểm quan trọng là con người chỉ nhận ra mình qua sự khách thể hóa đó. Họ rút tinh túy của mình để tạo ra phẩm vật và họ thụ hưởng phẩm vật đó trong sự thỏa mãn cả thân xác lẫn tinh thần. Có sự tác động qua lại giữa chủ thể và khách thể. Họ khách thể hóa cái chủ thể của họ rồi lại chủ thể hóa cái khách thể hóa v.v. Yếu tính của họ được xây dựng trên vòng hỗ tương biện chứng ấy Vấn đề tha hóa được đặt ra vì thế giới sự vật cụ thể họ tạo ra bị cắt đứt khỏi yếu tính của họ, nghĩa là họ làm ra cho người khác hưởng, họ bị đẩy lui về địa vị người bần cùng, trơ trụi, không thể nhận ra yếu tính của mình nữa Ý kiến của

Các Mác có thể thu gọn trong một câu : con người chiếm hữu cả vũ trụ do mình phóng ra để thể hiện yếu tính của mình. Vậy những đặc điểm nào đại diện cho yếu tính đó ? Các Mác trả lời cảm giác, đau khổ, mê say, nhu cầu, lao động.

Đối với ông, lao động có một ý nghĩa cao cả chứ không phải chỉ có ý nghĩa kinh tế, phục vụ nhu cầu cấp thiết, lao động là hoạt động nền tảng để thể hiện yếu tính của con người. Bằng sự lao động, con người khách thể hóa nội tâm của mình. Đạt được kết quả, con người lại nội tâm hóa cái kết quả đó để tự thực hiện yếu tính — ông gọi là chiếm hữu sự khách thể hóa.

Cách đặt vấn đề như trên đây gợi lên cho người đọc câu hỏi

Một cái nội tâm chỉ có cảm giác, đau khổ, mê say, nhu cầu, cái nội tâm như thế hỗ tương biện chứng với ngoại giới có khả năng tạo lập một vũ trụ của loài người như chúng ta thấy ngày nay không ?

Chúng tôi có những nhận xét sau đây :

Chúng ta nếm trái cây, chúng ta thấy trái này có vị ngọt, trái kia có vị chua. Những vị của món ăn hằng hà sa số không sao kể xiết, chúng ta chỉ có một số nhỏ những danh từ để chỉ mùi vị như đắng, ngọt, bùi, béo, mặn, chát, chua v.v., còn thì dùng cách ví von với một vị đã quen thuộc. Những cảm giác của chúng ta về mùi vị không thể giới hạn trong số những danh từ mà chúng ta có và chúng ta cũng không có cách nào diễn tả những mùi vị tri giác được. Nói như vậy nghĩa là nói rằng vị giác cho phép chúng ta tiếp xúc với thế giới vô biên vô lượng của mùi vị.

Đặc điểm của giác quan là để tiếp xúc với ngoại giới, nhưng điều quan trọng hơn là cảm giác dẫn dắt người ta vào kích thước vô biên. Hầu như ý thức về vô biên đó đóng một vai trò quan trọng trong việc cấu tạo vũ trụ nhân hóa khác hẳn vũ trụ của loài kiến loài ong.

Thị giác cho chúng ta biết các hình thể của vạn vật. Chúng ta tiếp xúc với kích thước vô biên của hình thể. Ý thức về vô biên hình thể cho phép chúng ta ghép những hình thể gần như nhau thành từng loại để dễ hiểu, dễ nhớ và dễ phân biệt, chúng

ta có những cái chấm, đường thẳng, đường cong, hình tròn, tam giác, lục lăng v.v. tóm lại là đề tài của kỷ hà học. Chúng ta tiết giảm thế giới vô biên của hình thể thành một số hình thể có hạn thôi, để dễ hiểu và xử dụng. Cái toàn diện thiên nhiên to rộng bao quát kia chúng ta tái tạo lại thành cái toàn diện nhân tạo nhỏ hẹp.

Cảm giác mở ra cho chúng ta một thế giới vô biên. Nói theo ngôn ngữ của Các Mác thì chúng ta « lao động » để tái tạo thành vũ trụ hữu hạn của chúng ta rồi chúng ta chiếm hữu cái vũ trụ hữu hạn ấy để thể hiện yếu tính của chúng ta. Lý tưởng chân thiện mỹ của chúng ta liên hệ đến ý thức về vô biên.

Đưa yếu tố vô biên vào sự suy luận chúng ta thấy vũ trụ của loài người phóng ra to rộng bao la chứ không gò bó trong nhu cầu sinh sống của muông thú. Con người phóng ra được vũ trụ ấy vì con người ý thức được vô biên và con người biết tư tưởng chứ không phải con người chỉ có cảm giác, đau khổ và mê say, nhu cầu. Cảm giác chỉ đóng vai trò môi giới chứ không đủ làm yếu tính. Chỉ có thể nói rằng sự tri thức bằng cảm giác là tri thức chính yếu, chứ không thể nói cảm giác là yếu tính.

Sự mô tả của Các Mác chỉ cho thấy một con người quá ư thô thiển, bất thành khí cục, cơ cấu tâm thần không hơn gì muông thú, hành động trong những khuôn khổ bất di bất dịch từ ngàn xưa cho tới ngàn sau. Ông không có một ý thức gì về sự khác biệt giữa con người và muông thú. Vậy mà bất thình lình ông tuyên bố rằng con người là vạn vật chi linh và có khả năng sáng tác theo « quy luật của sự thiện mỹ » và đòi hỏi một « toàn thể những phát hiện sinh khí. » Tuy rằng ông nói có vẻ đao to búa lớn thật nhưng rút cục trăm voi không được bát xáo. Con người của ông phóng ra một vũ trụ nghèo nàn thô lậu. Con người ấy lại soi bóng mình trong vũ trụ ấy để thấy yếu tính của mình. Cái yếu tính ấy chỉ là yếu tính của loài ong loài kiến (ong kiến cũng có cảm giác và nhu cầu không kém gì người). Không có khả năng lý hội vô biên và phổ quát hóa sự vật để tái tạo thiên nhiên, con người không thể nhân bản hóa thiên nhiên như ta thấy ngày nay. Khái niệm yếu tính con người của ông sụp đổ, kéo theo sự sụp đổ của những khái niệm vạn vật chi linh, khách thể hóa, chiếm hữu.

Người xưa tuy kiến thức chưa được mở mang như ngày nay nhưng không đến nỗi vụng về như vậy. Mạnh Tử đi từ cảm giác và xúc động, nghĩa là khởi hành từ những « données immédiates de la conscience » để lập giáo là vì ông nhận định đúng rằng đó là điểm tiếp xúc giữa con người và thiên nhiên, giữa con người và đồng loại (cùng xúc động và cảm giác như nhau, ngoại trừ một thiểu số thiên lệch, như bệnh loạn sắc về cảm giác, đồng tính ái về tình cảm). Nhưng người xưa có ý thức rất rõ ràng về khả năng tinh thần trong sự sáng tạo khi nói đến sự « cùng thần tri hóa » (thể hiện ý nghĩa của sự vật vào tinh thần và đạt tới điểm cùng tột của tinh thần để biết sự hóa dục của vạn vật). Người xưa đặt vấn đề « chiếm hữu » vũ trụ khách quan hóa không quên yếu tố tinh thần vì biết rằng không có tinh thần thì con người không thể cấu thành yếu tính của mình.

Chúng ta bị bao vây bởi vô biên và chúng ta hành động trong quỹ đạo của vô biên, sự suy diễn thực tại phải căn cứ vào vô biên mới có thể làm xuất hiện một ý nghĩa khả thủ. Con người soi bóng mình trong tác phẩm của mình để thấy lại hình bóng vô biên chứ không phải chỉ thấy tác phẩm cụt lủn, họ tự thực hiện trong thế giới tác phẩm tạo ra là họ bộc lộ cái vô biên trong yếu tính con người của họ.

Tóm lại, yếu tính con người của Các Mác thiếu hẳn một kích thước để tiếp xúc với thế giới vô biên của hình sắc, âm thanh, mùi vị. Các Mác không biết đến kích thước tinh thần của con người, nhờ đó mà họ có thể vượt lên trên nhu cầu trực tiếp và thiển cận, để cấu tạo vũ trụ nhân hóa của loài vạn vật chi linh. Con người của ông không nắm được cái toàn thể những phát hiện của sinh khí, không biết được thế nào là sự toàn diện của hiện thể (totalité de l'étant). Thành thử những lời khẳng định của ông chỉ là đại ngôn.

Chúng tôi hiểu rằng Các Mác không muốn làm triết lý trên giấy tờ, ông không muốn đi vào những ngõ ngách biện luận không bao giờ ra thoát. Tôn chỉ của ông là hành động, ông làm triết lý bằng hành động. Vì muốn tìm nền tảng cho lý thuyết hành động cho nên cực chẳng đã ông mới phải tạt qua lãnh vực triết

lý một cách tài tử. Ông phải đương đầu với cả một phong thái suy tư của thời đại bị chi phối bởi triết lý Kant với « lý trí thuần túy » bởi triết lý Hegel với khái niệm « Tinh Thần » và sự hệ thống hóa trừu tượng. Ông sợ phong thái suy tưởng ấy với tính cách tiên thiên của nó, triết luận của ông chỉ là công cụ để đả phá. Ông đả phá để rồi đưa ra quan niệm duy vật của ông. Phương pháp suy luận của ông là dùng sự đối nghịch, lấy một sự kiện A đối nghịch một sự kiện B để đả phá sự kiện B, và chỉ có thế thôi, hậu hồi sẽ phân giải bằng hành động cụ thể.

Để cho dễ hiểu, chúng ta có thể dùng ngôn từ triết lý Á Đông để diễn tả tư tưởng của Các Mác. Chu học chủ trương « Lý tại vật », (1) Vương học chủ trương « Lý tại tâm ». Bên Tây phương Hegel chủ trương « Lý tại tâm (Tinh Thần), còn Các Mác chủ trương « Lý tại vật ». Lý đây là chân lý, vật đây chỉ hiện tượng xã hội, lịch sử, trong phạm vi bài này.

Triết lý của Kant là triết lý siêu việt tính (philosophie transcendantale). Triết lý ấy, với bản chất của nó, không thể cung cấp một nền tảng cho kinh nghiệm xã hội, vì chỉ cho biết những điều kiện tiên thiên của sự tri thức bằng lý trí thuần túy. Như vậy, kinh nghiệm về thực tại cụ thể không có đất đứng trong hệ thống của Kant. Triết lý hành động của Các Mác phải thoát ra ngoài quỹ đạo của Kant để lập thuyết biện chứng tâm ⇄ vật.

Với phương pháp dùng sự kiện đối nghịch để đả phá, Các Mác vay mượn chỗ này một tý, chỗ kia một tý, những thứ đối nghịch với sự kiện nào ông muốn đả phá.

Hegel chủ trương yếu tính con người là Tinh Thần, tự do, sáng tạo. Các Mác tìm cho được một người chủ trương ngược lại, nghĩa là chủ trương yếu tính con người là cảm giác, đau khổ, nhu cầu. Người đó là Fuerbach.

Ông bèn « chiếm hữu » ngay những phạm trù của Fuerbach để lý luận.

---

(1) Đúng hơn, ông nói : cùng là cái thái cực, ở Tâm thì gọi là Tính, ở sự vật thì gọi là Lý.

Chúng ta hiểu thâm ý của Các Mác : mượn Fuerbach để đập Hegel. Xác định yếu tính của con người là cảm giác để làm gì ? Để cho con người của ông bén rễ chắc chắn xuống vật chất chứ không phải chỉ là Tinh Thần như quan niệm của Hegel. Con người ăn rễ chắc xuống vật chất sẽ thuận lợi cho chủ lý của ông : Lý tại vật.

Trên kia chúng tôi đã minh thị rằng : chỉ có thể nói sự tri thức bằng cảm giác là tri thức chính yếu, chứ không thể nói cảm giác là yếu tính. Fuerbach nhấn mạnh vào cảm giác là để nêu lên tính cách thiết yếu của đời sống vật chất nhưng ông vẫn tôn trọng con người, vẫn để con người sai khiến vật chất chứ không cho vật chất là tất cả. Các Mác chê ông thụ động và bỏ rơi ông. Các Mác làm một cuộc bạo hành, bẻ quặt tư tưởng của Fuerbach. Các Mác không muốn thụ động, ông thay thế tư tưởng bằng hành động, ông xông vào đời, ông chỉ biết có vật chất và ông đoạt lấy vật chất bằng bất cứ giá nào vì ông tin rằng cái Lý của lịch sử là ở đời sống vật chất.

Ông trở lại với Hegel, mượn khái niệm tha hóa (băng hoại) và lao động của Hegel. Ông dùng cả phương pháp biện chứng của Hegel để đả phá Hegel. Cả từ ngữ « chiếm-hữu » ông cũng lấy của Hegel.

Phương pháp của Hegel là biện bác cách nào để cho thấy lịch sử diễn tiến theo chu trình : chính đề → phản đề → tổng hợp đề, hợp với sự diễn biến tư tưởng của ông.

Chủ lý của Hegel là Lý tại tâm.

Chủ lý của Các Mác là Lý tại vật. Vật đây là hiện tượng xã hội, là lịch sử. Không biết người ta nghĩ ngợi thế nào lại « triết lý » rằng Các Mác bảo vật chất phát sinh ra tinh thần. Thật là oan uổng cho Các Mác.

Hegel : Con người viết ra lịch sử của mình. Lịch sử ấy chỉ là phản ảnh của một tiến trình di động của Tinh Thần : Mới đầu Tinh Thần là chân thiện → Tinh Thần tự băng hoại (Tha hóa) để phóng mình vào vật chất và tạo ra lịch sử → Tinh Thần phản tỉnh, xả trừ sự băng hoại để thấy lại tính chất chân thiện ban đầu.

Các Mác : Hegel làm tan rã lịch sử trong những khái niệm trừu tượng. Sự thật không phải thế, con người *làm* ra lịch sử

chứ không *viết* lịch sử trên giấy tờ. Lịch sử là sự thực hiện cụ thể của con người. Tiến trình. Chính đề → phản đề → tổng hợp đề là sự diễn biến của xã hội cụ thể chứ không phải chỉ là tư tưởng trừu tượng. Con người phải ý thức cái tiến trình thiên nhiên ấy và theo đó mà hành động chứ đừng triết lý suông.

Hegel : Lý của tâm và Lý của vật phù hợp với nhau. Tham chiếu cái Lý đó mà hành động và tự thực hiện trong ý thức về Bản Thể.

Các Mác : Lý tại vật. Vận dụng sự vật cụ thể để làm lịch sử và tự thực hiện trong sự hành động.

Hegel : Hình thức băng hoại của đời sống in hình vào định chế, pháp luật, tôn giáo. Cải thiện định chế, pháp luật, tôn giáo theo ý nghĩa tôn trọng sự lao động để thực hiện ý nghĩa chân thực của lịch sử, của đời sống.

Các Mác : Hegel chỉ hiểu đời sống qua mớ kiến thức thành văn chứ không biết đến đời sống cụ thể. Sự cách mạng của Hegel chỉ có hình thức, không bén rễ xuống đời sống cụ thể. Thực tại vẫn đâu hoàn đó. Phải cách mạng bằng hành động cụ thể. Phá bỏ hết, lập lại cái khác hẳn.

Trong những vấn đề nói trên đây, chỗ chánh yếu là : Lý tại tâm hay Lý tại vật ? Chưa bao giờ người ta tìm được câu trả lời thỏa đáng. Theo Lyotard thì Sartre cho rằng : « Sự thật của đời sống tự nhiên, trước khi giảm trừ, nghĩa cuối cùng là « vật », sự thật ấy vô nghĩa đối với hiện tượng học » (đây ông nói cái toàn vẹn của đời sống thực sự chưa bị gạt ra một bên, không dùng đến) Merleau-Ponty mạnh dạn hơn cho rằng lịch sử có một ý nghĩa nào đó, ý nghĩa mà con người đem lại cho lịch sử trong khi họ sống cái lịch sử đó. Ông khôn ngoan nói cho được lòng cả đôi bên nhưng suy nghĩ kỹ thì thấy chủ trương của ông là Lý tại tâm. Nhưng Lyotard cho rằng hiện tượng học đã thất bại trên đường suy tưởng, câu hỏi đặt ra vẫn chưa có lời giải đáp.

Đã biết những căn bản suy tưởng của Các Mác nói trên đây chúng ta sẽ thấy có một sự liên lạc hữu lý giữa căn bản siêu hình và lý thuyết cách mạng của Các Mác.

Khái niệm Lý tại vật và chủ trương tiến trình diễn biến

chính → phản → hợp là tiến trình diễn biến của các hiện tượng xã hội, cho phép luận ra rằng phải có hành động cụ thể tác động đến sự kiện xã hội cụ thể mới thể hiện được chân lý.

Thái niệm tha hóa (cả xã hội lẫn con người) cho phép luận ra rằng sự thay đổi phải hoàn toàn, vô điều kiện. Tiêu hủy sự tha hóa để kiến tạo cái chân thực.

Khái niệm chiếm hữu (chiếm hữu cái vũ trụ do mình phóng ra để thể hiện yếu tính của mình) : giai cấp vô sản không ý thức được sự chiếm hữu chân thực, hữu sản cũng vậy. Con người chỉ chiếm hữu tài sản để mưu cầu sự hưởng thụ. Vậy thì xóa bỏ tư bản, lập ra tập sản, con người sẽ có ý thức chiếm hữu cao hơn : chiếm hữu đời sống và Bản Thể của con người.

Khái niệm lao động : con người lao động là tự thực hiện yếu tính. Vậy thì giới lao động sẽ ý thức được yếu tính hơn cả, để cho họ lãnh nhiệm vụ cách mạng.

Chúng tôi có một vài nhận xét sau đây :

1) Khái niệm Lý tại tâm hay tại vật còn là chỗ chánh yếu của sự học vấn chưa có lời giải đáp Khả Thủ. Tiến trình diễn biến chính → phản → hợp, theo tôi, có thể là một khuynh hướng tự nhiên theo đó con người vận dụng trí óc để suy tưởng, cũng như khuynh hướng « quy về một », khuynh hướng dùng phép đồng nhất. Trong thiên nhiên, sự vật diễn biến không bắt buộc phải theo tiến trình ấy. Hiện tượng xã hội, có phép tắc hỗ tương tác động của sự vật lại thêm con người nhúng tay vào điều động, nó diễn biến rắc rối hơn thế nhiều. Xét cho cùng thì Các Mác là một người duy lý hơn cả những học phái duy lý khác : ông cho rằng sự vật cũng diễn biến như cách suy lý của mình.

Xã hội học gia Bouthoul đã dứt khoát với phép biện chứng áp dụng vào sự việc xã hội như sau : « cả quyết rằng có một *phản đề*, chung quy chỉ là phán đoán giá trị. Khi nói rằng trắng tương phản với đen, chúng ta tự tạo ra sự tương phản ấy Trắng và đen chỉ khác nhau chứ chẳng có gì là tương phản nhau ». Quả vậy, đồng nhất (identité) và tương phản (contraire) chỉ là những

tác phẩm giả tạo của loài người, trong thiên nhiên không làm gì có cái đồng nhất và cái tương phản.

« Giam hãm sự tiến hóa (xã hội) vào trong một cặp hai sự kiện đối lập nhau chỉ là võ đoán và từ khước rất nhiều tiềm thể trong thiên nhiên cũng như trong tư tưởng của chúng ta. » Lịch sử chưa bao giờ diễn biến theo nguyên tắc phản đề và tổng hợp đề : « Trong nhiều thế kỷ chính trị gia Tây Phương bị thôi miên bởi sự tương tranh giữa Đế Quốc và Giáo Quyền (chữ Đế Quốc dùng theo nghĩa có trước khi phong trào mác xít ra đời). Cứ lý thì một trong hai phe đối lập phải hủy diệt phe kia. Theo biện chứng luận thì phải xẩy ra một sự tổng hợp của hai quan niệm về nhân sinh ấy. Nhưng không có sự tổng hợp nào cả, lịch sử rẽ ngang sang hai hướng Phục Hưng và Âu Châu Quân Chủ, hai quan niệm khác hẳn trước về phương diện chính trị cũng như về phương diện tư tưởng học thuật ».

Người tôn trọng chân lý không ai giám nói rằng mình biết rõ phép tắc diễn biến của các tiến trình xã hội. Tùy cách suy diễn những hiện tượng xã hội mà người ta gán cho sự diễn tiến các hiện tượng ấy một ý nghĩa nào đó ; ý nghĩa đó được dựng lên làm chủ thuyết : thuyết tiến bộ (Condorcet, Auguste Comte, Stuart Mill) thuyết tiến hóa biện chứng (Hegel), thuyết đấu lý (duel logique, Tarde), thuyết tiến hóa (spencer) thuyết đồng hóa, (assimilation, Lalande), thuyết ngẫu nhiên (Cournot), thuyết lưỡng phân và lưỡng triền (dichotomie et double frénésie, Bergson).

Những thuyết về xã hội học này chỉ nên gọi là xã hội siêu hình học thôi. Học giả tùy hứng múa bút thì không hại đến ai cả, nhưng nếu tìm cách biến lý thuyết thành hành động cụ thể thì đó là một trò chơi nguy hiểm vô cùng.

2) Về khái niệm tha hóa và lao động, chúng tôi nghĩ rằng : Sự tha hóa xẩy ra từ khi có lịch sử loài người, có phân chia công việc, con người sống thành xã hội. Con người chỉ biết có một tình trạng sống tha hóa, thành thân trong sự tha hóa. Sự lao động đối với họ, dù là chủ hay nô, cũng là có ý nghĩa mưu sinh Từ khi biết đổi chác và dùng tiền làm trung gian cho sự đổi chác mưu sinh có nghĩa là kiếm tiền, kiếm tình, kiếm danh, hay, cao đẹp hơn, thỏa mãn một nhu cầu tinh thần. Chưa ai ý thức được

ý nghĩa toàn diện của sự lao động nếu không có một vài triết gia làm xuất lộ ý nghĩa ấy. Vô sản cũng không ý thức được rằng lao động là tự thực hiện yếu tính của con người, vậy thì vô sản cũng không có ưu thế để độc quyền sứ mạng cách mạng. Chỉ có thể nói rằng vô sản ở một vị thế thuận tiện hơn tư bản để có ý thức về các thống khổ trong xã hội và sự cấp thiết của vấn đề lành mạnh hóa xã hội. Nhiệm vụ lành mạnh xã hội là nhiệm vụ chung.

Làm cho con người ý thức được ý nghĩa toàn diện của sự lao động là một vấn đề giáo hóa, một vấn đề phản tỉnh, chứ không phải vấn đề đảo lộn cấp bậc xã hội, tăng gia mức hưởng thụ, thay đổi quyền sở hữu phương tiện sản xuất,

3) Về khái niệm chiếm hữu chúng tôi có ý kiến như sau :

Để tự thực hiện yếu tính, không phải con người chiếm hữu cái đối tượng của sự lao động hay sự liên lạc với đối tượng lao động. Họ chiếm hữu cái kinh nghiệm của sự hành động nói chung để cấu tạo những cơ năng của trí tuệ làm cho người khác với loài vật. Không ai biết được cái gì cho phép và điều động sự cấu tạo ấy. Tâm lý học chỉ có thể mô tả sự cấu tạo những cơ năng trí tuệ, thành phần và tác động của những cơ năng ấy, như trình bày trong các sách về tâm lý học (1). Như vậy, vấn đề thể hiện yếu tính con người không phải là một vấn đề đối tượng chiếm hữu (cùng kỳ lý là sự sở hữu phương tiện sản xuất và phẩm vật hưởng thụ), mà là một vấn đề kinh nghiệm của hành động, cấu tạo cơ năng trí tuệ. Muốn làm sao tăng tiến phẩm chất xã hội tính của con người thì phải đặt vấn đề một cách khác.

Công việc khảo cứu của phân tâm học gia Adler cho biết một sự kiện quan trọng, đó là khuynh hướng tự nhiên của con người muốn ở trên người khác, muốn có ưu thế để sai khiến người khác. Họ vận dụng những phương tiện có dưới tầm tay để chiếm ưu thế đó : tài năng của họ, trí thông minh của họ, tiền bạc, địa vị xã hội, tài thu hút người khác, lợi dụng người khác, v.v. Thảm kịch gia đình hay xã hội, âm thầm hay lộ liễu, nhỏ hẹp hay to rộng, hời hợt hay sâu xa, xưa nay vẫn xảy ra vì chồng

---

1) Thí dụ: Psychologie de l'intelligence của Piaget, Psychologie de l'enfant của Piaget và Inhelder.

muốn lấn át vợ, vợ muốn lấn át chồng, người trên muốn lấn át người dưới, người dưới muốn lấn át người trên, kẻ có quyền muốn lấn át kẻ vô quyền, kẻ vô quyền muốn lấn kẻ có quyền bằng áp lực khác mà chỉ họ biết bí quyết, người trong một nhóm một đoàn, một tổ chức muốn lấn át nhóm, đoàn, tổ chức ; nhóm, đoàn, tổ chức, muốn lấn át người trong nhóm, đoàn, tổ chức hay ngoài nhóm, đoàn, tổ chức đó ; nhóm, đoàn, tổ chức này muốn lấn át nhóm đoàn tổ chức khác. Đó là khía cạnh bất thuận lý của xã hội cùng khai sinh một ngày với lịch sử loài người và cũng tiến bộ đến chỗ tinh vi song song với mức độ tinh vi của định chế, luật pháp, thói tục, luân lý, kỷ cương tùy theo tài nghệ lạm dụng, lợi dụng xoay trở định chế luật pháp, thói tục, luân lý kỷ cương.

Bergson đã nhìn thấu suốt vấn đề trong cuốn Les deux sources de la morale et de la religion khi ông cho rằng phần lớn người đời xử dụng tri thông minh theo chiều hướng làm tiêu tan những giá trị của một cộng đồng xã hội. Ông cũng cho rằng bảo vệ và nâng cao ý thức về giá trị cộng đồng là một vấn đề đạo đức.

Xã hội tổ chức theo nếp sống cổ truyền hầu như có những xú páp xì hơi bảo đảm để con người có nhiều cách thỏa mãn tham vọng tranh thủ ưu thế, ở nhiều lãnh vực hoạt động riêng rẽ và độc lập, cuộc tranh chấp không gay cấn và ác liệt, vì người ta có rất nhiều lối rút lui để chạy sang khu vực khác.

Trong một xã hội có nếp sống đoàn ngũ hóa tập trung quyền hành vào một đảng chánh trị hay một tổ chức chánh quyền, con người nhận thấy ưu thế mình chỉ có thể là một địa vị cao trong đảng chánh trị, hay trong tổ chức chánh quyền, mọi thứ khác : danh vọng, quyền hành, lợi lộc đều thuộc vào địa vị ấy. Cuộc tranh giành thật là ác liệt làm cho những giá trị cộng đồng và phẩm chất xã hội tính của con người bị đe dọa hơn trong một nếp sống cổ truyền. Đó là những cái bất ngờ của lịch sử, ở ngoài tầm nhận định và tính toán của người lập thuyết.

Kết quả này trái ngược hẳn với sự mong ước của Các Mác. Con người không ý thức được ý nghĩa chân chính của sự chiếm hữu, tức là ý nghĩa toàn diện của sự lao động, để xây dựng yếu tính chân xác của con người. Trái lại, họ càng bám chặt lấy ý thức

thấp hèn về sự lao động : mưu đồ địa vị để thỏa mãn mọi tham vọng.

Những công việc khảo cứu phân tâm học mới đây cho biết một khám phá quan trọng. Theo Mitscherlich, một phân tâm học gia Đức thời danh thì, xét về phương diện năng lượng (énergie) có hai động lực chính yếu điều động sự sinh hoạt tâm thần của con người, đó là *Libido* và *Destructo*. Libido hướng về tình yêu xây dựng. Destructo hướng về xát khí, căm thù, phá hoại. Tùy theo cách phối hợp hai động lực nền tảng ấy mà người ta trở nên con người xã hội tính hay con người bị khu xử bởi bản năng. Và đã bị khu xử bởi bản năng thì con người độc ác hơn cầm thú, nghĩa là sự độc ác tinh vi chứ không thô lậu như cầm thú. Điều này mới xem thì có vẻ như một mâu thuẫn.

Phân tâm học khởi hành từ bản năng, từ những sự kiện làm nhăn mặt một nhà đạo đức học, nhưng lại đưa đến một quan niệm về tự do tinh thần. Có tự do tinh thần, con người không hoàn toàn lệ thuộc vào điều kiện bẩm sinh, cùng kỳ lý là những hạt *gène* trong nhân tế bào. Họ tự tạo ra tự do hay xiềng xích, hạnh phúc hay thống khổ.

Trong thí dụ về sự độc ác nói trên, chính thiên nhiên làm hộ loài vật công việc phân định thiện ác. Loài vật có những guồng máy tự động giới hạn sự tàn ác : đánh nhau với địch khác giống dùng lợi khí nào, tranh mồi với đồng loại dùng cách nhẹ hơn, tranh ngôi thứ trong đoàn thể dùng cách nhẹ hơn nữa (dùng mỏ để mổ như gà). Người là con trưởng thành của thiên nhiên, họ được tự do quyết định mức độ tàn ác cho hợp cách hợp tình. Vì thế mà khi tinh thần của họ bất lực thì sự tàn ác tinh vi ác liệt hơn cầm thú.

Nhiệm vụ của xã hội là bồi dưỡng cái tinh thần ấy bằng một hoàn cảnh sống hòa hoãn, tránh cho họ những tước đoạt (frustration) mà hậu quả sâu xa là làm thiên lệch sự điều động năng lượng tâm thần. Libido hay Destructo đều có khả năng điều động ấy. Destructo chỉ huy bộ máy tâm thần nó sẽ rút sinh lực của cái Libido để hướng hành động về chiều phá hoại.

Ngoại giới xuất hiện trong tâm thầm con người không phải là thực tại có thật mà là cái thực tại tâm thần (réalité psychique). Con người chỉ biết có cái thực tại tâm thần đó chứ ít khi biết đến

thực tại ngoài đời. Thực tại tâm thầm của người suy nhược thần kinh (névrosé) làm cho họ không thích ứng được với cuộc sống. Thực tại tâm thần của một người sống trong xã hội không có tự do là kết quả thảm bại về phương diện giáo hóa. Thực tại tâm thần của họ xuất hiện với những sự kiện tước đoạt, thù địch, tóm lại ngoại giới có tính cách đe dọa họ, họ phải giữ miếng, phải dối trá, che đậy, gian ngoan để thoát thân.

Sự đe dọa ấy thay đổi cách nhìn việc đời. Họ không còn là người bình thường. Một việc không đâu cũng xuất hiện trong tâm thần họ như mối đe dọa làm cho họ phải huy động bộ máy tự vệ. Chính sự huy động trong tình trạng lo lắng ấy là đầu mối thảm họa. Đó là cơ hội thuận tiện cho khuynh hướng Destructo giành lấy quyền chủ động, nó bắt khuynh hướng Libido phải phục tòng nó, vì thế mà con người hướng về sự phá hoại ấy vô bờ, sau đây là những trường hợp cực đoan :

— Tự vệ bằng cách thoái lui, thụ động. Con người bị tê liệt vì mặc cảm phạm tội, họ trốn tránh việc đời vì không thích ứng được với hoàn cảnh.

— Nhắm mắt nghe thủ lãnh để tìm sự che chở. nếu bị nhồi sọ đến mức cao thì họ tự đồng nhất hóa với thủ lãnh ; mặc cảm bảo thù thúc đẩy họ nghe theo thủ lãnh mà nhảy vào lửa để tàn sát kẻ khác.

— Dùng bạo lực để tự vệ, dùng âm mưu thâm độc để triệt hạ kẻ khác một cách kín đáo hơn.

Trường hợp nào cũng là một cách giải tỏa năng lượng tâm thần (énergie psychique) tích tụ lại và gây áp thế cao vì con người bị đe dọa. Đó là cách giải tỏa của con người mất kiểm soát, hành động theo bản năng.

Nếu được sống thoải mái, Libido huy động được năng lượng ấy thì người ta có nhiều cách tiêu dùng năng lượng vào mục tiêu xây dựng như thăng hoa (sublimation) bản năng thành sự sáng tác văn nghệ, sáng tác nghề nghiệp, tìm thỏa mãn trong tình yêu. Trong những loại hoạt động này con người thấy thỏa mãn, áp thế được giải tỏa.

Xem như vậy thì cạnh khía tình cảm của con người cũng quan trọng như cảm giác, nhu cầu ; lành mạnh hóa xã hội và lành

mạnh hóa con người là hai loại công việc phải thực hiện song song. Nếu xã hội xuất hiện trong thực tại tâm thần của con người như một mối đe dọa, con người sẽ huy động sinh lực để phá hoại mà họ không ý thức được sự phá hoại ngấm ngầm ấy.

Trong xã hội tân tiến kỹ thuật hóa cao độ, con người bị điều kiện hóa, bị tước đoạt một cách tinh vi, nhưng cũng là một hình thức tước đoạt, con người bị khu xử bởi bản năng destructo phá hoại. Trong một xã hội đoàn ngũ hóa, con người mất tự do, họ cảm thấy hoàn cảnh sống như một mối đe dọa thường xuyên, họ cũng bị khu xử bởi bản năng Destructo, họ không thích ứng được, họ không phát triển được xã hội tính. Kỷ luật sắt sẽ tiêu hủy xã hội tính của con người trước khi sự xã hội hóa kinh tế thành tựu. Công việc kế hoạch hóa kinh tế phải thực hiện một cách thông minh trong sự ý thức khả năng thích ứng của con người,

Nhìn dưới cạch khía « khả năng thích ứng » chúng ta sẽ thấy vấn đề cách mạng xã hội và xây dựng yếu tính chân xác của con người phải đặt ra một cách khác. Không thể vì một lý do gì mà cưỡng chế tự do tinh thần của con người. Cưỡng chế nó con người sẽ nhận lấy hậu quả khốc hại. Tôn trọng nó con người sẽ tự tạo lấy hạnh phúc. Con người tự tạo và tự thực hiện, chỉ có thể hiểu như vậy mới là sự hiểu biết chân xác.

vũ đình lưu

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

từ aristote đến j. monod.

Khoa học hàm ngụ một cuộc tìm kiếm triết lý về tha thể. Người khác và mọi sự vật chung quanh ta như mèo, chó, chuột, thỏ, cây cỏ hay bông hoa ngoài đồng đều hàm chứa những huyền nhiệm mà lý trí con người đến ngày nay vẫn chưa khám phá hết. Mặc dầu khoa học kiêu hãnh là đã phân tích vật chất ra những thành phần cực kỳ nhỏ, khoa học vẫn bất lực trước sự tổng hợp lớn lao để tạo ra đời sống. Đó là vấn đề mà khoa sinh học đến nay đang theo đuổi trong nỗ lực không ngừng.

Câu hỏi nguyên ủy về sinh học là thử đặt vấn đề khả hữu của khoa sinh học. Aristote là một nhà quan sát độc đáo về những sinh động vật, mang lại nhiều điều hữu ích cho nhà thiên nhiên học và cả nhà sinh học — nhưng công trình của ông chỉ có thể coi như đóng góp trong lãnh vực lịch sử thiên nhiên. Phân loại những động vật, thiết lập bảng scala naturae, khảo sát sự sinh dục dẫn tới viễn đích luận, với những quyền lực của sự quan sát, phối hợp sự hiển nhiên, những tranh luận lý thuyết, nhà triết học thượng cổ hy lạp này thực sự là bậc vĩ đại nhất giữa những nhà thiên nhiên học cổ điển. Những bản văn Historia Animalium, De Partibus Animalum, De Incessu Animalium, Parva Naturalia, De Motu Animalium, De Generatione Animalium đưa ra những chỉ

đạo tiền phong về ghi nhận những sự kiện chính của đời sống sinh vật, luận về những động vật, những mô thể chủ yếu và những đặc chất hiệu quả của chúng, khoa học sinh vật của Aristote không những ngự trị suốt thời Trung Cổ, nhưng còn giữ một vị trí quan trọng đặc biệt trong triết học Aristote bởi vì đời sống chính là lãnh vực tác động thực sự của những nguyên nhân cứu cánh do Aristote tìm ra. Đối với ông, triết học đi tới đó phải đến chỗ ý thức được sự kiện toàn và nhằm báo hiệu sự hoàn thành sắp tới. Giữa những nguyên nhân chúng ta nhận thức được đã trở thành tự nhiên, chẳng hạn nguyên nhân đi giải thích nhằm chủ đích gì và nguyên nhân đi giải thích khởi từ cái gì tạo ra vận chuyển, phải xác định đâu là nguyên nhân đệ nhất. Dường như đó chính là nguyên nhân « nhằm chủ đích gì », bởi vì nó là lý trí và lý trí nguyên tắc trong những sản phẩm của nghệ thuật cũng như những tạo phẩm của thiên nhiên. Đối với nhà thiên nhiên học, nguyên nhân cứu cánh quan trọng hơn nguyên nhân kỳ thành, bởi vì thiên nhiên có quy luật thiết yếu, không tạo ra điều gì không có nguyên do. « Thực vậy sau khi đã xác định nhờ suy luận hay nhờ quan sát, người y sĩ biết sức khoẻ là gì, nhà kiến trúc biết cái nhà là gì, họ giải thích những lý do và nguyên nhân của mỗi hành vi họ hoàn tất và tại sao lại hành động như vậy. Họ đã khởi sự từ tự phác họa một sơ đồ xác định về mục đích của họ... Nhưng trong những tạo phẩm của thiên nhiên, thiện mỹ và cứu cánh tính còn ngự trị hơn nhiều trong những sản phẩm của nghệ thuật (De Partibus Animalium I, 1, 639 b 16-21). Đối với Aristote, ngay từ khởi đầu của tác phẩm dẫn trên, ông quan niệm hệ thống phát sinh (phylogenèse) quan trọng hơn cá thể phát sinh (ontogenèse) khi nhấn mạnh đến ý tưởng về lịch sử thiên nhiên là không cần bận tâm riêng rẽ về mỗi cá thể nhằm xác định riêng biệt nó mà có thể khởi thảo từ một cuộc nghiên cứu tổng quát về những đặc sắc chung của mọi động vật, và nếu cần phải thâu lượm những sự kiện tương quan với mỗi loại, chính vì điều đó thiết yếu để trình bày những nguyên nhân của chúng và nói đến sự phát sinh của chúng, « bởi vì sự phát sinh nhằm mục đích hiện hữu và không phải hiện hữu nhằm mục đích phát sinh ». Cho nên vấn đề đặt ra là có thể nói đến viễn đích luận trong hệ

thống phát sinh. Chính trong viễn đích luận này, khi quan sát những sinh vật, nhà thiên nhiên học đã đem lại cho triết học nhận thức được hoàn cảnh của hữu thể trong thế giới. Lịch sử thiên nhiên (Historia hiểu theo nguyên nghĩa là toàn bộ những thông tri góp lại về chủ đề) với khái niệm cứu cánh tính của Aristote đã thiết định một điều kiện khả trí của kinh nghiệm trong việc tìm hiểu thiên nhiên. Chính trong công việc mô tả kinh nghiệm và thiết định những điều kiện khả hữu của kinh nghiệm, thiên nhiên của Aristote ở giữa ngả đường của siêu nhiên và nhân tạo đã là nguyên tắc đảm bảo sự liên hợp và khả tri tính tương đối của thế giới chúng ta, dẫn từ huyền thoại Platon về khoa học. Kinh nghiệm khả hữu nhằm nối liền con đường từ khoa học đến triết học về thiên nhiên. Trong chiều hướng ấy, bàn về triết lý thiên nhiên của khoa sinh học hiện đại, chúng ta vẫn có thể nói về Aristote như một « nhà sinh học » cổ điển lớn nhất mà Darwin đã ca ngợi khi cho rằng « Linneus và Cuvier là hai thần tượng của tôi, mặc dầu ở những lối đường khác biệt, nhưng họ chỉ là những học trò của bậc lão thành Aristote ».

Historia naturalis thực sự vẫn còn xa vời đối với khoa sinh học. Nhà thiên nhiên học như Linneus xác định, phân biệt bằng cái nhìn những thành phần của những cơ thể thiên nhiên, mô tả chúng tùy theo con số, hình dạng, vị trí và tỷ lệ, rồi gọi tên chúng. Nhà nhiên học là con người của « khả thị được kiến trúc và danh xưng đặc sắc » (Foucault) và không phải là người của đời sống. Khoa sinh học hãy còn lạ mặt đối với thế kỷ XVIII, giản dị vì chính đời sống không hiện hữu, chỉ có những sinh vật hiện hữu và hiện ra dưới lưới song tri thức là khoa lịch sử thiên nhiên. Nhận thức thiên nhiên, tạo dựng một lãnh vực khả nghiệm có thể mô tả và bài thiết được; khoa lịch sử thiên nhiên bao hàm một dẫy những khai triển phức tạp, dẫn vào khả hữu ở một trật tự bất biến trong một toàn bộ những biểu tượng. Khoa lịch sử thiên nhiên xuất hiện đồng thời với những lý thuyết ngôn ngữ ; phân loại và nói cùng tìm thấy quỹ điểm nguồn gốc trong cùng không gian mà biểu tượng mở ra từ nội tại bởi vì nó hướng về thời gian, tri nhớ, suy tưởng và liên tục. Sự vật và chữ nghĩa giao tiếp với nhau ; lịch sử thiên nhiên thảo rời ngôn

ngữ thường nhật để tái tạo nó và khám phá điều làm cho nó khả hữu qua những tương tự mù lòa của trí tưởng. Nhận thức thiên nhiên, chính là khởi từ ngôn ngữ xây dựng một ngôn ngữ thực, gắn liền với hình thức của một tri thức tất định. Nên vấn đề phê bình đặt ra với khoa lịch sử thiên nhiên chỉ là vấn đề về nền tảng của sự tương tự và hiện hữu của giống.

Thời của khoa sinh học đã đến, đánh dấu sự khai sinh ra một khoa học mới. Đời sống có ý nghĩa tự trị đối với những khái niệm về phân loại — đời sống trở thành đối tượng của tri thức giữa những đối tượng khác và vươn lên mọi phê bình tổng quát. Tri thức khoa học về đời sống kết bên sự hiện diện và viễn cảnh : huyền nhiệm của đời sống đưa về chân trời khả tri. Những vấn tính nguyên ủy được đặt ra như những tương quan cá thể và chủng loại, tính di truyền, dự thành hình và ngoại sinh, chức năng và hình thái, cơ cấu và phát sinh. Khởi từ Cuvier, chính trong những gì phi tri giác, thuần túy chức năng xây dựng sự khả hữu ngoại tại của một phân hạng là đời sống. Trên tầng lớn của cấp độ, không còn loại hạng của những gì có thể sống, nhưng khởi từ chiều sâu của đời sống, từ những gì còn xa với đối với cái nhìn có sự khả hữu phân loại. Sinh vật trước đây là một định vị của phân hạng thiên nhiên, bây giờ sự kiện có thể phân loại là một đặc chất của cái sống. Đời sống không là những gì có thể phân biệt với cơ chế, nhưng là điều mà nhờ đó mọi phân biệt khả hữu giữa những sinh vật đặt nền tảng. Chính từ khái niệm phân loại về khái niệm tổng hợp của đời sống đánh dấu những điều kiện khả hữu của một khoa sinh học, vào đầu thế kỷ XIX. Vượt lên trên sự đoạn lìa giữa đời sống và các sinh vật, khoa sinh học nỗ lực đòi hỏi nơi sinh vật sự thấu đáo về đời sống mà vẫn duy trì phổ tính của đời sống và đặc tính của sinh vật. Có một « luận lý của sinh vật » (Jacob) nhằm sáp nhập trong đối tượng kinh nghiệm sự hiển nhiên của dấu hiệu và huyền nhiệm của cái được biểu thị. Sinh học — khoa học về đời sống khởi sinh, từ một dao động thường trực giữa toàn thể tạo thành nó và những cá thể bảo hòa nó : và sự hiển nhiên của những sinh vật chỉ là một tri thức riêng phần tách rời khó khăn từ niềm bí mật của đời sống. Phải chăng sự khả hữu của khoa học này, trên bình

hiện tri thức luận vẫn hàm ngụ như một định đề chủ yếu, sự hả hữu của mọi tri thức phát sinh ?

Jacques Monod đã khởi từ quan điểm cho rằng sự phát triển của những khoa học mới này hầu như luôn luôn dựa trên sự kiện là một khoa học này bị khoa học khác xâm lăng qua những ý tưởng và những phương pháp ; hay đúng hơn, càng phong phú hơn nhờ vào những ý tưởng và những phương pháp của khoa học khác. Khoa sinh học ngày nay đã chiếm một chỗ đứng quan trọng trong các khoa học thiên nhiên « nhằm biến đổi những vấn đề ; thế giá và thân phận con người, ngay ở trên bình diện sinh vật, trong những quy mô thế nào vượt khỏi mọi trí tưởng » (L. Sebag). Ernst Mach ngay từ đầu thế kỷ này đã nhìn xa thấy vấn đề khi đòi hỏi phải khảo sát những vấn đề vật lý học trong một khung cảnh rộng rãi hơn, bao hàm sinh học và tâm sinh lý học. Cho nên ông khẳng định : vật lý học không phải là thế giới toàn diện ; sinh học cũng có một vị trí và chủ yếu cho mọi biểu tượng thế giới. Vật lý học có công thăm dò những bí mật của vật chất — một khi những bí mật này không được đào sâu theo cách thế khoa học, nhưng vật lý học vẫn chưa biết chú tâm đến huyền nhiệm thực duy nhất, đó là sự kiện tinh thần và sự biến hóa của tinh thần. Waddington thiết định ý tưởng này khi phê bình ngữ vựng của vật lý học hãy còn không biết tới hiện tượng nhận diện dưới danh từ tinh thần, mà cần phải tấn công trên mọi bộ diện những hiện tượng của đời sống. Sinh học không còn là một lịch sử, nhưng là một épistémè gắn liền với địa giới vật lý học, trở thành những kiến trúc của khoa học ngày nay. Cả hai khoa học quan yếu này chú tâm đến cơ cấu, hơn là sự định thành những chất liệu của chúng và cơ cấu được coi như một mô thức tổ chức của năng lực. Tế bào, phân tử không là những sự vật kết hợp, nhưng là những toàn bộ.

Khoa sinh học ngày nay là khoa sinh học phân tử. Bergson đã lầm lẫn khi cho rằng : Khoa học chỉ tái lập những cặn bã của hoạt động sinh cơ... Chính dựa trên những sự kiện ở cấp độ thoái hóa mà khoa lý hóa học đã khảo sát, nghĩa là dựa trên sự chết và không phải trên sự sống » (L'évolution créatrice 34.5).

Ông đã giới hạn khoa sinh hóa học vào việc khảo sát những hiện tượng được lập lại, vào những hiện tượng rời rạc nhất của sinh vật, cũng là những hiện tượng trừu tượng nhất, không tham dự vào thời gian sáng tạo. Teilhard de Chardin đã nhìn thấy trước sự quan trọng của khoa sinh hóa mang lại trong công trình làm sáng tỏ vai trò qua sự tổ chức của vật chất ở trình độ phân tử, điều mà ông gọi là « tiền sinh » hay tổ chức nguyên ủy vật chất.

Thật vậy, trong sự phát triển của khoa sinh học hiện đại, không phải chỉ có khoa vật lý khả dĩ xông xáo vào những không gian liên vũ trụ hay thăm dò chiều sâu của nguyên tử, khoa sinh học cũng đặt chân vào vũ trụ trong mối bận tâm tìm hiểu nguồn gốc của đời sống, tiến hóa của những chủng loại và hình thành hữu thể. Có những tương giao mật thiết giữa khoa sinh học và khoa vi ti vật lý khi đối chiếu lý thuyết sinh học về sự phát sinh và ngẫu biến với sự bất liên tục và bất xác của lý thuyết lượng tử. Một trực trùng đặt dưới sự phóng xạ của những tia cực tím và nhận được trong vài giây hàng triệu những quang tử, sẽ chết không phải sau sự tích trữ những hiệu quả của những phóng xạ, nhưng dưới tác dụng của một phóng xạ duy nhất chạm vào một phân tử duy nhất ở trong một «thể tích thấy được » chỉ là thành một phần cực nhỏ của toàn thể khối vi trùng. Jordan nhận xét về thí nghiệm này như sau : sinh bào biểu hiệu cho đặc tính của một bộ phận khuyếch đại cho phép một hành vi vật lý vi ti cô lập đạt được qua những phản xạ thô đại. Trong mọi trường hợp, sự ngẫu biến của một nhân (gène) là hậu quả của một ion-hóa độc nhất, không phải của sự tích trữ những hiệu quả của nhiều biến đổi liên tục. Erwin Schrodinger trong cuốn sách nhỏ « Đời sống là gì ? » đã gây ảnh hưởng rộng lớn đối với những vật lý gia quan tâm đến những hiện tượng của đời sống (đặc biệt đối với S. Benzer, người đã thiết lập những biểu đồ về nhân r II), phê bình Darwin sai lầm khi gán cho sự tiến hóa của chủng loại vào tác động của sự chọn lọc tự nhiên trên những biến đổi ngẫu nhiên và liên tục bởi vì thực sự những biến đổi này không được truyền lại tự sự di truyền. Chính những biến đổi bất liên tục (những ngẫu biến của de Vries) mới truyền lại

cho dòng dõi, chúng chịu trách nhiệm về sự biến đổi của những hình thái sinh học. P. Jordan nhấn mạnh về điều « toàn thể tính của cá thể những mô thức mới thuộc về dòng dõi của *một* cá thể hoán chuyển độc nhất » dẫn đến diễn tiến của thế giới hữu cơ dựa trên sự kiện là một bước đã tiến tới *một lần* và toàn thể hệ thống phát sinh từ dòng dõi của một cá thể duy nhất.

Nhận định về sự bất liên tục can thiệp vào khởi nguyên của đời sống trên trái đất, khi lý luận loại suy, người ta có thể nhìn nhận là phải thấy trong những nguồn gốc của đời sống trên địa cầu chúng ta, không những có một tiến hóa đại quy mô về vô số những cá thể phân tử, thực sự tương hợp với luật nhân quả, nhưng phải nhận thấy một thành quả trong trò chơi ngẫu nhiên sáng tạo, như thể cái gì đã diễn ra *một lần* phải tăng gia gấp bội và sinh sản ra hằng hà sa số qua con đường tự xúc tác.

« Đời sống là hậu quả của những diễn biến cô lập, không thể đoán trước, vi ti vật lý với những khả hữu của hằng hà phản xạ. Như vậy, ngay từ khởi nguồn, đời sống hữu cơ đã tách rời ra khỏi hậu cảnh của thiên nhiên vô cơ, không phải dẫn khởi từ một thiết yếu nhân quả dự liệu nhưng từ một cái gì mà chúng ta có thể gọi là sự *tình cờ* » (Jordan, La physique et le secret de la vie organique, 100).

Thiên khảo luận của Jacques Monod « Le hasard et la nécessité » ra mắt năm 1970 (đã đứng vào loại sách bán chạy hàng đầu ở Pháp) — tác giả là người đoạt giải Nobel về sinh lý học và y học năm 1965 cùng với hai nhà thông thái khác cùng viện Pasteur là André Lwoff và François Jacob — đã mượn lời Démocrite làm đề từ: Tất cả những gì hiện hữu trong vũ trụ là thành quả của sự tình cờ và tất yếu ». Với Démocrite nhà thông thái đã đẩy xa triết học vào con đường khoa học. Sự khôn ngoan triết lý dường như luôn luôn gắn liền và tương hợp với epistémè. Sự tương phản giữa « tình cờ và thiết yếu » làm đề từ cho cuốn sách của Monod đã nói lên tư tưởng chủ yếu của khoa triết học thiên nhiên. Mặt khác, thuyết nguyên tử (với Démocrite) đã ngự trị khoa sinh học và triết lý sinh học như Haldane nhận định : « thuyết Mendel đánh dấu sự thâm nhập của nguyên tử luận vào khoa sinh học ? Thuyết nguyên tử sau nhiều phen bị công kích

đã chiến thắng không phủ nhận được, đem lại hữu lý cho những người tiên phong trong khoa sinh học, từ Maupertius và Buffon đến Weissmann qua Darwin, cảm thấy cần thiết thừa nhận sự hiện hữu của những đơn tố sinh học để giải thích những sự kiện di truyền và biến dị. Trên bình diện triết lý, ý hướng nguyên tử luận biểu hiện khuynh hướng chống lại cứu cánh luận chung quanh vấn đề về đời sống. Đề từ tác phẩm của Monod như một tuyên ngôn triết lý thiên nhiên — ở đó người ta cũng thấy lập trường của Monod *là* lập trường của nhà thông thái bậc thầy, Démocrite chống lại Aristote. Và bài học của Démocrite đây đó giải rác những tư tưởng như « không có gì sinh ra, không có gì tiêu diệt, tất cả tụ hội và phân tán ». « Mọi hiện hữu thánh thần giản lược vào vũ trụ ». Chính nơi Démocrite, sinh tinh và thần tinh phối hợp làm những mô thức đặc thù của vật chất, là những hình thể của nguyên tử. Phải chăng Démocrite, dưới mắt J. Monod, là nhà thông thái đầu tiên của khoa sinh học hiện đại ?

Monod nhận định giữa những khoa học, sinh học chiếm giữ một vị trí ngoại biên và trung tâm. Ngoại biên vì sinh giới chỉ tạo thành một phần nhỏ nhất và quá « đặc thù » của vũ trụ được nhận biết, khi việc khảo sát những sinh vật dường như không bao giờ khai phá ra những luật tổng quát, có thể áp dụng ở ngoài sinh cầu. Nhưng sinh học mang tính cách trung tâm khi nhằm minh giải mối tương giao giữa con người và vũ trụ — và đó cũng là tham vọng tột cùng của khoa học toàn diện. Như vậy, *đối với con người*, khoa sinh học là khoa học đầy ý nghĩa nhất, qua sự phát kiến ra lý thuyết Tiến hóa đã làm đảo lộn sâu xa mọi lãnh vực triết lý, tôn giáo và chính trị trong sự hình thành tư tưởng hiện đại.

Lý thuyết Tiến hóa trong khoa sinh học phân tử, phát triển như một lý thuyết *vật lý* về di truyền đã đáp ứng cho sự đòi hỏi khoa học trông cậy vào khoa sinh học. Lý thuyết này ngày nay chính là lý thuyết phân tử về luật truyền tinh (code génétique) làm nền tảng căn bản cho khoa sinh học. Monod xác định « lý thuyết về luật truyền tinh » hiểu theo nghĩa rộng không những chỉ bao hàm những khái niệm tương ứng với cơ cấu hóa học của chất

thể di truyền và sự truyền thông nhưng còn gồm cả những cơ chế phân tử biểu hiện, hình thể phát sinh và sinh lý của sự truyền thông này. Như vậy, lý thuyết phân tử về luật cấu tạo thành một lý thuyết tổng quát của những hệ thống sinh động. Sự phát sinh của khoa sinh học phân tử đánh dấu một cuộc cách mạng quan trọng trong khoa học luận, bởi vì trong tri thức khoa học trước đây không có cái gì tương tự. « Niềm bí mật của đời sống » có thể hãy còn khó đạt tới ngay trong nguyên tắc, nhưng ngày nay đã được vén mở một phần lớn. Nhà toán học kiêm vật lý gia Sullivan đã báo động biến cố trọng đại ấy trong tư tưởng hiện đại : Những chinh phục tri thức vĩ đại trong tương lai, bước tiến khổng lồ sắp tới đây hướng về sự khai triển ý thức con người phải được chờ đợi đến từ khoa sinh học.

đặng phùng quân

NGỤY NGỮ

với trăng hạ tuần lên

Đèn tắt. Đoạn đường dốc chênh nghiêng ngút khuất vào bóng tối. Ở hai đầu đường, trại cảnh sát dã chiến phía dưới và căn cứ công binh Mỹ phía trên, đèn vẫn sáng rỡ quanh phòng tuyến, hắt ra hai vùng đất sỏi vắng tanh ; khu gia binh địa phương, ở bên mạn trái khoảng giữa đường, đèn dầu hỏa vẫn leo lét cháy trong hằng trăm căn nhà vợ con lính thượng u ám bấu quanh mấy ngôi nhà thờ nhà trường gì đó của các ông cố đạo ; bên mạn phải, vùng động điếm và quán xá, nhà cửa xếp thành một dãy dài, những cánh cửa mở rộng, người ngợm hoặc đang ăn nhậu hoặc đang bu kín trước các máy truyền hình dưới bóng đèn rực sáng như bao nhiêu đêm, chợt máy điện của ty chiêu hồi đầu xóm ngưng chạy, tất cả đều tắt phụp, rơi sụp hết vào mịt mù. Theo lớp bóng tối trùm xuống, đám trẻ thượng ở trại gia binh sang xem nhờ truyền hình cùng bỏ dãy quán chạy ùa ra đường, vừa ôm níu xô đuổi nhau vừa la hét bi bô như một bầy thú mất rừng. Rồi vài ba ngọn đèn dầu hỏa chậm chạp cháy lên. Những ánh lửa vàng hoe bắt hơi dầu sáng rõ dần. 5 phút, rồi 7 phút, 10 phút máy điện của trung tâm chiêu hồi vẫn im hơi. Theo đám trẻ thượng, bọn lính anh chị và bọn gái điếm đang ăn nhậu trong các hàng quán cũng dần lục đục dắt nhau về động. Những ngọn đèn khác tiếp tục cháy lên. Khu xóm chuyển

dần sang vắng vẻ, những cánh cửa khép lại, những nóc mái chập chùng nhòa thẫm với nền trời đêm hạ tuần không trăng sao.

Từ trại lính đầu dốc, khuất tối bên hông căn cứ công binh Mỹ, Mệnh lặng lẽ đi ra hướng xuống xóm. Qua một đoạn vắng, qua đám trẻ thượng bi bô cười nói quanh đường, đến giữa xóm, Mệnh thẳng vào căn quán của viên đại úy già. Hai cánh cửa lớn mở rộng, ngọn đèn mới đốt chưa bắt được hơi dầu đang leo lét trên lưng quầy. Tiếng giầy của Mệnh làm thằng nhỏ đang lúi húi sau quầy ngửng lên.

— Trời ơi, chú. Cháu đợi chú sốt cả ruột đây nè.

— Chờ gì vậy ?

— Hôm nay có mấy bài khó quá.

— Bài khó sao không vào đồn gọi chú ?

— Cháu biết đâu, cứ ngỡ chú chưa vào hay còn bận ngoài phố với chị nào như bữa kia.

— Bữa kia sao ?

— Bữa kia, chị nào mặc áo quần hippy đó.

Mệnh cười rót nước uống. Thằng bé vừa nói vừa loay hoay quẹt lửa đốt cây đèn thứ hai. Ngọn đèn thứ nhất đã bắt hơi dầu sáng rực lên soi rõ dáng Mệnh ; nửa thân áo trận không cấp hiệu huy hiệu gì cả, vẻ mặt mệt mỏi, mái tóc dài rối rủ xuống trước trán.

— Chú vừa ngủ dậy phải không ?

— Ừ.

— Chú vừa ngoài phố vào hay trong đồn ra ?

— Trong đồn ra. Chú vào từ chập chiều nằm đọc sách rồi ngủ quên luôn tới giờ.

Vào từ chập chiều, nằm đọc sách rồi ngủ quên luôn. Hình như câu nói với cái giọng rời rời của Mệnh làm hai cô gái đang chụm đầu ngồi chuyện trò gì đó bên sau thích chí bật cười thành tiếng. Mệnh ngoái nhìn lui : hai khuôn mặt nhòa mờ trong bóng tối, hai bộ áo quần diêm dúa hở hang, mấy cánh tay trần, hai trong số hàng trăm hàng ngàn trung tâm truyền bá hoa liễu giang mai của miền Nam. Và cạnh hai cô gái, bên thành cửa lớn, ba đứa bé thượng không rõ trai gái đang đứng thành ba khối bất động

chăm chăm trông vào Mệnh. Trên tường gỗ đầu quầy gần chỗ Mệnh đứng, một tấm gỗ đóng thẳng góc với mặt tường dựng khung kính lồng bức ảnh của một thanh niên sau bát nhang, cây đèn dầu hỏa thấp mù và nải chuối xanh, lọ hoa nhỏ. Khung kính dựng nghiêng nghiêng, đôi mắt trong ảnh buồn bả trông xuống Mệnh trông sang cô bé đang ngồi một mình ở bộ bàn trước mái truyền hình bên kia.

Mệnh bảo thằng bé lấy gói thuốc lá, xé rút một điếu đốt hút.

— Bố đi đâu rồi à ?

— Bố cháu vừa lui sau nhà.

— Thôi, đi làm cho chú cái cà phê rồi vào học.

— Dạ vâng.

Đứa bé trai đáp khẻ, bưng một cây đèn mới đốt sang đặt vào bàn cô bé, quay lui nhanh nhẹn vào phòng sau. Mệnh đứng lại, áp trán vào lòng tay, cúi tựa bên hông quầy. Đây là một trong số mấy chục hàng quán của khu xóm. Như tất cả mọi hàng quán khác : không bảng hiệu, bán thức ăn nhậu và vài món tạp hóa lặt vặt, quanh năm sinh sống với bọn lính và bọn điếm, ngày ế ẩm và đêm chen chúc ồn ào, chủ quán nói giọng Bắc, đa số vật dụng trong phòng đều được tải ra từ căn cứ công binh Mỹ đầu dốc. Quán của một viên đại úy giả mới giải ngũ bày bán buôn để đắp điếm thêm cho số tiền hưu bổng chết đói. Hai vợ chồng già, 5 đứa con, Đại úy đi lính gần 30 năm, tham dự hàng trăm trận, thuyên chuyển qua hàng trăm trại đồn, hằng trăm lần bị thương nặng nhẹ nhưng vẫn không sao cả ; và đứa con trai đầu của đại úy : mới đỗ xong tú tài phần hai, lên đại học được một năm rồi bị trục trặc giấy tờ sao đó phải vào lính, sinh viên dự bị sĩ quan, sinh viên sĩ quan, chuẩn úy, ra trường đi binh chủng dù, đội nón đỏ mặc áo quan rằn ri về thăm nhà, ra đơn vị lại, qua Hạ Lào, chết mất xác luôn ở đó. Hết. Chuẩn úy được truy thăng lên cố thiếu úy, hưởng dương 24 tuổi. Cả thời gian từ khi vào lính đến khi chết mất xác vỏn vẹn chưa tới một năm. Và cả một đời thanh xuân sách vở bạn bè phố xá đâu đó không còn gì ngoài một tấm ảnh căn cước chụp trong ngày mới vào trại nhập ngũ được đại úy đem về phóng lớn treo lên lưng tường. Thằng anh chết hơn một tháng ; thằng em, tiếp theo,

nhận lệnh gọi vào lính ; đứa thứ ba, con gái, đã lấy chồng, cũng chồng lính ; hai đứa nhỏ còn lại, đứa trai lớn học đệ tam, đứa gái nhỏ học đệ lục, cả hai đều học trường công lập thị xã và đang được Mệnh nể lời vị đại úy già thỉnh thoảng ghé uống cà phê giảng dạy thêm.

Làm xong tách cà phê, thằng nhỏ mang lên đặt vào quầy cho Mệnh rồi qua bàn ngồi vào ghế cạnh cô bé. Chẳng biết đã từ bao giờ, cô bé ngồi đó, chiếc áo trắng gọn ghẻ, ngọn tóc dài thả lòa xòa xỏa quanh vai, khuôn mặt cúi xuống chăm chú trên lòng tập vở mở rộng. Mệnh bưng tách cà phê đến ngồi vào ghế đối diện với cô bé, hỏi khẻ :

— Thu học gì đó ?

Cô bé ngửng lên mỉm cười, tiếng nói ngái ngủ dịu dàng :

— Bài công dân, chú.

— Sao Thu có vẻ buồn vậy ?

— Không, cháu có buồn gì đâu.

— Buồn ngủ chớ gì ?

— Dạ không.

— Thế đau đầu, phải không ?

— Không.

Cô bé tên Thu lắc đầu, môi vẫn giữ nguyên nụ cười, cúi xuống lại. Chợt đâu đó từ mạn đầu đường, trong lớp bóng tối mịt mùng bên ngoài cửa, một giọng đàn ông hát gần lại : anh không chết đâu em người anh hùng mũ đỏ... Tiếng hát ngang qua cửa, khuất về cuối đường. Mệnh hút thuốc, chúm môi thở khói thành từng vòng tròn bay dính vào bóng đèn, lơ đãng nghe tiếng những giọt cà phê rụng thì thầm trong chiếc tách. Thằng nhỏ soạn sách vở ra bàn. Buổi học bắt đầu. Mệnh đọc qua một lượt toàn bài Pháp văn, đọc lại những chữ khó, phân biệt cặn kẽ những chữ có kiến trúc giống chữ Anh nhưng phải phát âm khác. Thằng nhỏ chăm chú theo dõi ngón tay trỏ của Mệnh di động trên trang sách. Giọng Mệnh lạ hẳn khi đọc tiếng Pháp và trở lại âm bực quen thuộc cũ :

— Làm gì ngày mai cũng nhớ mua tự điển nghe không ?

— Không có chú ạ. Ngoài nhà sách Hôm Sau chỉ có mấy

quyển tự điển loại bỏ túi nhỏ xíu mà thôi, không có loại ch dặn.

— Ở Hôm Sau thì làm gì có, đã bảo là phải sang cái nh sách gì đó bên phố cũ kia, không nhớ à ?

— Bên đó có à chú ?

— Có.

Hình như thằng nhỏ còn muốn nói thêm gì nữa đó nhưn chưa kịp, Mệnh làm dấu cho nó trở lại bài học. Thằng nh chậm rãi đọc, Mệnh yên lặng ngồi hút thuốc lá, chốc chốc cắ ngang lời đọc của hắn, sửa cách đọc một chữ nào đó, giải nghĩ thêm. Cạnh hai chú cháu, cô bé Thư vẫn ngồi bất động, khuô mặt cúi nghiêng khuất sau mái tóc rủ che.

Cà phê trong phin đã thôi nhỏ. Mệnh làm uống. Viên đại ủy già mặc bộ áo quần bà ba đen từ nhà sau đi ra cười chào Mệnh bưng cây đèn trở vào rồi quay ra lại với tờ nhật báo gấp tư và bình thuốc trà, đến ngồi xuống chiếc ghế trống.

— Không thấy đại ủy tôi ngỡ đại ủy ngủ rồi chứ.

— Đâu, ngủ ngáy gì được bây giờ. Thường đêm nào tôi cũng phải nằm thao thức cho đến sáng mới chợp mắt được một chút. Già rồi ai cũng vậy cả.

Viên đại ủy già nua đêm đêm nằm thao thức nghe tiếng bom đạn nổ xa gần quanh thị trấn ở đây và Mệnh có một người cha già đêm đêm nằm thao thức nghe tiếng bom đạn quanh một khu phố quận điêu tàn ở ngoài xa kia, nơi đang xảy ra những trận đánh khốc liệt nhất, có những căn cứ mang tên đàn bà Mỹ, có những binh đội của Mỹ vừa rút đi... Câu chuyện giữa hai người quanh quanh dẫn dần sang những mẩu tin trên trang nhất tờ nhật báo : bão lụt, Mao trạch Đông đau tim, sinh viên học sinh Sài-gòn tranh đấu chống chiến tranh. Viên đại ủy châm thêm nước trà, hút thuốc lào. Mệnh uống từng ngụm cà phê nhỏ, đốt nối thuốc. Lời chuyện trò rời rạc nối vào từng khoảng im lặng rộng trống. Những ngụm khói hai người thở ra bay mù quanh bóng đèn. Một lúc sau, đang ngồi trầm ngâm, không dưng viên đại ủy trở mình dựng thẳng người dậy nói như vừa chợt nhớ một điều không thể thiếu :

— Tối nay chú không ra sớm một chút mà xem.

— Xem gì vậy đại úy ?

— Cái chương trình gì để tuyển mộ lính mới đó, chương trình gì mà...

Viên đại úy già nhíu mày cố nhớ. Mệnh mỉm cười đợi chờ, hai đứa bé vẫn học, và một trong hai cô gái ngồi khuất bên sau chiếc bóng viên đại úy trải rộng nói với tới :

— Chương trình « Tiếng nói động viên ».

Viên đại úy gật gù :

— À à « Tiếng nói động viên » nhà có tivi tôi coi hoài nhưng vẫn không để ý.

— Mà sao đại úy ?

— Người ta quay lại cảnh căn cứ của lính dù bên Hạ Lào bị tràn ngập. Ghê quá.

Mệnh cười khẻ :

— Sao chương trình động viên kêu gọi người ta đầu quân mà lại quay cảnh căn cứ bị tràn ngập vậy rồi thanh niên nó kéo nhau tình nguyện vào dân vệ bảo an cả lấy ai để đưa qua Miên qua Lào.

Viên đại úy lại lắc đầu, dáng lúng túng, mái tóc bạc cắt ngắn lơ xơ và khuôn mặt đầy dấu vết nhẫn nhục nặng nề của gần 30 năm trại đồn hầm hố từ đời Pháp đô hộ đến tận đời đệ nhị cộng hòa cơ hồ mù đi đằng trước Mệnh :

— Không.

Không. Vâng, không phải người ta quay lại cảnh khốn nạn đó để làm thanh niên Nam Việt sợ không dám đầu quân đi lính dữ chết mất xác bên Miên bên Lào hoặc để lên án cuộc chiến tranh phi nhân đang thiêu sống cả một thế hệ thanh niên trên khắp bán đảo Đông dương này, mà trái lại, là đang hỗ trợ thêm cho chiến tranh, đang vẽ thêm một lớp sơn bóng ngời trên cái vóc dáng biệt kích của bọn lính Nam Việt, ve vuốt vào cái kiêu hảnh bệnh hoạn của chúng, kéo chúng ở lại trong hàng ngũ để bảo vệ cái giải đất tăm tối hời mỹ này khỏi rơi vào « vòng nô lệ của Cộng sản ». Viên đại úy già khó khăn kể sơ qua cốt truyện phim, thỉnh thoảng hai cô gái và đứa bé trai nhắc thêm một chi tiết nào đó bị bỏ quên. Mệnh cố gắng làm bộ chăm chú nghe. Chuyện kể lại cái chết của một tên sĩ quan dù tại mặt trận Hạ

Lào, nhắc lại thuở y còn là một thiếu úy, thiếu úy dù đi xe gắn máy chồng ba bốn mạng một xe chạy giữa phố Sài-gòn, tông nhằm một cô gái, cô gái nhận làm em gái hậu phương đi ca hát gì đó cho lính nghe rồi nhận làm vợ tên thiếu úy luôn, tên thiếu úy lên đại úy, tên đại úy đi trận sang Lào và mở lựu đạn chết khi căn cứ bị tràn ngập, chết xong chưa yên chuyện lại còn hiện hồn mang mặt máu về đứng hát anh chưa chết đâu em. Câu hát được nhắc lại trong đoạn cuối chuyện kể như vừa gải đúng chỗ ngứa hai cô gái : cả hai cùng khe khẻ hát, không đều giọng, và chỉ lặp lui lặp tới được một câu.

Chuyện kể vừa dứt, hai cô gái đang khàn khàn hát, rồi câu hát lặp lui lặp tới đó cũng ngưng dứt luôn khi đâu trên phố một loạt đạn xé nổ ròn tan và nhiều tiếng xe tiếng còi gào hú vọng về.

Một cô gái đứng dậy, bấu tay và thành cửa sổ vói đầu trông ra :

— Không biết gì đó nữa ?

— Chắc bọn biệt động đánh lộn với quân cảnh chứ gì.

Viên đại úy già quay lui :

— Có lính biệt động đến à ?

— Có. Lính biệt động đi tràn cả đường ngoài ngoải.

— Đến hồi nào vậy.

— Bọn nó mới đánh trận đâu dưới ĐR lên chiều này.

— Chà...

Viên đại úy thở dài lắc đầu với Mệnh, tiêm thuốc hút. Và từ trước câu chuyện kể, qua suốt câu chuyện mãi đến khi có tiếng súng đến bây giờ con bé Thu vẫn ngồi cúi xuống lặng lẽ trên tập vở mở rộng. Một lúc lâu, khi tất cả đang rơi im giữa sự trống trải vắng vẻ, chợt con bé ngước lên hỏi Mệnh :

— Chú à, sao ông ấy chết vậy mà còn về hát được nhỉ ?

Quên bẳng mất câu chuyện phim vừa nghe, Mệnh quay nhìn con bé, thoáng ngơ ngác.

— Ông nào về ?

— Ông đại úy nhảy dù đó kia.

Viên đại úy già nói chậm rãi, không nhìn con gái :

— Đã bảo người ta hiện hồn về báo mộng mà.

— Hiện hồn sao lại còn hát ?

Câu hỏi dành cho Mệnh, và khuôn mặt trắng lạnh, đôi mắt đen sáng mở lớn ngước lên đợi chờ sau câu hỏi. Viên đại úy già, thằng anh nhỏ, hai cô gái : không ai nói năng gì cả. Câu hỏi dần nhòa tan vào im lặng. Mệnh nhìn con bé, nhìn thấy đôi mắt trong đen mở lớn đó, hiểu được câu hỏi và nguyên nhân nào xa xôi thúc hối câu hỏi đó thoát ra nhưng không biết phải trả lời thế nào. Hiện hồn sao lại còn hát ?

Vâng, làm sao để trả lời cho con bé hiểu gì được bây giờ khi chính con bé đang tin một cách chắc chắn rằng người chết rồi thì còn linh hồn để về thăm nhà một lần cuối cùng nhưng lại hoàn toàn câm lặng, hỏi không nói, kêu không trông lui, chân đi không chấm đất, không thể chụp níu được. Cou bé tin thế bởi chính con bé đã biết thế, đã thấy thế. Con bé, đứa con cuối cùng trong số 6 đứa con của vợ chồng viên đại úy già, kết quả của gần 30 năm ăn ở với nhau. Đứa con thứ nhất, con trai, bao nhiêu ước vọng trao gửi bây giờ không còn gì ngoài tấm ảnh lồng kính treo trên lưng tường: khoảng trán mờ ửng xa xôi, đôi môi hơi mím lại, đôi mắt nhìn mãi tới tựa hồ như đang nhìn vào cái chết mất xác của mình, nhìn, biết và biết không còn gì để nói năng thêm ngoài mấy cây nhang triền miên cháy hết ngày này sang ngày kia ; đứa thứ nhì, con trai, mới vào lính ; đứa thứ ba, con gái, đã theo chồng ; đứa thứ tư, con gái, đã chết yểu; đứa thứ năm, thằng nhỏ học đệ tam đang ngồi đó và đứa cuối cùng là con bé Thu. Viên đại úy già trước kia ở trong hàng ngũ lính tây, tình hình đất nước đổi thay, quân tây rút về tây, đại úy còn là một ành cai đội gì đó phải theo cả lực lượng bản xứ dắt gia đình vào Nam để tiếp tục cuộc chiến đấu « chống cộng bảo vệ tự do », được Mỹ hóa bằng quân trang quân dụng mang nhãn hiệu US, được Việt hóa thành bộ binh. Ba đứa con đầu được sinh ở Hà nội, đứa thứ tư được sinh ở Huế, lớn lên ở Huế và chết gởi xác lại Huế luôn, hai đứa cuối cùng cũng được sinh ở Huế, khôn lớn dọc những phố phường trong mấy năm cuối đời súng đạn của đại úy lây lất ghé qụa. Cả 5 đứa con cùng nói giọng Bắc theo cha mẹ, đứa nào cũng đầy ắp những kỷ niệm về bao nhiêu trại đồn lính tráng. Trong số đó, chẳng rõ

bởi một nguyên do xa gần nào khiến đứa con trai đầu và đứa con gái cuối yêu thương nhau một cách đặc biệt, luôn luôn quấn quít lấy nhau từ khi còn bé mới lọt lòng cho đến ngày thằng anh ra đi, vào lính, tử trận. Lúc chiến trường Hạ Lào còn ở mức độ sôi động nhất, khi mỗi buổi trưa viên đại úy già vừa ăn cơm vừa đăm đăm cúi xuống tờ nhật báo và tất cả mọi gia đình có con cái ở đơn vị tác chiến xa đều tìm nhau lo âu bàn tán, một đêm khuy đang ngủ say chợt con bé thức dậy ngồi khóc bên ngọn đèn đầu giường, bà đại úy thức dậy dỗ dành hỏi han và nghe con bé kể con mới thấy anh Hoàng về, mặt mày anh ấy đen như người thượng vậy, anh từ ngoài cửa đi vào đứng nhìn con mà chn hỏi gì anh cũng không nói hết, con cố níu tay anh nhưng không được, tay anh xoa đầu con lạnh ngắt rồi anh bỏ đi, anh đi chân không dính đất đi thật mau. Nghe xong lời kể, bà đại úy ôm con ngồi khóc, rồi lần qua gọi chồng dậy, kể lại giấc mơ của con cho chồng nghe và hai vợ chồng cùng thay áo quần dài, đốt hương đèn ra sau đứng khấn vái với tám hướng đất trời. Hôm sau, không kịp thu dọn gì cả, vừa thức dậy viên đại úy đã nôn nóng ra bến thị xã đón xe về Sài-gòn tìm đến hậu cứ tiểu đoàn con để xem thử tin tức hư thực thế nào ; sau 10 ngày chần chờ nán đợi, đại úy nhận được mẩu tin chính xác : chuẩn úy Hoàng đã chết, chết mất xác. Rồi một người lính thuộc quyền của Hoàng bị thương nhẹ, theo trực thăng thoát về được khi căn cứ bị tràn ngập, mới nằm nhà thương xuất viện ra kể cho đại úy nghe : ông ấy bị chung một trái đạn 82 ly với 2 người khác nữa, cả ba đều chết dưới hầm, xác đã được gói vào poncho rồi nhưng chờ hoài vẫn không đem về được. Chết, chết trong hầm, chết bởi đạn 82 ly, chết ngay trong buổi chiều mà đêm con bé mộng thấy. Mẩu tin đại úy mang về làm bà đại úy và thằng con thứ 5 vật vả khóc than, nhiều người quen thân dọc hàng quán khóc than theo, nhưng con bé Thu chỉ lặng lẽ khóc gọi anh một chút rồi thôi. Mấy hôm sau gia đình lo làm ma chay, mời thầy pháp về bày lễ cúng giải oan cầu kinh siêu thoát, phóng lớn bức ảnh lưu trong sổ quân bạ của con để đặt lên thờ, lo thủ tục lãnh tiền tử tuất, tiếp tục mua bán sinh nhai lo cho mấy đứa con còn lại, nguôi ngoai dần. Và, lặng lẽ khóc một lúc rồi thôi, con bé thôi khóc, tiếp tục lặng lẽ, càng lúc càng xa

lạc khỏi sinh hoạt gia đình, lẻ loi sâu vào trong một vùng khí hậu riêng tư.

Không còn ríu rít đùa cười, không còn nhắc nhở tới ngày è và những món quà anh hẹn sẽ mang về, những nơi anh đang trú đóng, tên hiệu tiểu đoàn của anh, những lá thư viết cho anh, và cùng lúc bỏ luôn bạn bè cũ, cô bé còn một mình với sách vở ở lớp học, về nhà một mình tới lui quạnh quẽ trong những chỗ khuất tối, thắp nhang cắm hoa cho anh, đôi mắt buồn bã hướng trông ra những hướng xa vời, hỏi những câu ngơ ngẩn không chờ trả lời, ứa nước mắt khi nghe tin có người chết đâu đó hoặc nghe thấy những khúc hát tiếc nuối thảm thương của người sống còn.

Lạ đi, có lúc con bé hồ như không còn một tương quan nào với đời sống thường nhật của gia đình nữa cả. Bà đại úy để ý với sự biếng ăn biếng cười của con, như viên đại úy già, như bao nhiêu người quen thuộc ra vào khác; và tất cả, với sự kiện đó, đều có chung một lối giải thích, hoặc được nói ra hoặc không cần nói cũng thừa biết; nó thương nhớ thằng anh. Con bé thương nhớ thằng anh đã chết trận, như tất cả, Mệnh cũng biết thế. Mệnh đã nghe những câu hỏi ngớ ngẩn của nó, đã chú ý đến những thất lạc mịt mùng trong mắt nhìn, trong nụ cười, trong đăm ba lời kể bâng quơ không đầu không đuôi của nó. Có lời kể âu hỏi nào đó đã làm Mệnh rùng mình, như câu hỏi đêm nay: m sao chết rồi mà còn về hát được?

Chừng biết câu hỏi của mình đã bị quên lãng hẳn, hay chính mình đã quên mất câu hỏi chưa được trả lời của mình, con bé lại cúi xuống với tập vở khi thằng nhỏ học xong bài sinh ngữ, bắt đầu sang bài vạn vật, nhờ Mệnh đọc giúp mấy cái tên đá bằng ngoại ngữ. Mệnh lơ đãng đọc chỉ cho thằng nhỏ, quay qua với con bé:

— Sao, Thu thuộc bài chưa?

— Dạ thuộc rồi, chú.

— Thuộc bài này rồi sao cháu không đem bài khác học đi mà cứ học hoài một bài vậy?

— Ngày mai cháu chỉ có một bài công dân này thôi.

Mệnh kéo tập vở của con bé lại, coi sơ qua, trả về chỗ cũ.

— Không có bài gì thì Thu đem sinh ngữ hay toán ra học thêm đi, ngồi không làm gì vậy cho buồn ngủ.

Viên đại úy già nói theo :

— Ừ, sẵn chú đây bây không biết gì đem ra cho chú giảng cho luôn chờ mai mốt đụng đến rồi biết hỏi ai. Bây mà có chú tới lui cho thế này là qui quá rồi.

Con bé chớp mắt :

— Mai mốt chú vẫn còn ở đây mà.

— Đã đành là ở đây nhưng đâu có rãnh như bây giờ. Viên đại úy nói, húng hắng ho, ngừng lại một chút để tiêm thuốc lào, nhìn Mệnh. Hôm nay chú trực phải không ?

— Vâng, hôm nay tôi trực, đại úy.

Một trong hai cô gái ngồi bên sau hỏi tới, giọng có vẻ thân mật :

— Trong trỏng mấy ngày mới trực một ngày vậy anh ?

Mệnh nhíu mày trông lui :

— Cô hỏi làm gì ?

— Hỏi cho biết vậy thôi.

Viên đại úy cười :

— Chuyện quân sự mà biết vậy thôi à, biết vậy rồi có khi nào bị bọn an ninh quân đội nó đấm cho hộc máu mồm ra không ?

Lại một loạt đạn nổ ròn trên phố, tiếng còi và tiếng xe ầm rú xôn xao vọng về. Chẳng biết nghĩ ngợi gì đó, viên đại úy thở dài lầm bầm : tiên sư nó, chiến tranh đâu mà cả hàng trăm năm vậy nữa, hết bắn nhau ngõ này đến bắn nhau ngõ kia. Bên sau viên đại úy, trong lớp bóng tối che mờ, hai cô gái chụm đầu bàn tính chuyện ngày mai lên vùng bar ở căn cứ Mỹ trên cây số 16 để trốn khỏi tay bọn biệt động, đợi bao giờ bọn biệt động hành quân qua hết rồi về : đi chớ nằm nán lại đây có nước chết à. Sau hai cô gái, ba đứa trẻ thượng vẫn đứng bất động nhìn vào. Ngoài khung cửa mở tối chốc chốc dăm ba toán lính đi qua, những điếu thuốc cháy lập lòe, những tiếng chân và tiếng nói cười nhòa lẫn vào tiếng máy thu thanh lảng vảng kinh niên dọc xóm. Đâu trong núi, sâu về phía bắc thị trấn, tiếng bom khua

nổ âm âm thành từng đợt dài như tiếng dông ran trên một cơn mưa xa.

— Sao người ta cứ để chiến tranh mà bắn chết nhau hoài vậy bố à ?

Lại một câu hỏi của con bé, hỏi với đôi mắt trong đen ngái ngủ nhướng lên hướng vào viên đại úy già. Viên đại úy già yên lặng. Đôi mắt con bé hướng sang Mệnh. Mệnh lắc đầu cười :

— Sao Thu chỉ hỏi toàn những chuyện đâu đâu vậy ?

— Đâu đâu là sao chú ?

— Đâu đâu nghĩa là nó xa với tầm hiểu biết của cỡ tuổi Thu quá.

— Xa sao chú ?

— Xa là Thu quá nhỏ, chưa thể hiểu biết được nhiều, trong lúc vấn đề đặt ra với câu hỏi lại có tầm vóc quá rộng, quá phức tạp.

— Phức tạp sao chú ?

Câu hỏi gọn ngắn của con bé làm hai cô gái và thằng nhỏ nhìn lại bật cười thành tiếng. Viên đại úy già vẫn đọc báo. Mệnh đốt nối điếu thuốc, ném mẩu tàn ra cửa.

— Phức tạp là rối rắm lắm, khó hiểu lắm, mà có hiểu được cũng khó nói cho xong. Mệnh mỉm cười, ngừng lại. Thôi, bây giờ thì gắng học hành đi đã, đợi lớn khôn thêm năm bảy tuổi nữa rồi Thu biết

— Đợi lớn khôn lên...

— Ừ, khôn lớn vài năm nữa Thu không cần tìm hiểu người ta cũng dạy cho Thu biết, lo gì.

— Nhưng lỡ mai mốt Thu chết đi như chị Hoài vậy rồi làm sao mà Thu lớn khôn để biết ?

Cơn rùng mình gợn thoáng xa xăm trong Mệnh, anh nhíu mày uống một ngụm cà phê, ngồi thẳng người lên :

— Chị Hoài chết bao giờ mà lâu ?

Con bé lắc đầu, nụ cười khô se mơ hồ :

— Chết ở lại ngoài Huế kia, chú không biết đâu.

Không biết đâu. Giọng con bé đều đều không thay đổi, và câu hỏi về chiến tranh không được trả lời đã bị dắt đi lạc xa

dần, mất tăm luôn. Cháu chưa đủ trí khôn để có thể hiểu được tại sao chiến tranh cứ dai dẳng hoài trên mặt đất này thế, cũng như chú, chú mới đổi đến vùng đồn trại này chưa đầy một năm trong lúc chị Hoài đã chết cách đây đến những năm năm rồi. Hoài, hình như trong những câu chuyện rề rà về đời mình kể cho Mệnh nghe khi buồn miệng, nhiều lần viên đại úy già hồi hưu đã nhắc đến đứa con gái thứ tư chết yểu chôn lại ngoài Huế nhưng chắc chắn ông chưa bao giờ nhắc đến cái tên đó cả. Hoài 13 tuổi, học đệ lục trường Đồng Khánh, lúc viên đại úy còn là một trung úy chuyên lo về việc canh gác giữ an ninh cho tư dinh của một thằng tướng râu răng can gậy nào đó trong bộ tư lịnh sư đoàn bộ binh. Nhà ở xa mãi trong thành nội, mỗi ngày Hoài phải mặc bộ đồng phục màu trắng phơ phất theo mấy con bạn nhỏ đi bộ ra khỏi thành, đến bến Thừa Phủ đợi đò qua sông hoặc vui chân rủ nhau đi bộ lên cầu Trường Tiền luôn. Hoài có nốt ruồi nhỏ ở môi trên, Hoài hát hay, Hoài ríu rít chuyện trò luôn miệng, Hoài thường đi bộ qua cầu để dành tiền đò mua quà cho Thu. Rồi một hôm không dưng đi học về Hoài ngã bệnh, buông sách vở nằm xuống mê man, thức dậy không chịu ăn uống, nằm khóc lóc một lúc rồi lại thiếp mê lại, và cách bốn hôm sau ngày phát bệnh đó, Hoài chết. Trong trí nhớ non dại của con bé Thu còn dáng chị Hoài mặc quần áo trắng mới với nhiều hoa trắng nhỏ quanh đầu, được đặt vào ngay ngắn giữa lòng quan tài, quan tài được đậy nắp lại và nến đèn cháy quanh bức ảnh chị mỉm cười trên bàn cao, lời kinh của mấy vị ni sư già thì thầm miên man, chuyến xe nhà binh chạy lên vùng đồi núi Nam-giao, nắm mộ nhỏ nằm quạnh vắng giữa nghĩa trang mông mênh lạnh lẽo. Chỉ chừng đó rồi thôi. Hoài, đứa con gái thứ tư chết yểu không được nhắc tên trong các câu chuyện của viên đại úy già là một khuôn mặt hoàn toàn trắng trống, dáng dấp mờ nhạt được dựng lên để làm mốc dấu cho một đoạn dọc cuộc đời mịt mùng những đổi thay buồn khổ. Đoạn đời đã qua, viên trung úy già lo việc canh gác ở bộ tư lịnh sư đoàn bộ binh đã hóa thân thành đại úy già của lực lượng địa phương quân tiểu khu nơi này, đại úy già giải ngũ hóa thân thành ông chủ quán thường trực sợ hãi và không hiểu nổi cái hung hăng man rợ của bọn lính thám sát lâu lâu đi trận về uống

rượu phá xóm. Cả thảy, năm năm ròng rã. Không biết nấm mộ và chiếc bia đá nhỏ của Hoài bây giờ ra sao trên dốc đồi xưa, nơi không còn cha mẹ. Và Hoài, người chị đã chết, là một mảng trời xanh lạnh mênh mang trước tầm mắt con bé Thu, mảng trời xa hút đi mất dấu và hiện về lại, mở ra với cái chết của anh Hoàng, mở ra vắng ngắt : lỡ chết đi như chị Hoài. Ngoài con bé, không ai thấy được mảng trời đó hết.

Lời nhắc đến chị Hoài làm thằng nhỏ ngửng lên nhìn con bé một chút rồi lại cúi xuống tiếp tục học. Viên đại úy già thở dài làm thuốc lào hút hết điếu này đến điếu kia Con bé Thu, sau những lời nhắc về chị, đôi mắt lại trở hướng nhìn ra cửa. Mệnh nhìn ra theo, không thấy gì cả ngoài màu đêm mịt mùng tối trên đầu ba đứa trẻ thượng đứng bên thành cửa, thỉnh thoảng quay lui với những câu hỏi của thằng nhỏ. Những tên đá đất, những chữ lạ, những điều thằng nhỏ còn chưa hiểu. Bài vạn vật đệ tam, những khái niệm về địa chất học. Theo bài, Mệnh đọc mấy cái tên, giảng nghĩa những chữ mới, giải nghĩa thêm. Mệnh giải nghĩa, hỏi thằng nhỏ hiểu chưa, thằng nhỏ trả lời bảo hiểu rồi và tò mò hỏi tới, Mệnh chậm chạp giảng tới thêm, và những câu hỏi những lời giảng dần ra khỏi giới hạn bài học, loang rộng ra. Tên đất đá, những loại đá biến chất qua hàng triệu năm đổi thay, những núi cổ thoai thoải và những núi trẻ đỉnh nhọn cao, những núi lửa bùng lên, những chủng tộc và những nền văn minh đã bị bôi xóa trên mặt đất, những nguyên đại qua, những nguyên đại còn tiếp nhau qua.

— Một nguyên đại vậy là mấy năm chú ?

— Người ta phân biệt ra vậy cho dễ gọi chứ chẳng ai xác định được thời gian của mỗi nguyên đại là bao lâu cả.

— Sao vậy chú ?

Ba đứa trẻ thượng vẫn nhìn vào, hai cô gái quay lại, viên đại úy già ngẩng lên, con bé Thu và thằng nhỏ chăm chú chờ nghe. Giới hạn của bài học đã bị rơi hụt về bên sau. Mệnh hút thuốc, uống từng ngụm cà phê nhỏ, giữ nguyên nụ cười hờ hững biếng nhác, bắt đầu trở lại những núi trẻ núi già cũ, phác họa qua những giai đoạn cấu tạo địa cầu, qua những đại kỷ hiển sinh vô sinh, những nguyên đại tiệm cổ thái cổ đến cận sinh nhân

sinh, những khoảng thời gian mù mờ được tính bằng các con số đơn vị triệu năm... Mệnh nói, được phấn khích bởi sự chăm chú của những người nghe vây quanh, nhất là của hai đứa bé. Chính Mệnh cũng nghe thấy hơi say sưa trong giọng nói của mình, anh cố dùng những tiếng thật dễ hiểu để nói, nói với nụ cười, với đôi mắt nhìn vào dáng chăm chú của hai đứa bé. Và, theo những lời nói khúc chiết của Mệnh, đâu đó giữa thinh không bát ngát có một quả địa cầu xanh ngắt, đang mang muôn nghìn triệu năm trên thân thể tròn trỉnh của mình để lặng lẽ quay, quay mãi. Có trên thân thể tròn trĩnh xanh ngắt đó bao nhiêu suối sông man man chảy qua những vùng dân cư hướng chung về biển khơi, có bao nhiêu kinh thành đã mất tích, có bao nhiêu loài động vật đã xuất hiện và đã không còn, bao nhiêu núi cổ dần dần thấp trụy xuống và núi trẻ mang đỉnh nhọn thẳng thốt mọc lên, có bao nhiêu nền văn minh hoặc đã bị chìm xuống lòng đại dương hoặc đã bị lấp vùi dưới lửa dung nham, và biển ngàn từ bao giờ đến bây giờ vẫn đều nhịp thủy triều mỗi ngày lên xuống, lửa vẫn hừng hực nóng đỏ trong lòng đất thường trực đợi giờ bùng lên, trái đất vẫn mang tất cả để lặng lờ quay theo một chiều không thay đổi.

Khi Mệnh ngừng nói, đốt thuốc hút, một trong hai cô gái ngồi bên sau hỏi tới :

— Thế bây giờ quả địa cầu mình đang ở đây nó cũng đang quay à anh ?

— Vâng, nó đang quay.

Câu hỏi ngờ nghệch nhưng không ai cười cả. Nó đang quay. Vâng, hình như thế. Đâu đó giữa thinh không bát ngát trái đất đang thăm thăm quay và đâu đó trên khoảng nền nhà tối này, cạnh những chân bàn chân ghế, những bàn chân người đang dẫm xuống nghe ngóng. Không ai cười. Không ai nói năng gì hết. Không biết có bàn chân nào đang nghe được trái đất đang quay không.

— Chú, mà dưới mặt đất này có lửa à chú ?

— Có.

Mệnh trả lời, nhìn con bé Thu. Thoáng một chút ngập ngừng con bé chớp mắt hỏi tiếp :

— Thế nóng lắm chú nhỉ ?

Mệnh cười lắc đầu :

— Khéo hỏi, lửa nấu cơm còn nóng huống là lửa dung nham. Lúc Thu học đệ thất hay lớp nhất gì đó hình như người ta có dậy rồi bộ không nhớ sao hỏi ngơ ngẩn vậy ?

— Lửa nấu cơm khác với lửa dung nham thế nào chú ?

— Lửa nấu cơm là lửa thường đó, trung bình đun nóng đến 100 độ là cơm sôi, trong lúc lửa dung nham là lửa đá lỏng, chú không nhớ rõ nhưng chắc chắn là nóng trên 2.000 độ, nghĩa là cái độ nóng đốt chảy lỏng hết tất cả mọi thứ kim khí.

Con bé chớp mắt thở dài, nhìn ra cửa một chút rồi quay vào lại.

— Nóng vậy làm sao người ta chịu đựng được chú nhỉ.

— Người ta nào ?

— Những người chết đó. Những người chết ở dưới địa ngục.

— Địa ngục nào ?

— Địa ngục, là âm phủ đó, là nơi người chết ở đó, dưới đất này nè.

Hai cô gái và thằng nhỏ cười khẻ, viên đại úy già và Mệnh im lặng. Hình như con bé cũng chẳng để ý tới tiếng cười vì câu nói của mình, đôi mắt đen sáng của nó đang mở lớn đăm đăm đợi chờ sự giải đáp của Mệnh. Mệnh im lặng. Anh không biết giải đáp thế nào nữa.

— Ai nói với Thu vậy ?

— Mẹ nói vậy, ai cũng nói vậy cả. Thế sao chú ?

Mệnh định nhắc lại câu nói cũ, câu nói để chấm dứt tất cả mọi thứ chuyện lăng nhăng của con bé cũng như của thằng nhỏ trong bao nhiêu lần khác nhưng bây giờ chẳng biết sao anh chỉ lắc đầu, nhìn vào đôi mắt đăm đăm trên khuôn mặt trắng lạnh của con bé, nói nhanh :

— Không có đâu.

— Chú nói không có vậy thì những người chết ở đâu chú ?

— Ở trong mả mồ chứ ở đâu nữa.

— Không, đó là xác chết, người chết kia.

Thằng nhỏ hỏi chen vào :

— Nói vậy rồi mà không hiểu, còn người chết nào nữa. Lầm cầm.

— Người chết như anh Hoàng vậy đó. Anh Hoàng chết mất xác làm gì có mả nhưng anh Hoàng hiện về thăm nhà đó. Mà anh ấy hiện về thăm vậy rồi anh ấy đi đâu ?

Giọng con bé đều đều tựa đang trả một bài học đã quá thuộc, quá hiểu. Không một tiếng nào lệch khỏi âm bậc chung. Không một dấu vết vui buồn nào hiện trên khuôn mặt, mắt hết nhìn ra khung cửa mở tối lại quay nhìn vào Mệnh. Mà anh ấy về thăm rồi anh ấy đi đâu ? Anh ấy về thăm, Thu hỏi anh ấy không trả lời, tay anh ấy xoa trên đầu Thu lạnh ngắt, anh ấy đi thật nhanh và chân không chấm đất. Anh ấy đi đâu. Như bà đại úy, tất cả mọi người, từ bao giờ đến bây giờ đều nói với nó rằng có một xứ địa ngục ở dưới đất và một xứ khác gọi là xứ thiên đường ở trên trời, xứ địa ngục dành cho những kẻ đầy tội ác trong thời gian ở trần gian và xứ thiên đàng, trái lại, chỉ dành cho những người nhiều âm phúc. Con bé Thu tin thế. Rồi anh Hoàng chết, chết với súng đạn máu me ở mặt trận, Thu tin chắc rằng anh phải bị đày đọa xuống địa ngục cùng với tất cả những người có tội khác. Nhưng bây giờ, trái đất của trần gian đầy phúc tội này đang bị chú Mệnh xô ra khỏi lưng địa ngục và gầm thiên đường để một mình quay giữa trống không, có khối lửa nóng trong lòng nhưng không phải là địa ngục, có hằng hà sa số tinh tú lấp lánh trên xa nhưng không phải là thiên đường. Thế người chết ra khỏi đời sống trần gian rồi đi đâu ? Anh Hoàng về thăm đây giữa đêm khuya có vẻ vội vàng thế rồi đi đâu ? Câu hỏi được lặp lại : sao chú. Và Mệnh :

— Chú cũng không biết nữa.

— Chú học nhiều sách vở vậy mà người ta không dạy cho chú biết được à ?

— Không.

Không, không một sách vở nào mô tả những địa hình địa vật và những sinh hoạt của dân cư ở dưới địa ngục hay trên thiên đàng với đầy đủ những dữ kiện lý tính cho Mệnh khả dĩ tin tưởng được hết. Sinh vật học, toán học, triết học... Không. Còn tôn giáo thì mù mờ xa ngái quá. Mệnh ngồi im lặng. Và con bé Thu, với khoảng lưng áo của người anh tên Hoàng chết trận

hiện về thăm rồi quầy quả bỏ đi mà nó kêu với theo không được đó, câu hỏi mịt mùng dựng lên, rồi câu hỏi không còn dành riêng cho anh Hoàng mà lặng lẽ tiếp tục mở ra, trông ngút tới, với chị Hoài ngày trước, với bao nhiên người đã hoặc non yểu hoặc già nua nối nhau đi qua cõi trần gian.

— Thế những người chết, từ thời xưa đến giờ, theo nhau đi về đâu hết nhỉ, chú ?

— Chú cũng không biết nữa.

Vâng, chú cũng không biết nữa và cũng không thể lặp lại câu nói cũ bảo cháu lớn-khôn-lên-rồi-biết bởi chú biết chắc chắn rằng không có một sách vở nào sẽ cho cháu biết điều đó cả. Sách vở có thể dạy cho cháu biết vì sao có chiến tranh, trái đất quay bởi những tất định nào, tại sao mỗi người sống vậy rồi phải chết đi, bao giờ trái đất nổ tung ra hay đất đá trên cung trăng thế nào, rong rêu dưới bể sâu thế nào, từ mặt đất của loài người đến vì sao kia phải mất bao nhiêu triệu năm ánh sáng, nhưng với địa ngục và thiên đường, hai nơi của tất cả mọi người chết mang phúc tội về cư ngụ sau khi rời trần gian thì hoàn toàn mù tịt ; và chú, sự hiểu biết của chú, một thứ sản phẩm của sách vở, cũng mù tịt luôn. Chú cũng không biết chính mình từ đâu đến đây trong trật tự sinh vật học này và mai kia về đâu trong xanh biếc mênh mang bên ngoài những mả mồ kia. Có hay không một trật tự nào ở đó. Có hay không sự luân hồi, những tòa án xét xử, những người mang lời hẹn hò trong kiếp trước để trở về trần gian tìm nhau dọc kiếp sau như thi ca và như cô gái mặc áo quần hippy mới bảo với chú lúc hai người đi lang thang hồi chiều ngoài phố. Đây là quán cà phê của viên đại úy già vừa giải ngũ sau gần 30 năm lính, bày ra bán buôn với bọn điếm và bọn lính cô hồn để đắp đổi qua ngày. Đây là một trong bao nhiêu cửa nhà dưới nền trời phương Đông. Ngọn đèn đang cháy im sửng sau lớp bóng thủy tinh, soi vào khuôn mặt im lặng của Mệnh và đôi mắt của con bé im lặng trông tới. Chú Mệnh không biết nhưng con bé Thu vẫn còn muốn truy tìm :

— Thế ai tạo ra quả địa cầu này cho nó quay từ thuở xưa đến giờ vậy chú ?

Mệnh chưa kịp lắc đầu để lặp lại điệp khúc « cũng chưa biết nữa », cô gái mặc áo đỏ bầm từ bên sau nói với tới :

— Xời, ai tạo nên quả địa cầu. Bộ mày không khi nào qua nhà thờ nghe cha xứ giảng à ?

Cpn bé quay nhanh lui :

— Không, mà cha xứ giảng sao chị ?

Cô gái mặc áo xanh lá cây trở mình xô động chân ghế, cười thành tiếng nhỏ trong cổ họng :

— Xí, ảnh học hành vậy còn chưa biết, mày biết gì mà xía mỏ vào.

— Sao không biết mậy.

— Mày học hành gì mà biết.

— Tao không cần học nhưng tao tuần nào cũng đi lễ nhà thờ nghe cha giảng, gì không biết chứ bộ chừng đó mà không biết à ?

— Đmá, mày giỏi cái đi nhà thờ một cột của thằng trung sĩ da đen GMC đó chứ gì.

— Đmá, nói bậy mày, tao là đạo giòng mấy đời rồi mà.

— Đạo chảy ra giòng giòng phải hông ?

Tiếng cười cợt của hai cô gái làm viên đại úy già có vẻ bực mình nhưng ông chỉ ngước lên nhìn Mệnh, khẽ lắc đầu, rồi lại cúi xuống yên lặng như đang mãi xem báo. Mệnh và thằng nhỏ cười theo. Con bé vẫn yên lặng nghiêng người trông lui đợi nghe. Rồi những câu giỡn cợt tục tĩu tạm ngưng, chuyện nhà thờ một cột của viên trung sĩ da đen tên GMC đâu đó được tạm gác sang một bên, cô gái « đmá tao đạo giòng » bắt đầu nhắc đến những lời cha xứ giảng ở nhà thờ, theo đoạn đầu chương Sáng Thế trong kinh Cựu Ước : Tất cả trời đất này do Chúa làm ra trong vòng 7 ngày, Chúa làm nên mặt trời và mặt trăng, Chúa muốn có ánh sáng tức có ánh sáng, Chúa muốn có... Cô gái « đmá tao đạo giòng » nói một hơi dài, huyên thuyên kể vào những chi tiết, và cô gái vô đạo ngắt lại :

— Thôi, vừa rồi má ơi.

— Đmá mày, không biết ta nói cho mà biết cứ xỏ cái mỏm vào, vừa rồi vừa rồi.

— Tao không cần biết, biết vậy làm gì.

— Mày không cần biết thì tao có nói với mày đâu. Tao nói với con nhỏ này mà.

— Chúa làm ra tất cả, mày là con Chúa. Đmá, mày ngon rồi hả, được rồi, để xem mày ngon mai mày rán ở lại đây coi có chịu nổi bọn biệt động không. Bày đặt, con Chúa, Chúa làm nên tất cả.

Hai cô gái, một vô đạo và một con Chúa, lằng nhằng cãi nhau. Cãi, chửi thề, cười cợt, nói xoi móc, đấm vào lưng nhau, cười sặc sụa, nhắc đến viên trung sĩ da đen. Con bé Thu vẫn trở lại tập vở cho đến khi viên đại úy già lên tiếng bảo hai cô gái yên lặng, nó chậm rãi quay lui, hỏi khẽ :

— Chúa tạo nên tất cả vậy mà bây giờ Chúa còn sống không chị ?

— Còn chứ sao lại hồng còn mậy. Ngài là đấng Tự Hữu, ngài có đời nào chết đâu mà bảo hồng còn.

— Ngài còn mà ngài ở đâu ?

— Ở nước trên trời kia, xa lăm. Trên xa kia.

— Sao ngài lại không chết nhỉ ?

— Người ta đã bảo ngài là đấng Tự Hữu mà.

— Tự Hữu là đấng sao chị ?

— Nghĩa là ngài tự nhiên mà có, ngài không được ai sinh ra hết, không bao giờ chết đi hết.

Con bé bỏ cô gái, trở lui nhíu mày nhìn Mệnh :

— Có phải vậy không chú ?

— Chú cũng không biết nữa. Đó là vấn đề vũ trụ, theo lối cắt nghĩa của đạo Thiên Chúa. Mỗi tôn giáo đều có một lối giải thích riêng về sự hình thành của vũ trụ mình đang sống, bởi kẻ nào làm ra và tất cả này sẽ về đâu. Còn loài người, tự do tín ngưỡng, ai muốn tin theo tôn giáo nào thì tin.

— Chú tin thế hào ?

— Chú chưa tin gì cả.

Mệnh nói, mỉm cười. Con bé Thu không hiểu :

— Sao vậy chú ?

— Thì chú chưa tin chứ còn sao nữa.

Tựa vừa đứng cữ khóc đêm, ở ngay căn nhà sát vách bên cạnh, một đứa bé nào đó bật khóc. Tiếng khóc o oe như tiếng mèo con nhập nhòa với tiếng máy thu thanh vẫn lảng vảng bất

tận dọc xóm và tiếng chân tiếng cười của những toán lính vẫn đàn đúm đi qua mãi ngoài cửa, tiếng của những loạt đạn nổ thưa rời quanh các núi đồi bọc ven thị trấn. Bên thành cửa ba đứa trẻ thượng vẫn đứng yên. Và trong này, ngọn đèn cháy, bốn người ngồi quanh bàn, hai cô gái ngồi khuất sau bóng viên đại úy già hắt che : tất cả không nói năng gì hết. Tách cà phê còn, Mệnh lại đốt thuốc hút, bưng uống. Câu chuyện lạc khỏi bài học vạn vật đệ tam của thằng nhỏ đã qua nhưng vẫn chưa dứt.

— Chú à, thế đấng Tự Hữu tạo ra quả địa cầu làm gì vậy chú.

— Chú làm sao biết được.

Con bé chớp mắt hỏi và Mệnh lại lắc đầu mỉm cười lặp lại câu nói cũ. Hình như trước khi hỏi con bé đã biết trước được câu trả lời quen thuộc đó, không một chút khó chịu nào thoáng hiện trên khuôn mặt cả, đôi mắt nó rời khỏi Mệnh, nhìn ra cửa và tiếng nói nhỏ nhẹ buồn rầu tựa hồ đang nói riêng với một kẻ nào đó lẫn khuất trong lớp bóng tối vây đặc ngoài kia:

— Tạo ra làm gì cho người ta bắn giết nhau hoài vậy chú à. Bắn nhau, chết rồi lại không biết về đâu. Chú.

Chú. Câu nói rời rời chợt trở nhanh giọng, con bé kêu khẻ, quay lại. Hình như khuôn mặt nó lạ hẳn đi phía trước Mệnh. Hình như đôi mắt đen sáng mở lớn ra hơn, thăm thẳm hơn. Hình như màu da mặt đã trắng bệch chợt trắng lạnh hơn. Và ngoài kia, tiếng chân những đám lính vẫn đi qua với tiếng trẻ khóc và tiếng súng nổ xa, đèn dầu hỏa vẫn leo lét cháy sau những cánh cửa của vùng trại gia binh, và xa hơn nữa, tận chân trời phương Đông, một váng sáng mơ hồ hiện lên rồi rõ dần, rồi vầng trăng hạ tuần xuất hiện. Những ngọn đồi ven mạn Đông thị trấn nối nhau thành một nét đen thẳm và vầng trăng đỏ bầm từ từ thoát lên như vừa dứt khỏi một giấc ngủ nặng nề lâu ngày đâu đó. Với lớp ánh sáng mới, những mái nhà của vùng trại gia binh kết nên một khối đặc kin bấu quanh ngôi nhà thờ có tháp chuông vươn cao, chiếc thánh giá đứng dang tay trên đỉnh tháp chuông đã nhòa mất vào màu trời ủng mù bát ngát. Chợt, từ trong một khung cửa của đám nhà leo lét đèn sáng đó, một tiếng người khô ngắn như tiếng thú cất lên kêu sang dãy nhà bên này. Ba đứa trẻ thượng

đang đứng bất động chợt cùng kêu lên đáp lại, cũng những tiếng cụt ngủn như tiếng thú, rồi cả ba cùng lao nhanh ra đường, mất tăm.

Mệnh uống chút cà phê còn trong đáy tách, nhìn theo ba đứa trẻ, hỏi trống :

— Cái gì vậy ?

Viên đại úy vấn giấy mồi lửa đốt thuốc lào, trả lời không ngửng lên, giọng khô khan buồn bả.

— Gì đâu, bọn nó gọi nhau về.

Một tên lính nào đó nghêu ngao hát lớn ở mạn đầu xóm anh chưa chết đầu anh. Trên phố xa lại một loạt đạn nổ ròn. Và tiếng còi hú, tiếng xe nhà binh. Tiếng chuông.

ngụy ngữ

DU TỬ LÊ

xã hội, một kẻ nào

Mấy đêm mưa liền, ngày như gương mặt chết trôi của một tử thi vừa được vớt lên, bầu trời mang cùng một màu của những bức tường thếch nhạt nước vôi xám nhợt với những gân xanh chạy dọc xuôi là những đường rêu bắt đầu từ chóp mái, buổi sáng trời vẫn chưa thể gượng đứng dậy nổi, cả một không gian sũng nước và những lớp sương mù như từ những cành cây cổ thụ đùn lên, lả là trên những hàng giây điện nối nhau chạy hút, mất tăm ở khúc rẽ cuối đường đá tai mèo, những nhánh hoàng lan bị bẻ gãy, như những đôi cánh lớn màu xanh ủng của những con chim lớn dang rộng, ủ ê dưới mặt đất bị mưa soi, nổi lên những viên sỏi đỏ cạch, những hạt mưa cũng đã hái nốt những bông hoa tím li ti của cây khế con èo uột một góc vườn, cỏ mọc cao và óng chuốt trên mặt phẳng của ngôi mộ cổ, trông xa như dáng nằm của một pho tượng nắn hình con bò thô kệch của một người thợ vụng, xa hơn, hàng rào kẽm rỉ với những đoạn đã bị xô ngã, những giây bìm bịp rơi thõng xuống đường mương, trông như những ngón tay khô quắt còn cố bám víu lấy chút sự sống đã tàn tạ, kiệt lực.

Căn nhà cho tôi cái cảm tưởng tòa lâu đài trong truyện « đỉnh gió hú » của Emily Bronty với sự vắng mặt cuối cùng của

ba tôi, vừa xong, khi người đắt chiếc mobylette xám lững thững ra khỏi cổng.

Sự hoang vắng luôn cho tôi những cảm giác gai lạnh và ớn buốt hai vành tai. Gió từ khu nghĩa địa đằng sau lưng thổi tới, qua những rặng tre già với khóm xương rồng như đem theo trong nó, mùi xinh thối của những ngôi mộ mới bốc.

Quả thực là tôi không còn kiên nhẫn để đợi chờ chàng nữa. Tôi cũng không muốn nghĩ gì về chàng, dù chỉ một chút. Sự chờ đợi trong nín thinh bẳn bặt đã khiến tâm hồn tôi chát đắng và rỗng hông. Tôi không muốn nhớ gì mặc dù tôi đang ngồi đây, trên chiếc ghế sắt mà chàng đã từng lén ôm và hôn tôi mỗi buổi tối. Tôi muốn nghĩ rằng chàng đã chết. Và cái chết, đã kết thúc một cách gọn ghẽ, êm đềm cuộc tình tôi.

... Em tự hỏi, chẳng hiểu anh có điều gì để ân hận chăng ? Riêng em thì không. Chẳng có gì đáng để phải phàn nàn than trách hết. Em đã cho anh, tất cả đời em. Em đã cho anh, gia tài quý báu nhất của một đời con gái, đó là sự trong trắng, lòng trinh bạch, tinh khôi, đầu đời của nó. Em đã nằm trong vòng tay anh một lần, trọn vẹn. Chúng ta đã sống, những phút giây cùng tận, chúng ta đã thở, những hơi thở khai thiên, những nhịp đập lập địa. Trời đất, một giây, cũng một thoáng đã lẫn tan vào chúng ta. Và cũng một giây, cũng một thoáng, anh đã bước chân ra khỏi đời em. Anh đã vắng bóng, bẳn bặt. Anh đã im hơi, ngất thiếp. Và em đang dọn lấy cho em một chọn lựa, một thái độ cho những ngày sẽ tới. Em đã khánh kiệt. Tinh thần. Thể xác.

Anh cứ đi đi, đi mãi đi và đừng bao giờ trở lại. Thôi thế cũng đủ. Cũng xong. Cũng đáng một đời, cũng đầy một kiếp...

Tôi đứng lên, đưa tay chùi mắt, khi ngoài cổng thấp thoáng một dáng người đi tới.

— Anh Phùng.

Tôi thốt kêu lên tiếng nhỏ.

Anh Phùng có dáng điệu lén lút và thiếu tự nhiên của một kẻ đang vướng mắc trong một tội lỗi nào đó, khi anh đưa tay lên miệng, vừa bước lại gần tôi hơn vừa nói nhỏ :

— Nhà có ai không Bậu ?

Tôi lắc đầu :

— Không. Anh có vẻ hoảng hốt ?

— Chị Phượng đâu ?

— Đi rồi.

Tôi nói và chợt có ý nghĩ mơ hồ rằng có thể anh Phùng sẽ đem đến cho tôi một chút ánh sáng về việc bỏ nhà ra đi bất thần của chị Phượng.

Anh Phùng là con nuôi của ba má tôi. Tôi không biết rõ, ba má tôi đã nhận nuôi anh Phùng trong trường hợp nào, những khi tôi lớn tên, thì anh Phùng đã có mặt trong gia đình tôi, như một người ruột thịt. Tôi chỉ biết đại khái rằng anh Phùng mồ côi và là học trò cúng của ba tôi trước khi là con nuôi. Có lẽ câu trả lời của tôi đã làm anh Phùng sửng sốt. Anh tiến đến, nắm chặt tay tôi :

— Đi đâu ? Bao giờ ?

Tôi hơi bị hốt hoảng về cử chỉ bất ngờ này của anh. Tôi rụt tay về và đứng lui lại một bước :

— Một tuần.

— Lý do ?

— Em không biết.

— Anh Phùng buông thõng đôi tay run run với những ngón xanh xao và gương mặt nhợt nhạt.

— Em nói thật ?

Tôi cười :

— Không lẽ đùa ?

— Ba má đâu ?

— Má bỏ về quê ngay sau khi chị Phượng đi. Ba vừa xuống phố. Anh vào chơi. Lâu lắm rồi mới lại thấy anh vào nhà. Chị và các cháu hồi này sao anh ?

Anh Phùng như không muốn trả lời câu hỏi thăm của tôi. Anh nói :

— Nhà không có tin tức gì của chị Phượng sao ?

Tôi lắc đầu :

— Không.

Nếu không phải là anh Phùng, chắc tôi đã không trả lời những câu hỏi đại loại như vậy. Tôi không muốn phải nói gì với ai về chuyện gia đình tôi. Đó là một chuỗi dài những ê chề, những đau đớn mà tôi muốn luôn được ngậm miệng.

Có tốt lành gì... Tôi nói thầm. Và bảo anh Phùng vào nhà chơi chút đã. Anh Phùng hỏi tôi có thể bỏ nhà đi một lát được không. Tôi lắc đầu :

— Không có người coi nhà. Em không dám bỏ đi.

Những ngày mới lớn của tôi là những ngày mà anh Phùng luôn có ở bên tôi. Tôi nghĩ anh đã thương yêu và chiều chuộng tôi nhất. Có lẽ vì tôi nhỏ hơn cả, nếu không kể thằng Dị. Tôi luôn nghĩ về anh, với những cảm tình tốt đẹp. Niềm tin nếu có thể nói được như vậy, tôi gửi tất cả nơi anh. Tôi nhớ những ngày mưa, buổi sáng trở dậy, trời rét, anh Phùng đã đưa tôi đi học bằng chiếc xe hơi cũ của anh. Tôi ngồi băng sau và chị Phượng ngồi băng trước. Thỉnh thoảng có những buổi chiều, ba anh em lén nhà đi chơi. Đó là những ngày êm ả, những ngày trước khi anh Phùng được bà ngoại ép buộc phải lấy chị A.

Tôi nhớ đã có lần nói với chàng về chuyện anh Phùng. Đó là một trong những trường hợp gả ép cuối cùng của thế kỷ này. Chuyện xảy ra như trong tiểu thuyết. Thật tức cười.

Nguyên hồi đó, khi anh Phùng còn ở trong gia đình tôi, ngoại tôi có một người cháu gái, con của một người chị ruột mẹ tôi. Khi người chị này vừa sinh chị A. thì bà ta qua đời. Ngoại tôi nhận đem về nhà nuôi.

Chị A. là một người đàn bà hỏng trên tất cả mọi phương diện, từ nhan sắc cho tới tính nết, nếu chị có một điểm được nhất thì đó là điểm chị lẳng mạn và dâm giật ra mặt.

Năm mười tám tuổi, chị A. có bầu với một tên đàn ông gốc thổ làm công an tại một đồn Cảnh sát gần nhà. Khi ngoại tôi hay chuyện, người bèn nghĩ ngay tới việc gán ép cho anh Phùng, để tránh mang tai tiếng. Khi ấy anh Phùng vừa mới thi xong trung học và xin được một việc làm có tính cách chuyên viên tại một công ty quốc doanh. Thế là một màn kịch vụng về, cổ điển

được xếp đặt và diễn ra theo đúng ý bà ngoại tôi. Anh Phùng được chuốc rượu trong một bữa tiệc và sau đó được khiêng bỏ vào phòng của chị A.

Gần sáng đêm đó, mọi người trong nhà nghe tiếng chị A. la thất thanh. Ngoại tôi, là người đầu tiên (tất nhiên,) chạy vào phòng chị A, và bắt gặp quả tang hai người chưa kịp mặc quần áo trong giường.

Lúc đó, anh Phùng tỉnh rượu, nhưng đã muộn. Kết quả là anh gật đầu, nhận lấy chị A. như để tạ lỗi và cũng là để trả ơn gia đình tôi đã trông nom nuôi dưỡng cho anh ăn học.

Về với nhau được ba tháng thì chị A. sinh một đứa con trai. Cái khốn nạn hơn nữa cho chị A. là đứa nhỏ đó lại có màu da xám xịt như da thạch sùng, tóc quăn, môi chì và mắt lờ lợ màu tro với lòng trắng nhiều hơn. Anh Phùng bỏ đi sau đấy.

Hai năm sau, lại một đứa con lại thổ khác được chị A cho ra đời. Ngoại tôi mất khi chị A, mang thai lần thứ hai với tên thổ. Người không tỏ một dấu hiệu ân hận nào hết trước khi nhắm mắt. Chỉ riêng ba tôi là bị dày vò bởi chuyện ấy. Có lẽ ba tôi đã bị sự im lặng đồng lõa trước vở kịch vụng về kia ám ảnh.

Không ai biết anh Phùng đi đâu. Thỉnh thoảng dăm ba tháng, anh Phùng vào thăm ba má tôi một lần. Anh vẫn tỏ ra là còn giữ được nguyên vẹn những ý nghĩ tốt đẹp cũ đối với gia đình tôi.

— Bậu à ?

Tôi ngước lên khi nghe tiếng gọi của anh Phùng. Tôi mỉm cười tự chữa ngượng về sự lãng trí của mình vừa xong. Tôi nói:

— Anh vào nhà chơi.

Anh Phùng ngập ngừng. Tôi không hiểu vì sao anh lại có dáng điệu lúng túng, thiếu tự nhiên như vậy. Tôi không nghĩ rằng tại bẵng đi quá lâu, anh không đến với gia đình tôi. Anh nói, anh có một chuyện riêng muốn nói với tôi, nhưng anh không muốn nói trong nhà này. Tôi hỏi có quan trọng lắm không? Anh gật đầu.

Tôi cũng đang muốn ra khỏi căn nhà âm u này dù chỉ trong chốc lát. Nếu ở đây lâu hơn, tôi có cảm tưởng tôi sẽ phát điên

lên. Những khoảng trống vắng hãi hùng của chị Phượng và mẹ tôi liên tiếp bỏ lại, khiến tôi không còn bình tĩnh nữa. Cung cũng vậy.

Tại sao anh lại bỏ em một mình những lúc này.

Anh Phùng tiến tới và bất thần lại chụp lấy cổ tay tôi. Tôi rùng mình, kêu nhỏ những tiếng kêu ú ớ. Anh Phùng vội buông tay tôi ra. Mắt anh long lanh những tia máu đỏ. Tôi nghe được từ nơi anh mùi rượu nặc nồng. Tôi nói : chuyện gì mà anh không thể nói được tại đây ? Anh Phùng đáp : Chị Phượng.

Tôi muốn biết tin chị Phượng. Tôi muốn biết chị ở đâu. Cả nhà đều sốt ruột. Mẹ tôi như hóa khùng, ba tôi yên lặng, nhưng đó là mặt giả của những con sóng ngầm chảy siết dưới đáy sâu. Tôi nói đại khái với anh Phùng như vậy.

Tôi khép hờ cánh cửa và bước ra sân.

Khoảng chín mười giờ sáng nhưng bầu trời như đã muốn về chiều. Tôi nghĩ thời tiết này, không hy vọng gì Cung có thể trở về được. Chắc chắn là tất cả mọi đường bay phải đình trệ.

Anh Phùng rảo cẳng đi trước, tôi lững thững theo sau với những ý nghĩ thật rối rắm về chàng. Tôi cho rằng mình chỉ nên nói một câu thôi, nếu một mai, khi chàng trở về : Anh đi đi và đừng bao giờ tìm đến với tôi nữa. Câu nói có vẻ tận tuyệt và chua chát quá đáng. Nhưng mà tôi thích. Tôi sẽ nói vậy. Tôi không còn kiên nhẫn nữa. Sự chịu đựng đã đi quá khỏi giới hạn cuối của nó. Cùng với những xóm nhà tả tơi và những vũng nước bùn đọng trên lối vương đầy rác và xác chết súc vật, tâm hồn tôi héo xám và tơi tả theo.

Không lẽ đời ta thảm thiết thế. Tối nhớ tới câu thơ đó, không biết của ai, và bỗng nghe lòng mình se thắt trong một nỗi tủi hờn ào ạt tràn tới như những hạt mưa rào vừa ập tới ào ạt.

Những kỷ niệm nhỏ nhặt nhất lần lượt trở về rực rỡ trong ký ức tôi, có thể nỗi tuyệt vọng và chán chường đã là những ngọn nến thắp sáng chúng.

Tôi bước qua khu chợ với đôi chân đã lem bết bùn nhơ. Hai bên hàng phố như lùn thấp lại với những cánh cửa mở hé, những tấm phên liếp bằng lá nứa hay bằng những miếng tôn mỏng

có vẽ hình ghép lại. Một trận mưa lớn vẫn còn lẩn khuất ở đâu đó trong bầu trời thấp. Tôi cảm thấy thế và mọi người đang chờ đợi nó.

Anh Phùng quay lại ra dấu trước khi bước vào quán cà phê nhỏ ở ngay khúc quặt của ngã ba. Tôi bước chân vào với cảm giác tối tăm, xây xẩm. Vũng nước đục ngầu trước ngôi quán khiến tôi muốn lợm giọng và bắt run lạnh.

Chủ tiệm là một mụ đàn bà tàu đã già mốc. Tôi chỉ nhìn thấy cái đầu mụ với những sợi tóc như rơm lập lờ đong đưa ở đằng sau cái bàn cao, nơi đặt ly tách, bếp lò và những ấm nước lớn.

Anh Phùng ngồi vào chiếc bàn ở góc trong cùng. Tôi không thể nghĩ khác hơn, anh như một tên ăn trộm, vì những hành vi này. Tôi ngồi xuống nơi chiếc ghế đối diện.

Tôi bắt đầu trả lời anh câu hỏi về chị Phượng và phản ứng của gia đình tôi trước việc đó.

Thảm lắm. Anh không thể tưởng tượng nổi đâu. Tôi nói. Những trận đòn bật máu, những cú đấm, những cái tát, những thanh gỗ đã không ngớt đập xuống người chị trước khi chị bỏ đi. Nhưng chị không nói gì hết. Chỉ có mẹ tôi điên cuồng mà thôi. — Em nghĩ rằng ba có thể cầm dao giết chết kẻ nào đó, đã phá hoại đời chị Phượng. Tôi nói thế, giữa những làn khói thuốc xanh tối mà anh Phùng thở ra từ gương mặt hóp họp, già cỗi. Thế chị Phượng không nói tên ai sao ? Anh Phùng hỏi. Tôi lập lại câu trả lời là không. Tôi nói, chị có nói riêng với tôi rằng người đàn ông đó đã có gia đình, và chị từ chối sự xin cấp dưỡng của người ấy, Chị sẽ đi làm để chờ đến ngày sanh nở. Chị sẽ nuôi lấy đứa con của chị.

« Đó là một người can đảm. Em thích mẫu người như chị Phượng, trách nhiệm lấy việc làm của mình. Dù việc làm ấy là điều, có thể em không chấp nhận và tha thứ. Tôi nói và liên tưởng tới chàng.

Không biết một ngày nào, phải một ngày nào, ở đâu, liệu có khác, em sẽ ra sao, như thế nào ? Anh hiểu gì không ?

Ở trong tôi một thoáng ân hận và hối tiếc về những lần

nuông chiều theo ý chàng. Lẽ ra mình không nên thế. Chuyện chị Phượng còn đó. Phải sáng mắt ra chứ.

Tôi lắc đầu để xua đuổi những ý nghĩ giắt giây khác... Tôi muốn tránh những tư tưởng có tính cách xúc phạm đến tình yêu của mình, từ ngay nơi tôi. Tôi nói với anh Phùng : Anh có cách nào để biết tin tức của chị Phượng ? Ý tôi muốn nói anh có nhiều phương tiện hơn tôi, tôi muốn nói tới cái tình anh em mà chúng tôi đã có với nhau, như những năm tháng trước. Nhưng tôi đã lặng thinh, tôi bỏ lửng câu nói của mình và muốn rằng tự ý anh Phùng. phải hiểu được cái phần còn nằm lại trong óc tôi đó.

Anh Phùng lơ đãng. Cái lơ đãng và vẻ thất thần, ngơ ngẩn của anh, khiến tôi nghĩ như không có một lời nói nào của tôi đã lọt được vào tai anh, kể từ lúc bước vào quán. Tôi hỏi anh nghĩ gì vậy ? Có nghe tôi nói không ? Anh Phùng trả lời có. Anh nói anh đang nghĩ đến những gì sẽ xảy ra trong ngày tháng tới.

Tôi lặng thinh, không hiểu ý anh muốn nói gì. Chúng tôi ngồi im lặng thêm khoảng mười lăm phút hay hơn thế trong ngôi quán thầm thầm, mang nhiều vẻ một ngôi nhà mồ. Cuối cùng, tôi nói : anh bảo có chuyện quan trọng, chuyện gì sao anh không nói đi. Em phải về giờ. Đi lâu rồi. Tôi nhúc nhích người như định đứng lên.

Anh Phùng vội đưa tay. Cánh tay anh dơ ngang mặt bàn với những ngón quêu quào như muốn chạm vào da mặt tôi, Tôi ngả người về sau. Tôi bắt đầu cảm thấy một niềm kinh hãi thực sự, phát xuất từ vẻ mặt và những cử chỉ của anh Phùng. Tôi thấy như người đang ngồi trước mặt tôi đây, không phải là một anh Phùng dễ thương điềm đạm của những xa xưa nữa, mà là một kẻ nào đó. Một người vừa trở về từ một thế giới khác. Tôi bảo anh ; Trông anh tiều tụy và khác hẳn. Mới chưa đày một năm, gặp lại anh sao em tưởng chừng như không phải là anh nữa. Anh Phùng gật đầu, cười. Nụ cười chỉ thoáng thấy trên đôi môi răn rúm đã biến ngay sau lớp da mặt nám cháy. Anh bảo : Anh đã một là người khác. Một người khác từ lâu rồi, mà em không biết đó thôi. Tôi lắc đầu : có chuyện gì để anh phải nói như vậy ?

Anh Phùng đứng lên trả tiền, bước ra khỏi quán và không trả lời câu hỏi của tôi. Tôi im lặng và lại lẽo đẽo bước theo chân anh, với những ý nghĩ lung tung và rối rắm hơn. Tôi nghĩ chắc tôi chẳng thể sống mãi trong tình cảnh này. Tôi sẽ chết. Chết sớm hơn trí tưởng của mọi người.

Qua dáng đổ xiêu về phía trước của anh Phùng, tôi lại nhớ tới chàng. Một nỗi nhớ cồn cào ruột gan, hệt như đang bị cơn đói hoành hành.

Dừng lại ở bên ngoài hàng rào cây, anh Phùng nói trước khi quay lưng đi thẳng : Em về nói với ba, người ba muốn giết là anh. Chính anh.

Tôi choáng váng muốn quỵ ngã, trong lúc anh Phùng đã bước những bước trốn chạy.

Tôi cố lê gót vào nhà. Băng qua khu vườn cây, chân tôi dẫm lên mấy cánh ngọc lan chắc mới bị gió hái xuống. Một cánh cửa mở rộng. Tôi bước thẳng vào. Cung đã ngồi nghiêm chỉnh nơi salon và đang hút thuốc. Chàng như không có thực. Tôi chạy a lại, ngã xuống chân chàng và bắt đầu khóc.

du tử lê

MANG VIÊN LONG

tiếp tục đi tìm kẻ mất tích

Qua khỏi cầu số tám Nhành kêu xe lam dừng lại ở ngã rẽ dẫn xuống Lạc Trường, Chợ Mới, những địa danh nàng đã dò hỏi để tìm tới ngôi miễu cầu hồn. Xuống khỏi dốc, qua hết dãy nhà của những người tản cư che dựng san sát đeo hai bên con đường mòn lố nhố ồn ào; Nhành thấy con đường vắng tanh trước mặt mà bắt đầu ái ngại. Con đường đất cao như nhỏ hẳn lại bởi những đám cây cỏ dày, mọc lan ra ngoài. Ánh nắng hực lửa của mặt trời tháng sáu thúc giục những gót chân lỡ đường vội vã càng khiến con đường có một nét buồn hiu hắt. Nhành cắm cúi đi, lật đật bước theo chân mấy người đàn bà quang gánh hối hả phía trước. Trông đám người nôn nã, im lặng, Nhành có cảm tưởng rằng họ sẽ đi mãi miết, chỗ họ sẽ dừng lại là một miền đất thật xa tận mé biển. Cảm tưởng này đã xuôi Nhành lạc lỏng, lo lắng hơn. Nàng có ý định sẽ đuổi kịp theo bước chân họ, nhập vào những bước chân xa lạ đó mà trấn tĩnh nỗi hoang mang đang dần dà ngờm ngợp trong lòng; nhưng nghĩ sao, nàng đi chậm lại, cách họ một quãng ngắn. Tâm trí Nhành vẫn còn giao động rối rắm bởi những sự việc đưa đẩy dồn dập một lúc giữa cơn kinh hãi kéo dài hơn một tháng nay. Từ lá xăm xin lại của mẹ, người lính cùng đại đội của Phận ghé thăm, cái lệnh đòi của tiểu

đoàn, lời nhắn tin của trung sĩ Dư trên đài Hà Nội, tới lời mách bảo của vị trụ trì chùa G.L., những tin đồn quanh ngôi chùa cầu hồn ở Lạc Trường ; đã quay cuốn Nhành trong một vòng tròn lảo đảo, lã mệt.

Trước nhất là những lời lẽ bất thần dội vang từ lá xăm của mẹ Nhành đã nóng ruột vì trông thấy rõ sự héo mòn bởi những hy vọng lần lượt rã tan, lạnh lẽo như nét mặt ơ hờ, vắng ngắt của nàng ; rút được tại một ngôi chùa trong thị xã. Nghe mẹ thuật lại lời lẽ của lá xăm, Nhành đã khóc ngất lên, tưởng như nàng đã nghe được tiếng súng bắn vào người Phận. Theo lời xăm thì Phận « đã không còn số mạng bởi đã xuất trần rồi ». Không còn vận số nào cho Phận nữa hay sao ? Phận đã xuất trần rồi ? Không còn số mệnh, xuất trần, Phận đã chết ? Lời xăm đã nhắc Nhành nhớ lại những giấc mơ quằn quại đêm đêm để nàng thêm hốt hoảng. Có lúc, nàng đã ngỡ rằng những giấc mơ quái dị, kinh hoàng là những hình ảnh có thực, chính mắt nàng đã có hồi trông thấy, và chập chờn ám ảnh trong đầu. Lá xăm đã tình cờ nuôi thêm những cơn mộng dữ trong giấc ngủ nàng. Những cây nhang thắp hoài trên bàn thờ Phật đã khiến nàng ngậm ngùi nghĩ tới những nén nhang sẽ thắp cho Phận. Giữa những ngày bít bùng khổ ải như vậy, một buổi chiều, người lính cùng đại đội với Phận ngày trước, ghé thăm mẹ con Nhành. Gặp người lính, nghe lời tự giới thiệu, Nhành đã thấy chuếch choáng trong đầu Một cảm giác không rõ mặt, rất tình cờ, lấn át hơi thở, giọng nói, cử chỉ nàng. Nhành bối rối, ngập ngừng, run rẩy. Những hỏi han của Nhành, cùng lời nhắc nhở của người lính đã vẽ thêm trong lòng nàng một hình ảnh buồn nản, tuyệt vọng về Phận. Không có chút ánh sáng ấm cúng nào cho hy vọng Nhành được nuôi dưỡng quanh hình dáng Phận, về một ngày mai nào đó được nhìn thấy Phận tấp tểnh về. Lúc người lính e dè do dự ra đi, Nhành không kịp ngẩng lên và úp mặt vào lòng bàn tay khóc.

Hai ngày sau khi người lính ghé lại, Nhành nhận, được tấm giấy mời của tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn Phận. Một tia sáng mới lóe lên giữa trí óc tối bưng lạnh lẽo nàng : Đã có tin tức về Phận ? Phận đã trở về được ? Nhành săm soi tấm giấy mời như đã giở

lại, sắm soi từng tờ thư cũ, những giòng chữ âu yếm thuở nào. Những lá thư Phận gởi Nhành đều giữ kỹ, xếp ngay ngắn, đựng vào một chiếc hộp thiết nhỏ. Những lá thư từ những đồn bót Phù Mỹ, từ làng mạc xa lạ Phong Niên, từ rừng núi Pleiku, từ miền hẻo lánh cách trở Hậu Bổn. Thư cuối cùng Phận gởi nhờ người lính phát tiền mang về cùng mấy ngàn dành dụm viết tại Tân Cảnh. Nhành nhìn ngắm những từ thư đủ loại, những tấm giấy đôi lúc nhàu cũ, những giòng chữ nhỏ xíu đều đặn, nghĩ tới lúc Phận đang ngồi ở một xó rừng, bờ đá, bực hiên nào đó hí hoáy viết thư cho nàng. Hình ảnh Phận hiện rõ lên trong nỗi nhớ nhung khắn khít, đậm đà nàng. Phận lúc đó lại có dáng đấp hào hoa, hoạt bát, dễ thương của ngày đi sau lưng Nhành, Nàng bỗng thấy trí óc khô trống, một chút tươi mát len lỏi ngấm ngầm trong khắp thân thể. Và nàng đã cố xua đuổi, ngăn chặn tản bóng tối nặng nề quanh quẽ như một cõi âm đang lấp ló chờn vờn muốn đổ chụp xuống nhưng tia sáng le lói đã giúp nàng tìm lại được ảnh hình tươi đẹp một thời của Phận. của tình yêu nồng đượm, của mơ mộng xa vời. Trong những lá thư của Phận, Nhành vẫn còn giữ lại vài tờ thư viết nháp của nàng đã gởi cho Phận trước đây. Những tờ thư như những tấm ảnh ghi rõ chi tiết lúc nàng đang rào rạt nguồn sống, phơi phới tương lai. Nhành dừng lại một đoạn «.. Em đã vào giường nằm ngủ với Gái nhưng từ xa tiếng hát vọng về ». Mẹ thương con đi tìm trong súng đạn, và vợ hiền đêm đêm khóc trong cơn mê phũ phàng... « tiếng hát em nghe buồn làm sao, Giây phút cô đơn này đã khiến em ngồi dậy lấy giấy viết thư cho anh. » Nàng nhớ tới những ngày đang sống ở P. P. trong căn phòng bệnh xá với người học việc, với bé Gái mới sáu tháng, với những ngóng chờ ngày trở về như Phận đã viết thư báo trước. Thình lình nhận được thư Phận từ Pleiku Nhành mới hết mong mỏi được sống bên chồng, con, mấy ngày phép ngắn ngủi, quay trở lại nô giỡn bên con mà lòng chưa dứt ngậm ngùi. Phận đã viết « ... dù điện tín có nhận được anh cũng không về được nữa vì bận hành quân, anh lại phải ở lâu hoặc ở luôn trên này ». Một thư Nhành đã kể chuyện về bé Gái. « Anh, con mình hôm nay hai răng hàm dưới bắt đầu lú lên, trông đẹp lắm. Những lúc em bận loay hoay công việc nhà, cho bé Gái chơi bên trong giường, thành

ngoài em tấn mền gối, kéo chiếc nôi lại kê sát giường, bé bò ra la ọ ọ. Hắn trườn ào lên mền gối, ngóc cổ lên thật cao la ọ ọ, suýt té làm em hoảng hồn. Hắn muốn bò hai tay sượt tới, đít chổng lên, hai bàn chân rẫy đạp (chớ không bò bằng đầu gối anh à). Bé vói nắm thanh giường nôi để ngồi dậy nhưng chưa được. (Lúc thường em để Gái ngồi thì Gái ngồi vững, tuy chưa dám quay nhìn, bé có thể vịn thanh giường đứng dậy một mình nữa). Em thường ngồi chơi với bé ở đó cho nó tập đứng dậy. Hắn leo lên đứng trên bắp vế em đưa một chân lên khoảng trống thanh giường miệng la gì như ọ ọ, a ha a ha vậy. Xong hắn quay mặt lại hai tay ôm cổ em, mặt sát vào mặt em, há miệng la cắn, làm em cười ngất lên vì nhột. Những lúc đó, em vỗ nựng vào đít bé, cảm thấy sung sướng chi lạ. Hình như hắn biết em cưng chiều nên cũng thường nũng nịu lắm. (Đố anh con mình có giống những lúc em nhỏng nhẻo với anh trước đây không?)» Thư cuối cùng Nhành viết gởi Phận trong những ngày bàng hoàng vì nghe tin có đánh lớn ở Dakto «... Sáng nay em gởi Gái cho Hoa trông giúp, xuống chợ. Lúc đi ngang qua hàng bánh của chị Tường (vợ anh lính ở tiểu đoàn I, sau phòng trọ của em đó) không thấy chị bán nữa, hỏi thăm mới hay chị Tường đã đi Dakto hôm qua vì có tin anh ấy bị mất tích cách nay ba bốn hôm rồi. Mấy người thân của chị có kể lại : Tiểu đoàn 2 đi đầu bị đánh, tiểu đoàn I đi giữa, tiểu đoàn 4 đi sau cùng bị pháo kích chết nhiều. Nghe vậy, em không cầm được những giọt nước mắt anh à. Em vội vã trở về sau khi căn dặn nếu chị Tường có về, nhớ ghé lại bệnh xá cho em hỏi thăm tin anh. Bước chân vào tới phòng, em đã chạy ùa tới ôm con khóc nức nở. Em cảm thấy sợ hãi và lo lắng cho anh quá sức. Bé Gái nhìn em khóc, cũng khóc ròng theo em. Những lúc này em muốn bỏ tất cả, đón xe đi Dakto để tìm kiếm anh, nhưng bé Gái vẫn còn bệnh, không thể gởi lại cho ai ở đây cả. Em vội viết thư này để ngày mai gởi cho anh Chánh thăm anh. Anh ơi, cuộc đụng độ vừa rồi anh có sao không? Hiện nay anh sống ở đâu, như thế nào, anh nhớ viết thư ngay cho em biết kẻo em đợi đêm ngày. Nếu anh có thương con và em thì anh gắng gìn giữ... T.B. : Em gởi lên anh lá bùa hộ mạng anh nhớ mang luôn trong mình, lúc nào gặp nguy hiểm anh nhớ niệm Phật: « Nam mô thần minh

cứu khổ, cứu nạn, linh cảm ứng Quan Thế Âm Bồ Tát ». Em xin xăm cho anh năm nay xấu lắm đó, phải cẩn thận súng đạn, cử kiêng các tháng 4, tháng 7, 10, 11 (âm lịch).

Nhành xếp những tờ thư vào chiếc hộp, nghĩ tới tấm giấy mời của tiểu đoàn Phận. Hình ảnh Phận ở cửa trung đoàn bước ra vọng gác, nụ cười hiền hòa nhẫn nhục, lời nói thiết tha vồn vã những lần nàng tìm ra thăm lúc tiểu đoàn Phận còn ở Phù Mỹ lại sáng hiện lên bên nỗi tơ tưởng đang thấp thỏm trong đầu Nhành lúc này. Có lẽ nào bóng dáng thân yêu rõ ràng kia có thể bị xoá mờ chóng vánh dễ dàng như lời xăm ngắn ngủi kia ? Sự não nức đã day dứt kéo dài tới mờ sáng hôm sau, khi nàng gởi con lại cho mẹ, tất tã đón xe lam lên bến Mới, vẫn còn sôi nổi thúc giục bước chân nàng. Chiếc autobus Châu Thành đưa Nhành đi Phù Mỹ, dừng ngay tại cổng trung đoàn. Buổi trưa nắng hanh vàng, oi nồng, vắng ngắt trên con đường nhựa nóng bỏng, dãy nhà èo uột buồn bã bên kia đường, vùng đất cát núi đồi chập chùng trống trải xa xa. Lúc xe chạy qua vùng Nhà Đá, Nhành để ý thấy mấy xóm nhà xum họp đông đảo lúc trước của những người tản cư bị cháy sém, ngã sập hoang tàn. Có lẽ những trận đánh đã lan tràn tới đó trong mấy ngày trước ? Dọc quãng đường từ Phù Lí tới trạm xe buýt Nhành chỉ thấy vùng đồng ruộng, cồn cát, đường xe lửa, xóm làng ủ dột hoang sơ trong sắc nắng hồng héo úa. Cảnh tưởng thực khác lạ với những tháng nàng cùng Phận đi qua. Sự đổi thay biến cải lẹ làng trơ vơ kia đã xuôi nàng xót xa khi nghĩ tới Phận, tới tấm thân đang bị đày đọa của chồng, tới mơ tưởng nôn nao trong lòng. Một nỗi xót xa bùi ngùi chợt tới rất giống lúc trông thấy tấm biển dựng xiêu vẹo ở một ngã rẽ lên một vùng đất xơ xác hoang tịch không thấy một bóng người thấp thoáng « Ấp Vạn Phước ». Phía sau tấm bảng, trong những căn nhà chơ vơ trống dột, bên những cánh đồng khô cháy, giữa mấy khu vườn trơ trụi cây lá đó là ấp Vạn Phước ? Vạn Phước muôn ngàn điều phước, nhưng quả thực là vô phước, bất hạnh.

Nhành vừa bước vào trong vọng gác thì nhiều tiếng nổ bùng tai dội lên. Pháo kích, pháo kích, nhiều tiếng la hoảng lên từ cổng trung đoàn. Nhành nghe tiếng ồn ào, tiếng kiểng, tiếng chân người chạy rầm rập. Một phút thoáng qua, nhìn ra ngoài

lộ, nàng đã thấy đám đông bu quanh một người đàn bà nằm sóng soãi trên mặt lộ. Cạnh đó, mấy lỗ đất bị cày xới bung lên, chảy sém, mùi khét còn thơm nồng trong hơi gió nóng rát.

Người thượng sĩ già hỏi :

— Cô là Lê thị Nhành, vợ thiếu úy Nguyễn Phận ?

Nhành gật đầu, bồn chồn nhìn người thượng sĩ đang thản nhiên hút thuốc :

— Phải, thưa ông có việc gì...

— Không có việc gì cả, gã thượng sĩ vẫn ngồi yên ở ghế, à, mời cô ngồi đi.

Một thoáng im lặng, Nhành ngồi xuống ghế, gã ngẩng đầu lên, nhìn chằm chặp vào mặt nàng :

— Cô có đem đủ giấy tờ theo không ?

— Thưa, giấy tờ gì ?

— À, vậy thì cô hãy liên lạc với trung sĩ Quảng để lo thủ tục lãnh tiền tử tuất...

Nhành đứng bật dậy, chống hai tay lên mặt bàn :

— Chồng tôi chết rồi sao ?

— Mất tích thì kể như...

Nhành rơi xuống ghế ngồi cảm thấy chiếc ghế chòng chành, lay lắc. Một cơn lạnh chạy suốt người nàng. Cơn lạnh dâng lên, tích tụ ở lồng ngực khiến Nhành ấm ức, nghe nặng trĩu, ngộp ngạt. Một lát ngơ ngác, bủn rủn, lừ đừ, Nhành bỏ chạy ra khỏi căn lều hậu cứ tiểu đoàn, úp hai bàn tay lên mặt...

Một tuần lễ sau đó nàng ngã bệnh cùng lúc với cơn sốt bốn mươi mốt độ vật vã đã làm nàng mê sảng. Mẹ Nhành một tay bồng cháu, một tay chăm sóc con. Bé Gái từ ngày xa rời sự ôm ấp, cưng chiu, cung phụng của Nhành cũng buồn bã, biếng bú, lười ăn, gầy hư thấy rõ. Trên nét mặt xanh xao của nó, hình như còn phảng phất rất nhiều nét đờ đẫn, lơ láo, muộn phiền của Nhành. Nhìn con, Nhành cảm thấy sự xa vắng Phận là một bất hạnh lớn không những cho đời nàng, mà cả suốt đời mồ côi hẩm hiu của bé Gái. Con không cha như nhà không nóc. Nhà không nóc làm sao có thể tránh mưa đụt nắng hả con ? Với hình ảnh tản tạ, trơ vơ của căn nhà không nóc, Nhành thấy được ngày mai ngờ nghệch, đen tối của con. Mới từng đớ tuổi, lúc vừa bập

bẹ gọi tiếng « ba, ba, ba » đầu tiên, bé Gái đã bịt trên đầu, phủ lên đời mình một cái tang đau đớn sầu thảm vậy hay sao? Ngay đến mẹ nàng, từ ngày có tin Phận mất tích, mẹ con nàng dời về đây nấn ná, nhờ cậy vào bàn tay, tình yêu thương đùm bọc của bà; đã làm bà buồn khổ không ít. Bà cũng đã khóc theo Nhành những đêm chờ đợi mong ngóng lao lung. Bà cũng đã còm cõi sật sừ bên nỗi lo ngờm ngợp cho mẹ con Nhành. Bà vẫn thường thở dài với bó nhang mù khói lâm râm khấn vái trước bàn thờ để van xin cho Phận được trở về, được phù trợ. Thương con, thương cháu, bà thương cho thân Phận từng ngày mịt mù tin tức. Bà đã sống câm lặng xót xa như vậy từ hai tháng nay...

Hễ mỗi bận bé Gái khóc và ấp úng kêu « ba, ba, ba » là Nhành rưng rưng nước mắt. Tiếng kêu thơ dại hồn nhiên của con đã là một nhắc nhở đứt ruột khiến Nhành bàng hoàng, hoang mang với thực nhiều giây nhợ rối rắm. Nghe tiếng bé Gái gọi, Nhành tự dưng nghe thân thể nổi rờn gai ốc nghẹn ngào ở lồng ngực, lạnh băng đau nhói ở tim. Và dù nàng cố gắng gượng nguôi ngoai, khuây khỏa bằng những lời đùa giỡn cùng con, nước mắt vẫn ràn rụa không thể ngăn giữ lại. Nước mắt như những mạch nguồn đã tới, âm ỉ tuôn trào. Làm sao có thể ngăn chặn được những mạch nguồn vô định kia. Mấy hôm nàng ngã bệnh, không được gần gũi con, sự thương nhớ càng thúc giục những dòng nước mắt lơ lửng chảy. Nàng tự khuyên nhủ, hãy nghe lời mẹ, phải sống thực bình thản để bệnh tình thuyên giảm mà ôm ấp, chăm sóc cho con Nhưng nếu giữ được lòng yên vui ban ngày thì đêm đêm, con sóng ngầm nhớ tưởng đã trôi mênh mông ào ạt qua đầu, muôn vàn xốn xang day dứt vây bọc, cuối cùng với lòng ngậm ngùi tiếc thương cho số phận Phận, Nhành đã rấm rức khóc, đã trằn trọc trăn trở bên cơn nhức buốt tận mơ màng.

Trong những ngày như vậy Nhành không sao chợp mắt được và nàng ôm chiếc radio bên mình để nghe ngóng. Nhành hi vọng rằng, tiếng nói Phận sẽ đột ngột vang ra từ chiếc radio như tiếng nói của trung sĩ Trần Dư tuần trước. Sau tiếng đàn dạo não nuột như khúc đàn đám ma, giữa đêm khuya vắng khoắt, từ chiếc radio lời người nữ xướng ngôn giới thiệu lạnh lẽo, tiếng của trung sĩ Dư (cùng đại đội với Phận) vọng tới bên tai

Nhành như tiếng nói âm u lãng đảng từ cõi chết. Giọng nói nhỏ nhợ, trầm trầm yếu ớt « Tôi là trung sĩ Trần Dư, số quân thuộc đại đội... tiểu đoàn... sư đoàn... bị quân đội giải phóng bắt làm tù binh tại Dakto ngày... th... năm... tin cho vợ là Nguyễn thị Guộc ở tại thôn... anh vẫn được đối xử tử tế tin cho em biết để yên tâm mà lo cho con và chăm sóc cha mẹ già. Sau trung sĩ Dư là hai người khác, binh nhì N.V.H ở Tây Ninh, thiếu úy L.V.T. ở Quảng Ngãi. Đã nhiều đêm chờ chực bên chiếc máy, đã nghe được nhiều lần nhắn gởi nhưng lúc nghe tên trung sĩ Trần Dư, Nhành hốt hoảng, run bắn lên như bị cảm lạnh. Trung sĩ Trần Dư lùn lùn thường ca vọng cổ mỗi lúc cùng Phận ghé bệnh thăm nàng, chỉ chuẩn úy H. đã thuật lại là anh ta đã chết rồi mà ? Vợ anh ta đã mặc áo chế, hai đứa con anh cũng phấn khăn. hôm Nhành tới thăm vào ngày cúng kị giờ, giờ sao lại nhắn tin ? Việc Trần Dư chết không ai còn nghi ngờ nhưng số phận của Phận vẫn còn mờ mịt, mông lung. Như vậy Phận cũng đã bị bắt ? Anh sẽ được nhắn tin về cho vợ con như trung sĩ Trần Dư ? Nghĩ vậy, Nhành mỉm cười êm ái, thiếp dần trong giấc ngủ muộn.

Nghe người vợ Trần Dư thuật cái chết của chồng chị do mấy người bạn thân của anh ta lúc trước, cùng tiểu đội, kề cận lúc đụng độ kể lại một cách rành rọt rõ ràng quá, Nhành quay về ngờ vực mình. Có phải giọng nói nhờ nhợ thấp thấp yếu kia là của Trần Dư ? Sau lời giới thiệu của người nữ xướng ngôn, Nhành không còn đủ bình tĩnh, sáng suốt để nghe lời nhắn gửi của Trần Dư nữa. Nàng cũng không còn nhớ rõ, nói chắc rằng chính nàng đã nghe được giọng quen thuộc của Trần Dư. Anh chàng thường có sáu câu ca vọng cổ mùi mẫn. Có lẽ nào một giọng nói nào đó đã trá giả giọng Trần Dư để làm lung lạc gia đình anh ta, để gieo vào lòng vợ con những hy vọng của một ngày trở về nào? Dù nghĩ vậy, từng đêm, Nhành vẫn ôm giữ chiếc radio bên mình, cạnh bé Gái, như ôm giữ lấy mối tin tưởng cuối cho lòng đỡ khổ.

Một hôm, tình cờ, tại một ngôi chùa nọ ở G.L., Nhành gặp vị trụ trì là một ông già quắc thước, có tiếng giỏi về khoa bói số, Nhành đã nhờ ông coi giúp nàng một quẻ cho Phận. Sau một

hồi trầm ngâm, tra cứu ở mấy tập sách cũ mốc, tính nhẩm trên từng đốt tay, ghi chú vào tấm giấy mấy câu quẻ bói được, ông ngửng lên ngó Nhành với cặp mắt sáng ngời. Nhìn ông, Nhành lạnh cuống, sợ hãi. Trong cặp mắt sâu hút, trong sáng của ông, nàng như nhìn thấy được một điều gì chẳng lành. Và tia mắt kia như soi thấu lòng dạ bối rối khổ đau của nàng.

Vị trụ trì nói :

— Nguyễn Phận là chồng cháu ?

Nhành trả lời lí nhí :

— Dạ phải.

— Chết rồi.

— Chết rồi ?

— Chết rồi.

Giọng nói trầm tĩnh trong vắt của vị trụ trì chùa G.L. như mãi vang động trong tâm trí Nhành. Giọng nói nhỏ, nhưng quả quyết làm sao : chết rồi. Chết rồi. Lời nói vắn tắt, ôn tồn, nhuốm đượm nhiều nét buồn rười rượi mông lung đó đã át hẳn những lời lẽ đoan kết, hứa hẹn của cô con gái ở nhà thờ C.C. Những lời đồn đãi thêu dệt quanh tài bói số của người con gái tật nguyền đã học được ở Nhật bây giờ không mảy may quyến rũ Nhành. Lòng tin tưởng do cô gái mang lại cũng đã chết khô như cái xác cong queo của bà già ở ngôi am cổ B.K dạo nào.

Sau khi nghe nàng thuật lại lần gặp vị trụ trì chùa G.L. mẹ Nhành có dịp nhắc nhở Nhành nên tìm lên am cầu hồn ở Lạc Trường hơn trước. Nhiều bận rồi bà đã nhẹ nhàng bảo Nhành hãy lên am cầu hồn thử cầu linh hồn Phận, nếu đã chết, thì thế nào cũng ứng lên mách bảo. Bà thở dài bên Nhành : Thôi kệ nó con, con gắng lên đó cầu xem. Nếu quả nó đã chết, không sống được nữa bên vợ con, thì con phải lập bàn thờ, cúng kiếng nó cho tươm tất, bỏ nó lạnh lẽo đói khát, tội nghiệp. Nhành không hề cãi lời mẹ, nhưng nàng thấy rằng việc đi cầu hồn, lập bàn thờ, là một việc làm buồn bã, tuyệt vọng. Nàng không muốn nghĩ rằng Phận đã chết. Nàng mong được sống thêm những giây phút trông đợi kéo dài, cho dù có mỏi mòn, mong manh đi nữa. Lập

bàn thờ, chưng ảnh Phận giữa nhang khói nghi ngút, chắc chắn. Nhành sẽ khổ sở hơn. Hình ảnh đơn độc lạnh lùng đó sẽ cắt đứt hết mọi liên hệ, tơ tưởng của nàng về Phận. Nó xa vời sầu thảm như cõi âm mịt mùng. Phận chết, nàng tức khắc bị vứt vào một cảnh đời khác lạ không còn chút hơi hướm của Phận yêu dấu ngày trước. Nhất định Nhành không hề mong sống chơi vơi lạc lõng như vậy. Và nàng thường im lặng ngồi nghe mẹ nói.

Sáng nay thì nàng không thể ngồi im được nữa : Những dằn vặt khuấy động nàng quyết định. Nhành đã đón xe đi Lạc Trường Chợ Mới để kiếm am cầu hồn. *« Nếu quả nó đã chết, không sống được nữa với vợ con, thì con phải lập bàn thờ, cúng kiếng nó cho tươm tất, bỏ nó lạnh lẽo đói khát, tội nghiệp »*, Nhành cũng thấy tội nghiệp cho Phận thực, nhưng nàng tin rằng nàng sẽ cầu được điềm lành. Phận không chết. Phận không có hồn phách vất vưởng của kẻ đã rã mục xương thịt không được chôn cất, tìm thấy. Nghĩ vậy, nàng càng rảo bước, nôn nả, đưa tay quệt những giọt mồ hôi chảy rịn trên trán, mặt, như những giọt nước mưa.

Tiếng nói cười từ phía sau lưng khiến Nhành giật mình, quay phắt lại : Hai, ba thằng nhỏ đen trùng trục, phơi bụng, dính đất bùn, mặt mày lem luốc, đội trên đầu một cái nón sắt. Có lẽ chúng đi tát nước bắt cá? Nhành tiếp tục bước, bước, bước sau đám người với quang gánh trên vai lặng lẽ vội vàng. Gió se và nóng từ hàng sậy lùa vào mặt nàng. Bên kia bờ sậy, ruộng lúa, nhà cửa, hào rạch, chìm đắm trong ánh sáng chói, ngây ngất. Con đường qua khỏi đoạn gồ cao, lở lói, dẫn tới một dãy nhà có nhiều bóng cây mát.

Trật nón cầm tay, phe phẩy quạt, Nhành cúi xuống hỏi :

— Thưa cụ, cụ chỉ giúp cháu am cầu hồn chỗ nào?

Ông già ngồi dưới gốc vông đang tẫn mẫn chẻ lạt, ngẩng lên ngó Nhành :

— Am cầu hồn nào ? Có phải nhà lão Ba cầu hồn không ?

— Dạ phải, nhà ông Ba...

— Ừ, nhà lão Ba cầu hồn chớ không có am cầu hồn. Cháu

đi thẳng xuống dưới, đừng qua sông, bên này sông có cái nhà máy gạo của con mẹ Tấn, trước nhà máy gạo có con đường hẹp dẫn vô xóm, cứ vô tuốt trong đó mà hỏi...

— Thưa cụ còn xa lắm không ?

— Không, tới đó chừng vài ba bước...

Tai Nhành đã nghe rõ tiếng « ồ, ồ, ồ » của nhà máy xay lúa của bà Tấn nào đó. Nghe được tiếng máy xay lúa nàng mới thấy « vài ba bước » của ông cụ lúc nảy là vài ba bước của các vị thần trong truyện cổ tích. « Không, tới đó chừng vài ba bước », vài ba bước mà Nhành đã đi mãi miết qua mấy khúc quanh, mấy quán nước, một đoạn đường vắng dài dặt. Cái « vài ba bước » hay « qua một hai cái quẹo » của những ông cụ quả thực xa lắc. Từ lúc nghe tiếng máy xay lúa, Nhành thấy cơn mệt đã lắng dần xuống. Thế vào sự mỏi mệt ê ẩm của chân tay, nàng như vừa tiếp nhận vào người cảm giác sự hãi sợ chuyếnh choáng. Tới nhà máy xay lúa, tới dòng sông, tới nhà lão Ba, rồi số phận của Phận sẽ ra sao ? Nếu thực sự linh hồn Phận hiện về mách bảo như lời mẹ? Phận không còn có mặt ở cõi dương sầu khổ này nữa? Những câu hỏi chung quanh Phận không giúp nàng giải quyết được gì trái lại gieo thêm vào đáy lòng đang lẻ loi héo hắt những đắng cay buồn tủi mới khiến đôi chân như muốn chùng lại, yếu quỵ xuống.

Nhà máy xay lúa trước mặt Nhành. Nhà máy xay lúa dựng trên khoảng đất cao bên này bờ sông. Kế nhà máy có mấy ngôi nhà thấp lẹt đẹt. Trước thềm nhà máy, có mấy người con gái mặt mày đỏ lưỡng, đứng cạnh những gánh lúa vừa mang từ bên kia sông qua, giơ nón quạt quạt. Tiếng máy nổ rền, gạo chảy thành giòng rào rào, bụi cám bốc lên bay mù mù phía trong. Nhành dừng lại bên này bờ đường nhìn qua nhà máy rồi nhìn thẳng tới dòng sông khô nước trước mặt. Lòng sông khô cạn, bày ra từng lớp đá to, màu nâu Một giòng nước rất nhỏ, màu xanh nhạt. chảy len lỏi qua những tản đá ở giữa. Nhìn đám người gồng gánh, thúng mủng từ bên kia bờ bắt đầu đổ xuống bờ sông đi qua, nàng

mới nghĩ tới chiều rộng của giòng sông. Đó là một giòng sông khá rộng, lòng sông cạn phơi cát trắng, đá nâu hai bên bờ có những lũy tre bao bọc che nhiều bóng mát. Xóm nhà bên kia sông nằm rải rác sau những chòm cây cao, bầu trời quang đãng, rộng rãi.

Khi đám người bên kia sông đang dò dẫm bước qua những tảng đá có giòng nước xanh chảy ngoằn ngoèo ở giữa, Nhành cũng lật đật đi rẽ vào con đường cao dọc theo bên này bờ. Con đường được đắp đất cao, hẹp, che khuất ánh nắng bởi những cành tre và cây lá bên đường. Đường vắng. Nhành trông chừng xóm nhà phía trước, lầm lũi bước mau. Bóng râm mát mẻ âm u khiến Nhành cảm thấy gây gây lạnh. Nàng ngờ ngợ trông xuống mấy căn nhà ngói ở một con giốc nhỏ. Nhà ông Ba cầu hồn ở chỗ nào ? Nàng dừng lại, do dự ngó lui, người đàn ông cởi Honda trờ tới.

Nhành gắng gượng tự nhiên :

— Thưa chú, nhà ông Ba cầu hồn ở chỗ nào ?

Người đàn ông một thoáng bỡ ngỡ, lắc đầu :

— Tui không biết...

Gã xoay lại ngó quãng đường phía sau :

— Cô đợi mấy bà đi tới kia, chắc họ cũng đi cầu hồn...

Người đàn ông quẹo xe đổ xuống con giốc, Nhành ngồi xệp trên bãi cỏ, ngóng đợi mấy người đàn bà theo lời gã đàn ông. Một lát, tiếng bàn nói léo xéo vọng lại ồn ào. Nhành đứng dậy thấy hai người đàn bà trạc ba bốn mươi tuổi và một cô gái khoảng hai mươi trên tay có xách theo một chiếc giỏ nhựa. Thò lên trên miệng giỏ, những thẻ nhang đỏ, gói giấy màu, bó bông Phượng, bông Điệp đỏ loét. Tất cả đều mặc áo dài, chân đi guốc lẹp kẹp.

Nhành hỏi :

— Mấy thiếm đi tới nhà ông Ba cầu hồn phải không ?

Một người đàn bà đáp :

— Phải, cái nhà ông Ba cái nào ?

— Cái nào mấy thiếm không biết à ?

— Cũng đi tìm lần hồi chớ có đi ngã này lượt nào đâu ?

Cô gái nói với người đàn bà đứng cạnh :

— Căn nhà ở bên kia đám ruộng, gò trống, quay lưng phía đường, có mấy hàng cau...

Chợt cô gái nói như reo :

— Kìa, nhà kia rồi đó...

Tất cả bốn người qua khỏi một đoạn đường cát ngắn, rẽ trái, nhắm hướng căn nhà có mấy đọt cau. Họ bước xăm xăm trên đám cỏ may cao tới gối. Những mũi cỏ trắng đâm dính dày vạt áo, ống quần. Bây giờ họ đi dần lên mô gò cao. Căn nhà ngói ông Ba ở bên kia đám ruộng khô. Qua những lời hỏi han, Nhành được biết cô gái tuổi thực hai mươi mốt, cưới chồng hôm tháng chạp, mới có thai ba tháng, chồng mất tích đâu trong núi rừng biên giới Căm Bốt. Người đàn bà mặc chiếc áo dài xám đi cầu hồn cho chồng ở trên đèo Cả. Và người đàn bà mặc áo dài tím vừa được giấy báo chồng tử trận ở Chương Thiện mà không tin. Cả ba người đàn bà đó, tính luôn Nhành là bốn, tuy có khác lạ, chênh lệch tuổi tác, nhưng cùng một số phận, một nỗi đớn đau về sự vắng biệt tin chồng. Có chung cảnh ngộ cô quạnh nhạt nhẽo của cuộc đời góa bụa đang vây chụp lấy cuộc sống dở dang còn lại, Nhành cảm thấy thương cho cô gái hai mươi mốt tuổi, có chồng hôm tháng chạp, mang thai ba tháng quá đổi. Ở nét mặt hồn nhiên tươi đẹp đó, nàng thấy rõ những hình ảnh tiều tụy, bơ phờ của cô gái trong những ngày xa vắng tin chồng sau này. Giữa lúc tình yêu và mộng lành đang nồng đậm phơi phới với bóng dáng đứa con bụ bẫm sắp ra đời, người con gái hai mươi mốt tuổi kia, đùng một cái, bị sẩy trợt xuống hố thẳm đen ngòm, lạnh bàng của cuộc đời tăm tối như tấm áo dài màu đen tuyền trên thân thể nàng. Từ đây, chắc nàng sẽ xếp lại những tấm áo dài màu sặc sỡ ngày cưới, những tấm áo dài mơn mởn của tuổi dậy thì, để tiếp tục mặc vào người những tấm áo màu đen, màu xám, màu u tối giống tương lai mình ? Còn đứa con ba tháng đang rẫy đạp trong bụng nàng nữa ? Nhành đột nhiên nghe hơi nóng xông lên mũi, mắt, đầu mình. Nàng cúi xuống nhìn dòng nước dưới chân cầu, không muốn nghĩ tiếp. Mặt trời đã đứng bóng. Buổi trưa hè vắng lặng, ão não. Xa xa, tiếng gà gáy vẳng lại rời rạc, hiu hắt. Nhành có được cái cảm tưởng gây lạnh, ngơ ngác như những bận vào chùa Ông ở B.Đ., chiếc am Cô ở L.R., ngôi chùa cổ cây lá phủ kín với cái xác chết cong quắp của bà già ở B.K. dạo nào.

Căn nhà ông Ba đông đảo người tới cầu hồn. Toàn là đàn bà, con gái. Toàn là những nét mặt lơ láo, lạc hồn. Nhành rón rén đứng ở ngưỡng cửa nhà giữa, ngó ông Ba đang ngồi trên một chiếc ghế, cạnh bàn thờ đèn nhang sáng rực. Ông vận bộ đồ màu nâu, áo vạt hò, gương mặt lim dim, tay cầm chiếc đàn mandolin gảy gảy. Trông ông gầy ốm, sững sờ như đã lạc mất hồn phách. Hồn phách ông chừng đã phiêu phiêu tận cõi mây xanh cùng với những người mất tích, chết thãm. Trước bàn thờ, hai người đàn bà đang sụt sùi vái lạy. Phía sau lưng, một trang thờ cũng nghi ngút khói hương, những bức hình kỳ dị, những lá bùa phép treo lủng lẳng. Nhìn vẻ mệt mỏi, ngơ ngẩn của ông, Nhành thấy ông khác xa với lão thầy thủy đã tới cúng sao hạn cho Phận tháng trước Vẻ lanh lợi xăng xái của lão thầy thủy có chút gì gian xảo, ngượng ngập. Còn ông Ba, ông đang ngồi kia, tay cầm đàn, tay gảy gảy, đầu gật gù im phắt giữa khói nhang chập chùng nồng nặc đã đem lại cho Nhành nhiều niềm tin rộn rã.

Cô gái hai mươi mốt tuổi đã sắp xong rổ y áo, nhang đèn, hoa quả. Hai người đàn bà lúc nãy đang lúi húi xếp những tấm áo giấy màu lên chiếc mẹt lớn. Bên họ, mấy người khác cũng vội vàng lo bày mâm đồ cúng của mình. Nhành gặp người đàn bà (chắc vợ của ông Ba ?) nhờ bà giúp hộ cho những món lễ vật. Lúc nàng trao tờ giấy bạc năm trăm cho bà, đôi mắt hom hem của bà ngó lên nhìn nàng thực sáng. Nhành cảm thấy dễ chịu, vui mừng vô cớ, chừng như đôi mắt sáng, nụ cười tươi đó, nàng đã tìm gặp một tin vui về Phận.

Ông Ba vẫn tiếp tục gảy đàn bên cạnh bàn thờ. Tiếng đàn vu vơ, rời rạc, không thành câu cán đó với Nhành là tiếng đàn buồn thãm day dứt bồi hồi nhất. Tiếng đàn reo lên giữa buổi trưa thôn dã vắng bặt, trong căn nhà hẹp tối vàng vỡ ánh nhang đèn, bên những tấm lòng se sắc ủ rủ xoáy mạnh vào tâm trí lơ lửng Nhành. Tiếng đàn ru ngủ, réo gọi những hồn phách đang thất lạc trong gió trong mây trở về gặp gỡ những người thân đang quì lạy chờ đợi. Ông ba vẫn ngồi lim dim gẫy đàn...

Lúc Nhành đặt khay lễ vật lên bàn, đốt hương, quì xuống lâm râm khấn nguyện thì ông Ba cất giọng ngâm nga :

— Cung thỉnh kim niên sở trị Lưu Đương hành kiến, Hành Bá thành binh chi thần, cung thỉnh...

Giọng ông rè rè khàn đục, từng tiếng từng câu bay khỏi miệng ông chậm chạp, ai oán.

— Giáng lâm hiến lễ kim ngân thanh chước hoa quả chi lễ nguyện cầu hồn phách tên Nguyễn Phận, giáp thân, mồng bốn tháng tư, tây nam Tân Cảnh, tín chủ Lê thị Nhành...

Nhành quì thẳng, ngước nhìn bức hình màu sặc sỡ phía sau ngọn đèn chập chờn, lòng thầm ước linh hồn Phận sẽ chẳng bao giờ trở về để gặp nàng tại đây.

mang viên long

VĨNH LỘC

tàn cơn gió loạn

(tiếp theo)

Cuối cùng đến phiên Thiện. Thu và Lộc hẹn nhau cùng đến đón anh trong ngày vui mừng ấy. Điều làm Thiện ngạc nhiên đến xúc động là Thu đã mặc một tấm áo dài mới — những lần trước nàng vẫn mặc bà ba bông, quần đen. Tấm áo mới làm nàng biến đổi hẳn, trước mắt Thiện không còn hình dáng cô gái ở xóm ăn chơi, một thiếu nữ đẹp dịu dàng với không một vết son phấn trên má, trên môi. Vẻ ngượng ngập khiến Thu càng thêm quyến rũ.

— Anh ngó chi mà như người bị hớp hồn vậy ?

Thu hỏi với vẻ e lệ khác thường nhưng mắt nàng chớp mau. Thiện nghe lòng rạt rào sung sướng :

— Bà thiếu úy của anh bữa nay đẹp... hết cỡ.

Thu cười nhẹ, một thoáng buồn trên gương mặt như khung trời trong vắt vừa gợn lên một bè mây xám. Thiện hôn nhẹ lên má người tình.

— Anh này. Kỳ quá. Ở đây đông, không sợ người ta cười cho.

Người y tá quen đến mời Thiện vào phòng bác sĩ.

— Bây giờ anh bình phục rồi. Anh có vẻ khỏe nhiều ?

— Cám ơn bác sĩ.

— Anh ngồi xuống ghế đi. Tôi cần nói chuyện với anh trong ít phút.

Vị bác sĩ già loay hoay lục tìm hồ sơ của Thiện trong đống giấy bề bộn trên bàn.

— Thưa bác sĩ, tôi có thể đủ sức khỏe để theo học lớp sĩ quan đặc biệt không ?

— Đây, hồ sơ của anh đây rồi... Anh vừa hỏi gì nhỉ ? À phải sức khỏe của anh tốt lắm. Tôi sẽ xin với đơn vị trưởng cho anh một tháng dưỡng bệnh. Anh có thể về với gia đình nghỉ ngơi, sum hợp...Anh được mấy cháu rồi ?

— Thưa bác sĩ tôi...chưa lập gia đình. Tôi định sau khi mãn khóa lớp sĩ quan...

— Tôi có lời mừng cho anh. Vị hôn thê của anh duyên dáng lắm.

Thiện cầm tập hồ sơ và đứng lên từ biệt. Vị bác sĩ siết chặt tay anh giờ lâu rồi chợt bảo :

— Tôi có điều này cần nói với anh. Tôi là một y sĩ, tôi không thể không nói sự thật dù sự thật sẽ làm cho người bệnh tuyệt vọng...Anh có thể lấy người con gái mà anh thương, nhưng anh sẽ không thể đem lại hạnh phúc cần thiết cho một người đàn bà...

— Bác sĩ muốn nói tới vết thương bên hông trái ?

— Anh sẽ được biết tình trạng sức khỏe cặn kẽ hơn qua hồ sơ anh đang cầm nơi tay...Theo tôi nghĩ, anh nên can đảm nói thật với cô ta...

— Tôi sẽ không quên lời dặn của bác sĩ. Xin thành thật cám ơn.

Thiện đi ra cửa, hai chân anh như người vừa qua một cuộc hành trình lên núi.

14

Đi tới nhà ga thì hai chân nó đã mỏi rời. Nó đặt túi xuống đất để thở và quệt mồ hôi cùng bụi bết đầy trên mặt. Từ ấp Tân trù ra đến đường xe lửa chỉ có một quãng đường chừng nửa

cây số ngàn, những ngày trốn học nó hay lang thang ra nhà ga, chui qua dậu găng đến ngồi hàng giờ dưới gốc bàng đợi chuyến tầu mỗi ngày, đổ khách xuống với những tiếng còi gợi lên trong nó hình ảnh những chuyến viễn du trong trí tưởng. Quãng đường quen thuộc mọi ngày bữa nay dường như dài vô tận. Mỗi bước đi lại mang cảm tưởng hãi hùng là Ông nội đang cho đám gia nhân đuổi theo nó với đàn chó dữ và gậy gộc trên tay. Đó là một cái ga xép nghèo nàn, hiu quạnh, con đường độc nhất đi vào ga lốn nhốn những đá tai mèo và hai bên đường thì xanh um cỏ dại. Mỗi ngày một lần chuyến tầu đi qua kéo còi từng chập như giục dã, ngừng lại chừng mươi phút đồng hồ, đủ để cho mấy người đàn bà gồng gánh vài thúng rau cỏ, dăm lồng gà vịt đủ thì giờ chen nhau lên cái toa giả nua nhớp nháp. Sau đó là tiếng còi tu huýt của ông xếp tanh, người gác ghi phất qua phất lại cây cờ đỏ, hay chiếc đèn tù mù chao đi chao lại, cuối cùng những hình bóng mất hút trong đám khói đen cuồn cuộn do con tầu bỏ lại.

Buổi sáng lạnh căm với bầu trời sám đục. Tiếng heo, gà eo óc trong những chiếc xe ba bánh khiến nó nhớ lại cảnh tượng quen thuộc trong ấp nhà ông nội, sự liên tưởng làm nó muốn sa nước mắt. Đám đông ồn ào này chẳng khác những gia nhân nhà ông nội mà nó gặp mặt mỗi nhày đến nỗi bây giờ có thể nhớ ra từng bộ dạng đặc biệt, từng tiếng nói cười, từng nét vui buồn sinh hoạt xung quanh nó. Những kẻ quen thuộc đó dường như không bao giờ để ý đến đứa trẻ lạc loài cô đơn là nó. Một khoảng cách thật xa, giữa đó nổi bật hình ảnh một ông già mệt mỏi, với bà vợ trẻ uy quyền, người đàn bà đã làm cho cha nó phải bỏ đi vào lính và mẹ nó không chịu nổi cảnh tủi nhục đã phải nhẫn tâm bỏ nó lại một mình. Không biết tại sao, sau này ông nội bỗng hồi tâm, ông để ý đến nó, như thể người ta nuôi một con mèo cưng. Ông cho nó ăn uống đầy đủ hơn, ông may áo quần tươm tất hơn cho nó, ông gửi nó đến trường như tất cả những đứa bé con nhà khá giả trong quận, nhưng có một thứ mà ông không thế nào cho nó : ấy là tình mẫu tử.

Khi nó bắt đầu bập bẹ đọc được những bức thư của ba, thì những lá thư ấy cũng thưa dần. Mẹ thường đưa nó ra cổng mỗi buổi

sớm mai, nhìn mông ra khoảng chân trời xa tắp, về phía nhà ga, nơi có những chuyến tầu ghé qua đổ khách từ những thành phố xa xôi tới, kéo từng hồi tất tả, rồi lại lên đường. Mẹ khóc khi nhận được lá thư cuối cùng của ba. Bà vợ trẻ của ông nội rất lấy làm bằng lòng về sự biệt tăm của thằng con riêng. Bà ta có linh cảm hãi hùng rằng một ngày xấu nào đó hắn có thể giết bà. Bây giờ thì ba đã đi hẳn, điều nó nhận thấy khi mẹ thường lén khóc một mình. Cảnh buồn bã ấy cho tới khi mẹ đi, còn ăn sâu vào tiềm thức nó. Mẹ dắt nó đi Nha Trang một lần, nơi nhà một người bạn, có rất nhiều người ra vào tấp nập, những bộ mặt say rượu đáng sợ và âm nhạc chói tai. Mẹ có vẻ khuây khỏa trong không khí xa lạ ồn ào ấy. Người đàn bà tiếp đón mẹ và nó rất nồng nhiệt. Bà mượn đâu ra một chiếc xe hơi nhà binh cũ kỹ đưa mẹ con nó đi viếng thành phố có bờ biển chạy dài cát trắng, Tháp Bà, Cầu Đá, hòn Chồng, khu Hải viện với những sinh vật lạ mắt như cuộc du lịch đáy biển kỳ thú. Mẹ đưa nó trở về, rồi lại đi nhiều lần nữa. Một hôm, khi đưa nó đến trường thì mẹ đột nhiên bảo : Mai mẹ đi, con sẽ đi học một mình, con về với các bạn, con phải tập sống với các bạn, con phải ngoan ngoãn với mọi người, phải, phải vâng lời ông Nội và đừng làm bà trẻ giận... Sáng hôm sau, khi trở giậy thì mẹ đã lên tầu, chuyến tầu thật sớm, mà nó không có dịp ngồi nơi bụi găng ngó người gác ghi phất lá cờ đỏ. Nó bắt đầu đi học một mình, ngoan ngoãn với hết thầy mọi người, trở về thui thủi trong khu ấp rộng nơi mọi người sinh hoạt xung quanh như trên một sân khấu hát bộ mà nó là người khán giả buồn phiền ngồi ở dưới. Nó thường bỏ học đi theo những đứa trẻ chăn trâu, khoảng đồng trống với không khí mát lành, những trò đùa ngô nghê đem lại cho nó một niềm an ủi dịu dàng và nó bắt đầu học thả diều để được nghe tiếng sáo bay vút lên trời những buổi chiều gió lộng, với cảm giác tột cùng cô đơn, thoải mái. Nó mến những đứa trẻ chăn trâu hơn bọn học trò cùng lớp, những đứa này thường hay hỏi thăm nó về chuyện gia đình là điều mà nó không bao giờ muốn nói ra. Có bận nó đã khóc khi một thằng bạn căn vặn nhiều lần về sự vắng mặt bất thường của mẹ nó. Một cuộc đập lộn đã xảy ra khi cả bọn trẻ xúm vào chế riễu nó. Nó trở về nhà với cặp mắt bầm tím và quần áo tả tơi. Ông nội đã không an ủi thì chớ lại

còn nghe lời xúi biểu của bà trẻ bắt nhốt nó vào buồng tối suốt một ngày chủ nhật. Ở trường nó là một đứa học trò thông minh nhưng lì lợm và hay mơ mộng. Nó bị phạt quì hoài vì hay ngó mong ra ngoài sân khi thầy giảng hay khi làm bài thì ngồi vẽ nguệch ngoạc lên giấy nháp. Nó vẽ những con diều, bọn trẻ mục đồng như chú cuội trên cung trăng cánh đồng cỏ hoang vu với những con trâu hiền lành gặm cỏ, những bông hoa dại, nhà ga hiu quạnh với con tàu chở mộng viễn du, thành phố cát trắng miền biển và cuối cùng là bóng dáng dịu dàng của mẹ. Cũng may thầy giáo là một người nhân từ, ông hiểu và thương nó, nên cố gắng khuyên răn hơn là phạt đòn. Nó học được luôn mấy năm và một buổi sáng một thầy khác tới báo tin cho học trò biết là ông ta đến thay thế ông thầy cũ lên đường nhập ngũ tòng quân, ông thầy mới là một người đàn ông đứng tuổi mà gánh nặng gia đình đã sớm làm cho bi quan, cằn cỗi. Mỗi khi có chuyện buồn bực gia đình thì ông lại tìm cách khuây khoả trong những hình phạt gần như độc ác ban cho lũ học trò. Trong số bọn nhỏ dưới tay ông, thằng Sinh là đứa không may hơn hết. Nó là cháu đích tôn của một ông điền chủ giầu nhất vùng. Nó thông minh, nhưng học hành tài tử làm như thể gia đình nó không coi việc học vấn là cần thiết, vì với đất đai ruộng rẫy cò bay thẳng cánh như vậy nó sẽ không phải động tới cái móng tay. vậy nó chính là đối tượng lý tưởng để cho thầy giáo chút bớt lòng căm phẫn về số phận nghèo khó hẩm hiu của mình.

Năm lên chín nó thi rớt sơ học vì toán đố chỉ làm được có một con, mặc dầu luận văn khá xuất sắc. Ông nội phạt nó bằng cách bắt nó đi coi ruộng suốt mấy tháng hè và tối thì phải đi bộ gần cây số đến học tại nhà thầy giáo. Ông này tuy rất ghét nó nhưng lại không đủ can đảm từ chối món tiền học rộng rãi do ông nội nó trả. Ông nội lại còn yêu cầu thầy giáo nên đánh đòn thật dữ để cho nó ráng chăm học. Hết hè thì nó học đã khá và môn toán đố nếu thi lại nó sẽ đậu như chơi. Nhưng vì không đậu sơ học nên nó không thể vào học lớp nhì. Nó học hành tài tử trở lại, bỏ lớp đi chơi nhiều hơn, bị phạt hàng tuần và cuối cùng sự cám dỗ của con tầu nơi nhà ga hiu quạnh đã trở nên quá mạnh.

— Ông bán cho cháu cái giấy... đi Saigon...

Vào một lúc khác chắc nó đương vẽ lên tập giấy nháp người đàn ông trong khung phòng bán vé nhà ga, một người đàn ông đứng tuổi đạo mạo trong đôi kính trắng trệ xuống sống mũi đương làm cái việc rất buồn phiền là xé những tấm giấy cho hành khách, những người may mắn được đi đến những thành phố, những thị trấn xa lạ, ồn ào, trong khi ông ta như một kẻ lưu đày nơi nhà ga hiu quạnh này. Nó phải kiễng chân lên để đưa tấm giấy bạc qua khung tò vò, người bán giấy tầu nhìn nó với cặp mắt ngạc nhiên thoáng nghi ngại. Ông ta chắc không thể nào nghĩ được rằng nó vừa bỏ nhà và sắp sửa làm một cuộc phiêu lưu liều lĩnh. Ông hỏi lại một lần nữa như người hăm dọa:

— Đi đâu ?

— Dạ Saigon. Giấy hạng nhì.

Nó nhắc lại câu mẹ nó đưa nó đi Nha Trang.

Người bán vé đưa cho nó tấm vé đoạn đếm lại tiền một cách thận trọng rồi đưa trả nó, giống hệt như khi ông nội đưa tiền cho nó đi đóng học phí.

Thưa ông nội,

Cháu đi vào Sài gòn tìm ba cháu. Cháu muốn gặp mẹ cháu nữa. Cháu xin ông nội món tiền này để đi tầu. Cháu mong ông nội sẽ tha thứ cho cháu. Cháu ở với ông nội nuôi cháu ăn học đầy đủ, cháu không bao giờ quên ơn. Cháu nhớ mẹ cháu và mong sẽ gặp được mẹ cháu ở Sài Gòn. Cuối thơ cháu cầu chúc trời phật phù hộ cho ông nội mạnh giỏi.

Kính lậy ông nội

Ông nội thường có thói quen cất tiền trong tủ trà, nơi ông hàng ngày dùng bữa và giải quyết những vấn đề tiền bạc với đám nông dân, chiếc tủ bằng gụ có nhiều ngăn bên trong và hai cánh cửa trạm trổ bằng xà cừ theo một bức tranh tầu hình mai, lan, cúc, trúc. Với chiếc sập chân quì và chiếc bàn trên để bộ đồ trà gồm những chén cổ trung hoa được lau chùi trang trọng mỗi ngày. Nó đã trở giậy lúc gà gáy canh đầu trong khoảng chạng vạng dón dén mở cánh tủ bên tay mặt, nơi ông nội cất tiền, lượm rất nhanh mấy tờ giấy trăm chưa gấp nếp luồn vào

túi áo sơ mi rồi khoác túi hành trang lên vai. Một vài gia nhân đã lục tục trở giậy nhưng không ai buồn để ý tới nó vì bận rộn với những công việc hàng ngày của họ. Con chó Tô đi theo nó một đỗi đường, câm lặng đợi cái nựng đầu cửa rồi lủi thủi trở về trại. Buổi sáng sương lạnh, từng hạt trên mặt nó, như những giọt nước mắt, một nỗi ngậm ngùi chặn nơi lồng ngực, nhưng chỉ thoáng sau, nó nghe lòng mình nhẹ lâng như cánh diều căng gió, hình ảnh dịu dàng, bàn tay thân yêu của ba và mẹ như vừng dương ló dạng chân trời xa nơi con tàu kéo những hồi còi dài khỏe khoắn và chuyến đi như trong thần thoại.

— Này đi mình ên sao, nhỏ ?

Vẻ mặt ngơ ngác chim rừng của nó khiến người soát vé vẫn ngậm thinh thường ngày đã không khỏi ngạc nhiên khi bấm vé cho nó ra ngoài ke. Nó ngước nhìn người đối thoại, gật đầu bình thản rồi xốc túi đeo lên vai đi về phía toa hạng nhì như một du khách thành thạo. Bực thang hơi cao đối với nó, nhưng toa hạng nhì không hỗn tạp và ít nhớp nhúa hơn hạng ba với cảnh chen chúc tội nghiệp của những người đàn bà gồng gánh lam lũ. Bây giờ nó không còn là đứa trẻ vẫn ra nhìn những con tầu khởi hành nữa mà chính nó đương là một hành khách trên chuyến xe phiêu lưu đầu đời. Nó bước vào trong toa và không còn nghe thấy gì hơn là tiếng đập rộn ràng trong lồng ngực. Thoáng chốc tiếng còi tầu cất lên, nó thò đầu qua khung cửa xa toa nhìn lại lần chót quang cảnh nhà ga hiu quạnh, ngậm ngùi như đang giã từ một người bạn thân yêu. Tầu bắt đầu chuyển bánh, mùi khói than khét lẹt và qua màng khói người gác ghi mọi ngày đang phất lá cờ đỏ quen thuộc, như bàn tay vẫy tạ từ, cây bàng nơi nó vẫn ngồi đợi những chuyến tàu, hàng đậu găng, và xa hơn nữa là con đường đất hằn vết chân trâu chạy lùi về ấp Tân trù. Ông nội. Ông nội, cháu đi..,

— Này em, cầm lấy mà lau mắt. Ba má em đâu ?

Giọng nói hiền hòa, khuôn mặt bao dung nơi người đàn ông lạ khiến nó liên tưởng đến thầy giáo cũ. Nó hơi ngượng ngùng phải lau nước mắt trước một người lạ.

— Vậy ra em đi một mình ?

— Dạ, em vô Sài Gòn với ba em.

Khách ngạc nhiên hơn, nhưng đôi mắt không ngớt vẻ thán phục một vẻ thán phục pha lẫn cảm tình. Nó bắt đầu nói mạnh dạn hơn :

— Ông cũng vô... đó ư ?

— Phải, tôi cũng đi một mình như em. Bây giờ thì mình có bạn đồng hành rồi.

Người đàn ông móc túi lấy con dao nhỏ, giở gói giấy lấy ổ bánh mì, cắt làm đôi đưa cho đứa nhỏ một nửa :

— Chắc em chưa ăn sáng. Ăn một miếng cho vui...

Chưa bao giờ nó lại ăn một mẩu bánh mì ngon đến thế. Người bạn đồng hành kể cho nó nghe về thành phố mà nó sẽ đến sau cuộc hành trình rất dài, nó chăm chú nghe như đứa bé ngồi bên bà nội nghe chuyện thần tiên. Bây giờ thì ấp Tân trù đã ở xa ngút ngàn, sau những khóm tre chạy dài nơi chân trời mịt mù mây trắng. Những gia nhân không còn hy vọng bắt được nó đem về trả ông nội. Có thể ông đương la lối họ hoặc bà vợ trẻ đa nghi của ông mở tủ trà và phát giác được vụ mất tiền. Bà sẽ gào lên như một con điên, giống như nhiều lần sau những cuộc gây gổ ồn ào trong gia đình mà nạn nhân luôn luôn là ba, hoặc mẹ. Buổi học sáng ông giáo sẽ nghĩ rằng nó sẽ trốn học như nhiều lần trước và sửa soạn sẵn cho nó khi vào lớp ngày hôm sau một hình phạt thích đáng.

Hai con mắt nó bắt đầu gà gà, một màng sương mù đương giăng trong tiềm thức với những hình ảnh hỗn độn, chao đi chao lại như ngọn đèn người gác ghi, nhà ga sau đám khói tầu.

Người bạn đồng hành nghe vai mình ấm lại. Chàng đặt đứa bé gối đầu lên chiếc áo dạ nơi thành ghế, đốt một điếu thuốc rồi giở tờ báo buổi sáng ra đọc.

5

— Ba phải nói thật với con : Ba không ngờ mẹ con đã bỏ con mà đi. Đó cũng là lỗi nơi ba. Ba đã trốn tránh trách nhiệm

của một người chồng và ba không làm tròn bổn phận người cha. Bây giờ con đặt ba trước một tình thế hết sức khó xử. Con hãy cố gắng giúp ba. Con muốn ở đây với ba hay trở về với ông nội ?

Đạo nói với đứa con trai chưa tới mười một tuổi đầu như lúc bộc bạch tâm tư trước một người bạn trẻ. Cuộc sống trôi giạt của chàng đã đưa chàng qua những vùng đời đen tối nhất giữa những ngày tháng dằng dặc chiến tranh, giữa đam mê, lọc lừa, chém giết và trạm ngừng chân cuối cùng là thành phố xa hoa, nhơ nhớp này.

Đạo gặp Thúy trong một trường hợp hết sức ngẫu nhiên. Khi đó Thúy vừa sinh hạ đứa con đầu lòng, một đứa trẻ èo uột, đã mang cái bất hạnh là không bao giờ được biết cha nó là ai. Thúy ở từng trên một căn nhà nhỏ giữa một con hẻm không tên có những người hàng xóm phần đông là gia đình lao động. Căn nhà do Thúy làm chủ và một người đã để cho Đạo tá túc giữa những ngày chàng vừa rời khỏi quân ngũ. Đạo kiếm được chân thư ký nơi một hãng buôn nọ và người bạn thì chàng không biết rõ y sống bằng nghề gì, nhưng y sống một cách dễ chịu và đôi khi còn cho Đạo vay tiền. Cả hai người khách trọ đều vắng mặt suốt ngày, nhiều đêm, Thúy thức giấc vì tiếng then cửa, tiếng nước xối ào ào, tiếng bước chân rón rén nơi cầu thang, rồi khi nàng trở giậy pha sữa cho đứa nhỏ thì một trong hai người đi nấu nước. Họ pha sữa dùm cho Thúy và một lát sau nàng ngửi thấy mùi cà phê thơm dễ chịu.

Canh bạc khuya đã làm Đạo cháy túi. Chàng hút thuốc liên miên, uống cà phê đặc và nghe được tiếng trở mình trằn trọc của người đàn bà qua lớp ván gác thưa. Khoảng hai giờ sáng, Đạo nghe thoáng tiếng dép Nhật trên bực thang, cánh cửa phòng tắm mở toang và thân người đàn bà trong tấm áo cánh phong phanh lồ lộ dưới ánh đèn như một khêu gợi cuồng nhiệt.

vĩnh lộc *(còn nữa)*